

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ CÔNG THƯƠNG**

DỰ THẢO

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
MẠNG LƯỚI KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN
2016-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Thái Nguyên, tháng 11 năm 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	5
1. Sự cần thiết xây dựng quy hoạch.....	5
2. Căn cứ pháp lý để lập quy hoạch.....	5
3. Mục tiêu điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch.....	7
4. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	7
5. Phương pháp lập quy hoạch.....	8
PHẦN THỨ NHẤT	8
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	8
MẠNG LƯỚI KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN THÁI NGUYÊN	8
1.1. Những yếu tố tự nhiên, chính trị, xã hội ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	8
1.1.1. Yếu tố tự nhiên	8
1.1.2. Yếu tố chính trị, văn hóa xã hội	11
1.2. Thị trường xăng dầu Việt Nam	13
1.2.1. Trữ lượng, tình hình khai thác, chế biến xăng dầu	13
1.2.2. Tình hình cung ứng xăng dầu.....	14
1.2.3. Dự báo nhu cầu sử dụng xăng, dầu của Việt Nam đến năm 2020.....	15
PHẦN THỨ HAI	17
HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015.....	17
2.1. Tình hình kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2005 – 2008.....	17
2.1.1. Tăng trưởng GDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	17
2.1.2. Các nguồn lực tập trung cho đầu tư phát triển kinh tế	19
2.1.3. Tình hình đầu tư	20
2.1.4. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ.....	21
2.1.5. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá	22
2.2. Thực trạng hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	23
2.2.1. Hệ thống đường bộ	23

2.2.2. Hệ thống đường sắt.....	24
2.2.3. Hệ thống đường sông.....	24
2.3. Thực trạng các tổ chức kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh	24
2.3.1. Số lượng và loại hình doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu	24
2.3.2. Trình độ chuyên môn, lao động và lĩnh vực kinh doanh.....	36
2.4. Quy mô vốn đầu tư.....	37
2.5. Thực trạng mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh Thái Nguyên	37
2.5.1. Các tiêu chí phân loại, đánh giá hiện trạng.....	37
2.5.2. Số lượng các cơ sở cửa hàng, điểm) bán lẻ xăng dầu	38
2.5.3. Hệ thống cơ sở vật chất kho dự trữ và các điểm bán lẻ xăng dầu	40
2.5.4. Tình hình cung ứng và tiêu thụ xăng dầu	40
2.5.5. Công tác phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường	41
2.6. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về kinh doanh xăng dầu	41
2.6.1. Cơ chế, chính sách chung của Nhà nước.....	42
2.6.2. Quản lý Nhà nước về kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.....	42
2.7. Đánh giá chung về thực hiện quy hoạch giai đoạn 2009-2020 và phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	43
2.7.1. Đánh giá chung về thực hiện quy hoạch giai đoạn 2009-2020	43
2.7.2. Những thuận lợi cơ bản.....	43
2.7.3 Những kết quả đạt được:.....	44
2.7.4. Những khó khăn, hạn chế	46
PHẦN THỨ BA.....	48
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.....	48
3.1. Mục tiêu và định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của Thái Nguyên giai đoạn đến 2020, tầm nhìn 2030.....	48
3.1.1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên	48
3.1.2. Định hướng phát triển các ngành kinh tế của Tỉnh đến 2020, tầm nhìn 2030 có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu	49
3.2. Mục tiêu phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh thái nguyên đến 2020	61

3.2.1. Những mục tiêu chủ yếu:.....	61
3.2.2. Xu hướng phát triển các điểm kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.....	61
3.3. Định hướng phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Thái Nguyên giai đoạn 2016 – 2020, có xét đến 2030.	63
3.3.1. Dự báo nhu cầu sử dụng xăng dầu các giai đoạn.....	63
3.3.2. Định hướng các thành phần kinh tế tham gia lưu giữ, cung ứng, kinh doanh xăng dầu.....	66
3.3.3. Định hướng phân bố mạng lưới kinh doanh xăng dầu theo không gian thị trường.....	66
3.3.4. Định hướng phát triển các phương thức kinh doanh xăng dầu.....	66
3.4. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	66
3.4.1. Các tiêu chí để thực hiện Quy hoạch mạng lưới bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	66
3.4.2. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới xăng dầu theo địa bàn... 71	
3.4.3. Quy hoạch phát triển mạng lưới xăng dầu theo tuyến quốc lộ và tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	86
3.5. Quy hoạch hệ thống kho dự trữ xăng dầu và hệ thống vận tải xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	87
3.5.1. Định hướng quy hoạch hệ thống kho dự trữ xăng dầu.....	87
3.5.2. Định hướng quy hoạch hệ thống vận tải xăng dầu của Tỉnh.....	87
3.6. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư cho mạng lưới kinh doanh xăng dầu.....	88
3.6.1. Nội dung đầu tư phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu.....	85
3.6.2. Nhu cầu vốn đầu tư của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020.....	89
PHẦN THỨ TƯ.....	93
CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2009 ĐẾN NĂM 2020.....	93
4.1. Các giải pháp chung.....	93
4.1.1. Đa dạng hoá các tổ chức, các thành phần kinh tế tham gia phân phối, kinh doanh xăng dầu:.....	93

4.1.2. Các chính sách, giải pháp về đầu tư, phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thời kỳ đến 2020.....	94
4.1.3. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.....	96
4.2. Các giải pháp từ phía doanh nghiệp.....	98
4.2.1. Từng bước thực hiện hiện đại hoá, đổi mới công nghệ và thiết bị hệ thống kho xăng dầu.....	98
4.2.2. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng bể chứa xăng dầu.....	98
4.2.3. Tăng cường bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu.....	99
PHẦN THỨ NĂM.....	101
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	101
5.1. Công bố và triển khai quy hoạch.....	101
5.2. Cụ thể hoá quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm.....	101
5.3. Trách nhiệm các ngành, các cấp trong Tỉnh.....	101
a) Sở Công Thương.....	101
b) Sở Kế hoạch và Đầu tư.....	102
c) Sở Tài chính.....	102
d) Sở Tài nguyên và Môi trường.....	102
đ) Sở Xây dựng.....	102
i) Sở Khoa học và Công nghệ.....	103
g/ Công an Tỉnh.....	103
h/ UBND các thành phố, thị xã, huyện.....	103
k/ Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.....	104
l/ Các cơ quan thông tin, tuyên truyền.....	104
PHẦN THỨ SÁU.....	105
Kết luận và kiến nghị.....	Error! Bookmark not defined.
6.1. Kết luận.....	105
6.2. Kiến nghị.....	105

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch

Xăng dầu là mặt hàng năng lượng thiết yếu đối với sản xuất, đời sống và an ninh quốc phòng; mạng lưới kinh doanh xăng dầu là cơ sở hạ tầng quan trọng không thể thiếu của mỗi địa phương cũng như của cả nước nhằm đảm bảo cung ứng đầy đủ nhiên liệu cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Sau 7 năm thực hiện Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2009-2020 phát sinh nhiều bất cập, đa phần các cửa hàng kinh doanh xăng dầu hình thành từ nhiều năm trước nên trang thiết bị kỹ thuật của các cửa hàng không đáp ứng được yêu cầu kinh doanh; mặt bằng cửa hàng không đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế cửa hàng xăng dầu về thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu theo quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-BCT ngày 18/6/2013 của Bộ Công Thương...nên không đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh về kinh tế - xã hội của Tỉnh với những chuyển đổi lớn về: Mạng lưới giao thông được đầu tư mới và phát triển thêm, hàng loạt các Khu đô thị, Khu Cụm công nghiệp mới ra đời, số lượng phương tiện tham gia giao thông và thiết bị sử dụng xăng dầu gia tăng nhanh... đòi hỏi phải sớm điều chỉnh hoàn thiện mạng lưới kinh doanh xăng dầu theo một quy hoạch tổng thể thống nhất, đủ điều kiện phục vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển chung trên địa bàn Tỉnh. Do vậy, việc xây dựng Đề án “*Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016- 2020, tầm nhìn đến năm 2030*” là hết sức cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý để lập quy hoạch

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII;

- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 và Kết luận số 26-KL/TW ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị; Quyết định số 1580/QĐ-TTg , ngày 06 tháng 09 năm 2014 của thủ tướng chính phủ về Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020.

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP; Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã

hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Quyết định số 1615/QĐ-TTg ngày 17/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác quy hoạch; Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại;

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP, ngày 03/9/2014 của Chính Phủ về kinh doanh xăng dầu; Quyết định số 27/2007/QĐ-TTg ngày 15/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thương mại trong nước đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020; Thông tư số 38/2014/TT-BCT, ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ về kinh doanh xăng dầu; Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn liên quan đến hạ tầng thương mại hiện hành;

- Thông tư số 11/2013/TT-BCT, ngày 18/6/2013 của Bộ Công Thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu;

- Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Văn kiện đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX;

- Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2267/QĐ-UBND, ngày 15/9/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2009 đến năm 2020;

- Quyết định số 1543/QĐ-UBND, ngày 21/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 2527/QĐ-UBND, ngày 04/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2025;

- Các Quy hoạch về giao thông, Đô thị, Công nghiệp, khu, Cụm công nghiệp.... trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Các văn bản luật khác có liên quan đến lĩnh vực Thương mại, Doanh nghiệp xây dựng, Đất đai, Môi trường, Phòng cháy chữa cháy...

- Công văn số 3033/UBND-KTN ngày 05/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc lập đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Mục tiêu điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch

3.1. Mục tiêu chung

Đánh giá được hiện trạng và định hướng phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo một Quy hoạch tổng thể thống nhất, bảo đảm phục vụ ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu mọi vùng miền và có hiệu quả quá trình phát triển KT-XH của Tỉnh. Đưa hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh tuân thủ quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng kinh doanh xăng dầu...

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Làm cơ sở để quản lý và lập kế hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu, kho xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.

- Xấp xếp lại hệ thống mạng lưới xăng dầu hiện có, loại bỏ các cửa hàng không phù hợp quy hoạch phát triển của tỉnh hoặc vi phạm các quy chuẩn kỹ thuật. Khai thác tốt hơn cơ sở vật chất hiện có, giảm thiểu những nguy cơ mất an toàn về phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường.

- Tăng hiệu quả đầu tư, tăng tính mỹ thuật trong kiến trúc đô thị.

3.3. Các nhiệm vụ chủ yếu

- Phân tích, đánh giá các điều kiện, yếu tố phát triển mạng lưới cửa hàng xăng dầu, kho xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.

- Đánh giá hiện trạng mạng lưới cửa hàng xăng dầu, kho xăng dầu và hiện trạng tổ chức kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.

- Xây dựng phương án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới xăng dầu, kho xăng dầu trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, có xét đến năm 2030

- Đề xuất các giải pháp và tổ chức thực hiện quy hoạch

4. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh

Mọi hoạt động đầu tư phát triển mạng lưới hạ tầng kỹ thuật lưu giữ, kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đối tượng áp dụng

+ Cơ quan quản lý Nhà nước về phát triển mạng lưới hạ tầng kỹ thuật lưu giữ, kinh doanh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

+ Các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển mạng lưới hạ tầng kỹ thuật lưu giữ, kinh doanh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

5. Phương pháp lập quy hoạch

- Phương pháp điều tra, khảo sát;
- Phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, dự báo;
- Các phương pháp khác (chuyên gia, so sánh ...).

PHẦN THỨ NHẤT

**CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
MẠNG LƯỚI KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN THÁI
NGUYÊN**

1.1. Những yếu tố tự nhiên, chính trị, xã hội ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1.1.1. Yếu tố tự nhiên

a) Vị trí địa lý, hành chính:

Thái Nguyên là một trong những tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, phía Tây giáp với các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang; phía Bắc giáp Bắc Kạn; phía Đông giáp Lạng Sơn, Bắc Giang; phía Nam giáp Hà Nội. Thái Nguyên có diện tích tự nhiên là 3.526,64 km²; Dân số là: 1.238.785 người, trong đó có 8 dân tộc chủ yếu sinh sống: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, H'Mông, Sán Chay, Hoa và Dao.

Tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính: 02 thành phố (Thái Nguyên; Sông Công), thị xã Phổ Yên và 6 huyện: Phú Bình, Đông Hỷ, Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương. Có 180 đơn vị hành chính cấp xã gồm: 140 xã, 30 phường, 10 thị trấn. Thành phố Thái Nguyên với dân số 315.196 người, là đô thị loại I, là cực phát triển phía Bắc của vùng Thủ đô, là trung tâm Giáo dục-Đào tạo, Khoa học - Công nghệ, y tế của Vùng, là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá xã hội của Tỉnh.

Thái Nguyên là cửa ngõ phía Nam nối vùng Việt Bắc với Hà Nội, các tỉnh đồng bằng sông Hồng với các tỉnh khác trong cả nước và quốc tế thông qua đường Quốc lộ 3; sân bay quốc tế Nội Bài; cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh;

cảng sông Đa Phúc và đường sông đến Hải Phòng; đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên và Thái Nguyên - Bắc Giang. Đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên là tuyến đường hướng tâm nằm trong quy hoạch vành đai vùng Hà Nội.

Thái Nguyên có điều kiện địa lý rất thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội hiện tại và tương lai.

b) Khí hậu và địa hình, địa chất:

* *Khí hậu*: Thái Nguyên thuộc vùng Đông bắc, địa hình tương đối cao nên thường lạnh hơn so với các vùng tiếp giáp tỉnh về phía Nam và Tây Nam. Nhiệt độ chênh lệch giữa tháng nóng nhất (tháng 6: 38,9⁰C) với tháng lạnh nhất (tháng 1: 15,2⁰C) là 23,7⁰C. Tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1.300 đến 1.750 giờ và phân phối tương đối đều cho các tháng trong năm. Nhìn chung, khí hậu Thái Nguyên tương đối thuận lợi cho việc phát triển một hệ sinh thái đa dạng và bền vững, thuận lợi cho phát triển ngành Nông - Lâm nghiệp, là nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến Nông - Lâm sản, Thực phẩm.

* *Địa hình*: có 04 nhóm cảnh quan hình thái địa hình khác nhau: Nhóm cảnh quan địa hình đồng bằng, kiểu đồng bằng aluvi, rìa đồng bằng Bắc Bộ có diện tích không lớn, phân bố ở phía Nam của tỉnh, chủ yếu thuộc hai huyện Phú Bình, Phổ Yên với độ cao địa hình 10 - 15m. Kiểu địa hình đồng bằng xen lẫn đồi núi thoải dạng bậc thềm cổ có diện tích lớn hơn, độ cao địa hình vào khoảng 20 - 30m và phân bố dọc hai con sông lớn là sông Cầu và sông Công thuộc Phổ Yên và Phú Bình; Các kiểu đồng bằng còn lại phân bố rải rác ở độ cao lớn hơn. Nhóm cảnh quan hình thái địa hình gò đồi được chia thành 03 kiểu (Kiểu cảnh quan gò đồi thấp, trung bình, dạng bát úp với độ cao 50 - 70m, phân bố ở Phú Bình, Phổ Yên; Kiểu cảnh quan đồi cao đồng bằng hẹp, độ cao phổ biến từ 100 - 125m, chủ yếu phân bố ở phía Tây Bắc của tỉnh, kéo dài từ Đại Từ tới Định Hoá; Kiểu địa hình đồi cao sườn lồi, thẳng, đỉnh nhọn, hẹp, kéo dài dạng dãy, độ cao phổ biến từ 100 - 150m, phân bố ở phía bắc của tỉnh trong lưu vực sông Cầu, từ Đồng Hỷ, Phú Lương đến Định Hoá. Nhóm cảnh quan hình thái địa hình núi thấp có diện tích chiếm tỷ lệ lớn, hầu như chiếm trọn vùng Đông Bắc của tỉnh. Nhóm này phân bố dọc ranh giới Thái Nguyên với các tỉnh: Bắc Giang, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang. Các kiểu cảnh quan hình thái địa hình núi thấp được cấu tạo bởi năm loại đá chính: Đá vôi, đá trầm tích biến chất, đá Bazơ và siêu Bazơ, đá trầm tích phun trào, đá xâm nhập axit. Nhóm cảnh quan hình thái địa hình nhân tác ở Thái Nguyên chỉ có một kiểu là các hồ chứa nhân tạo, các hồ lớn như: hồ Núi Cốc, Khe Lạnh, Bảo Linh, Cây Si, Ghềnh Chè....Như vậy, có thể thấy cảnh quan hình thái địa hình Thái Nguyên khá phong phú; muốn khai thác, sử dụng trong phát triển công nghiệp phải tính đến đặc tính của từng cảnh quan, đặc biệt là các kiểu cảnh quan đồi núi chiếm phần lớn diện tích của tỉnh.

* *Địa chất:* Trong bản chú giải bản đồ địa chất và khoáng sản đã liệt kê tới 28 hệ tầng phức hệ địa chất với nhiều loại đất đá khác nhau. Các hệ tầng này phần lớn có dạng tuyến và phân bố theo nhiều hướng khác nhau. Phần lớn các hệ tầng nằm ở phía Bắc của tỉnh có hướng thiên về Đông Bắc - Tây Nam, trong khi các hệ tầng phía Nam của tỉnh lại thiên về hướng Tây Bắc - Đông Nam. Các hệ tầng có chứa đá vôi (các hệ tầng Đồng Đăng, Bắc Sơn) tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc của Tỉnh, không thành khối liên tục mà xen kẽ với các tầng khác nhau như: Sông Hiến, Lạng Sơn, Bắc Bun,... Vùng Tây Bắc của Tỉnh (huyện Định Hoá) có hệ tầng Phú Ngữ, chiếm tỷ lệ diện tích lớn với các loại đá phổ biến là phiến sét, sét, sét silic, cát bột kết,... Chiếm diện tích lớn ở vùng phía Nam là các hệ tầng: Tam Đảo, Nà Khuất, Hà Cối với nhiều loại đá khác nhau. Rõ ràng với điều kiện địa chất như vậy, Thái Nguyên có nhiều loại khoáng sản, cả nhiên liệu, kim loại, phi kim loại. Mặc dù, là tỉnh trung du miền núi nhưng địa hình tỉnh Thái Nguyên không phức tạp so với các tỉnh khác trong vùng. Đây cũng là một trong những thuận lợi của Tỉnh cho việc canh tác nông lâm nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội nói chung mà nhiều tỉnh trung du miền núi phía Bắc khác không có.

c) *Tiềm năng đất:* Tổng diện tích đất tự nhiên toàn Tỉnh là 352.664 ha, hiện trạng sử dụng năm 2015 như sau: Diện tích đất nông nghiệp 303.674 ha; Đất phi nông nghiệp 44.209 ha; Đất chưa sử dụng 4.781 ha. Chiếm tỷ trọng lớn nhất ở Thái Nguyên là đất lâm nghiệp có rừng 51,75%, tiếp đó là đất dùng để sản xuất nông nghiệp chiếm 31,98%. Hiện tại đất ở chiếm tỷ trọng nhỏ 3,38%, đặc biệt là đất đô thị chỉ có 0,62%. Cơ cấu sử dụng đất của tỉnh có sự thay đổi tương đối lớn kể từ năm 2000 đến nay, đất lâm, nông nghiệp có sự gia tăng hàng năm còn đất chưa sử dụng đã giảm dần.

d) *Tài nguyên nước:* Thái Nguyên có 02 sông chính: Sông Công có lưu vực 951km² bắt nguồn từ vùng núi Ba Lá huyện Định Hoá chạy dọc theo chân núi Tam Đảo. Dòng sông đã được ngăn lại ở Đại Từ tạo thành hồ Núi Cốc có mặt nước rộng khoảng 25km², chứa 175 triệu m³ nước, có thể điều hoà dòng chảy và chủ động tưới tiêu cho hai vụ lúa, màu, cây công nghiệp và cung cấp nước sinh hoạt cho thành phố Thái Nguyên, Sông Công và thị xã Phổ Yên... Sông Cầu nằm trong hệ thống sông Thái Bình có lưu vực 3.480 km² bắt nguồn từ Chợ Đồn - Bắc Kạn chảy theo hướng Bắc-Đông Nam. Hệ thống thủy nông sông Cầu tưới cho lúa 02 vụ của các huyện Phú Bình (Thái Nguyên), Hiệp Hoà, Tân Yên (Bắc Giang). Ngoài ra, Thái Nguyên còn có trữ lượng nước ngầm khá lớn nhưng việc khai thác sử dụng còn hạn chế.

đ) *Tài nguyên khoáng sản:* Tài nguyên khoáng sản của Thái Nguyên phong phú về chủng loại (bao gồm cả nhóm khoáng sản kim loại, nhóm khoáng sản phi kim và nhóm vật liệu xây dựng). Trong đó, nhiều loại có vai trò rất quan trọng

phục vụ phát triển kinh tế đất nước như: Vonfram, Sắt, Than, Titan, Kẽm chì...ngoài ra, trên địa bàn Tỉnh còn có một số kim loại quý tuy trữ lượng không lớn nhưng lại có ý nghĩa to lớn về mặt kinh tế như: Đồng, vàng, thủy ngân...

e) *Tài nguyên rừng*: Theo niên giám thống kê năm 2015, tổng diện tích rừng hiện có trên địa bàn tỉnh 185.525,9 ha, trong đó: Rừng tự nhiên 77.451,4 ha; Rừng trồng 108.074,5 ha; Sản lượng các sản phẩm khai thác từ rừng năm 2015 gồm: Gỗ 171.089m³ (Gỗ rừng tự nhiên 3.758m³, Gỗ rừng trồng 167.331m³); củi 236.423 ste; luồng, vầu, tre 1,736 triệu cây, nứa 2.974 cây, nhựa thông 4 tấn, lá cọ 1,587 triệu lá...Diện tích rừng trồng mới năm 2015 là 6.552ha (cao nhất là năm 2010 diện tích rừng trồng mới là 7.184ha).

1.1.2. Yếu tố chính trị, văn hóa xã hội

a) Thái Nguyên là nơi có các cơ sở công nghiệp lớn, quan trọng

- Hệ thống các cơ sở chế biến sâu khoáng sản lớn của các đơn vị: Công ty CP Gang thép, Công ty CP Kim loại Mầu Thái Nguyên, Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo..

- Hệ thống các cơ sở cơ khí khu: Gò Đầm (Sông Công), Bãi Bông (Phổ Yên).

- Hệ thống các cơ sở sản xuất VLXD: Xi măng Thái Nguyên, La Hiên...

- Hệ thống các cơ sở công nghiệp Quốc Phòng: Z₁₂₇; Z₁₁₅; Z₁₅₉; Z₁₃₁...

b) Thái Nguyên là Trung tâm kinh tế, y tế, văn hoá, du lịch, đào tạo và nghiên cứu khoa học - công nghệ của vùng

- Thái Nguyên là một trung tâm kinh tế lớn của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, vùng Thủ đô và cả nước, luôn có mức tăng trưởng nhanh và cao hơn bình quân chung của cả nước. Trên địa bàn có các cơ sở công nghiệp quan trọng về luyện kim, chế biến sâu khoáng sản (Công ty CP gang thép, Công ty CP kim loại mầu...); các cơ sở cơ khí (khu vực Gò Đầm-Sông Công và Bãi Bông-Phổ Yên...); các cơ sở sản xuất VLXD (Xi măng Thái Nguyên, La Hiên, Quan Triều...); các cơ sở công nghiệp Quốc Phòng: Z₁₂₇; Z₁₁₅; Z₁₅₉; Z₁₂₇; Z₁₃₁...các mỏ khoáng sản lớn (Vonfram đa kim Núi Pháo; Sắt Tiến Bộ-Trại Cau; Than Khánh Hòa-Núi Hồng; Kẽm chì Lang Hích-Cúc Đường...); có cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đang phân đầu đến năm 2020 là tỉnh công nghiệp với cơ cấu: Công nghiệp-Xây dựng-Dịch vụ đạt 90% trở lên và Nông lâm nghiệp, Thủy sản từ 10% trở xuống.

- Có quá trình đô thị hoá nhanh: Hiện trên địa bàn tỉnh đã có 02 thành phố (Thái Nguyên là đô thị loại I và Sông Công là đô thị loại III; thị xã Phổ Yên là đô thị loại IV...cần phải tiến hành đô thị hoá với tốc độ nhanh hơn nữa trong những

năm tới để đạt ra các tiêu chí đề ra cho loại đô thị này. Đối với các huyện, thị khác, cần phát triển các Khu đô thị mới, các thị tứ, các trung tâm thương mại, du lịch trong tỉnh. Bên cạnh đó, với những tài nguyên du lịch quý giá (Khu du lịch Hồ Núi Cốc-Tam Đảo, hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà...), các di tích lịch sử văn hoá (Khu di tích ATK, bảo tàng văn hoá các dân tộc Việt Nam, địa điểm cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, di tích lịch sử xã Tiên phong...), các công trình kiến trúc đền Đuôm (Phú Lương), chùa Hang (Đông Hỷ), đền Đội Cấn, chùa Phủ Liễn...(Thành phố Thái Nguyên)..., Thái Nguyên có thể hình thành các tuyến du lịch nối các điểm tham quan của các tỉnh lân cận như: Cây đa Tân Trào (Tuyên Quang), Hồ Ba Bể (Bắc Kạn), động Tam Thanh, Nhị Thanh (Lạng Sơn)... Với tiềm năng này đã và đang tạo cho Thái Nguyên là trung tâm du lịch sinh thái và văn hoá, lịch sử của quốc gia trong tương lai.

- Là một trong những trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và giáo dục lớn của vùng trung du miền núi Bắc Bộ và của cả; trên địa bàn tỉnh có 9 trường đại học, 12 trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Việc dạy nghề, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động luôn được quan tâm. Tuy nhiên, nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động hiện vẫn chưa được đáp ứng đầy đủ, số lượng công nhân kỹ thuật được đào tạo hàng năm còn ít, chưa đủ cung cấp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn và các tỉnh, vùng khác.

- Là một trong những trung tâm Y tế lớn của vùng trung du miền núi Bắc Bộ và của cả nước: Đến năm 2015 trên địa bàn Tỉnh có 560 cơ sở y tế với 5.275 giường bệnh nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và chữa bệnh cho nhân dân. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai và thực hiện tương đối tốt, tình trạng vệ sinh an toàn thực phẩm được cải thiện, các dịch bệnh lớn được kiểm soát tương đối hiệu quả, các bệnh xã hội được tích cực phòng chống và bài trừ... Công tác dân số, KHHGD và bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ em được thực hiện tương đối tốt, các mục tiêu Chương trình quốc gia về chăm sóc bảo vệ trẻ em được triển khai hiệu quả trên địa bàn.

- Hệ thống Văn hoá, thể thao, thông tin tuyên truyền và các lĩnh vực xã hội khác luôn được quan tâm phát triển: Cùng với đời sống kinh tế, đời sống văn hóa, xã hội của nhân dân trong Tỉnh ngày càng được cải thiện, 100% xã trong tỉnh được phủ sóng truyền hình và truyền thanh. Hoạt động văn hoá, thể thao, thông tin tuyên truyền phát triển rộng khắp trên toàn địa bàn và có chiều sâu hơn so với trước đây. Công tác thông tin có hiệu quả, hoạt động phát thanh truyền hình đã bám sát các nhiệm vụ chính trị của đất nước, thành phố và địa phương với nhiều hình thức phong phú, chất lượng, nội dung ngày càng được nâng cao.

- Công tác quốc phòng, an ninh thường xuyên được sự quan tâm của các cấp uỷ và chính quyền. Công tác quân sự địa phương luôn được đảm bảo, lực

lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được tập trung huấn luyện định kỳ, đạt yêu cầu cả về tư tưởng và kỹ thuật tác chiến. Tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội có những bước chuyển biến tích cực.

- Đảm bảo chính sách Dân số và đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực:

+ Quy mô dân số: Dân số của Thái Nguyên (năm 2015) là 1.238.785 người (mật độ 351 người/km²) thuộc 8 dân tộc khác nhau. Tốc độ tăng dân số trung bình của Thái Nguyên ở mức 0,9% /năm.

+ Cơ cấu dân số: Tỷ lệ dân số nam và nữ trên địa bàn Thái Nguyên chênh lệch không đáng kể (Năm 2015, tỉ lệ dân số nữ chiếm 50,87%, nam chiếm 49,13%), tỉ lệ dân thành thị chiếm 34,11%, dân số hoạt động nông nghiệp chiếm 65,89%.

+ Chất lượng dân số: Chất lượng dân số trên địa bàn Thái Nguyên được cải thiện nhanh và hiện đạt mức cao hơn mức bình quân của vùng, các chỉ số về thể lực như chiều cao, cân nặng có nhiều tiến bộ qua các năm.

+ Nguồn nhân lực: Thái Nguyên hiện có nguồn nhân lực khá dồi dào. Tính đến năm 2015, dân số trong độ tuổi lao động trên địa bàn là 763.800 người (trong đó: Lao động đang làm việc trong các phân ngành kinh tế là 754.610 người (nông lâm nghiệp thủy sản là 384.851, chiếm 51%; công nghiệp-xây dựng là 205.254, chiếm 27,2%; Dịch vụ là 164.505, chiếm 21,8%), Tuy nhiên, vẫn có sự chênh lệch lớn về trình độ nguồn nhân lực giữa khu vực nông thôn và khu vực thành thị.

1.2. Thị trường xăng dầu Việt Nam

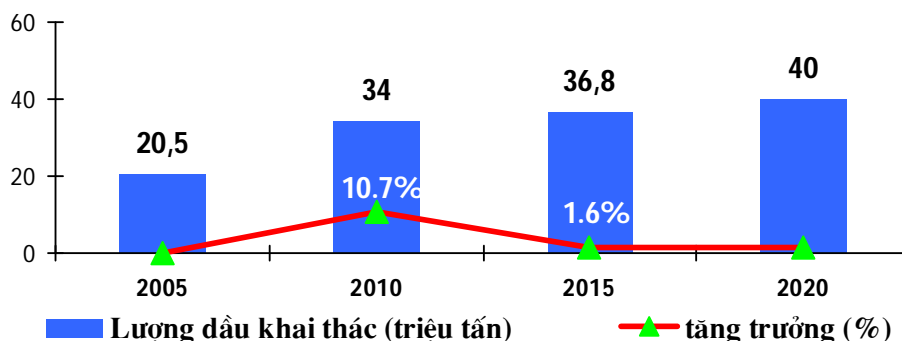
1.2.1. Trữ lượng, tình hình khai thác, chế biến xăng dầu

Từ năm 1991, Việt Nam đã bắt đầu khai thác được dầu thô. Từ đó đến nay, sản lượng dầu thô khai thác ngày một tăng nhanh. Do Việt Nam chưa có nhiều nhà máy lọc dầu và chế biến dầu nên hầu hết sản lượng dầu thô khai thác đều phải xuất khẩu và nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu. Một sản lượng rất nhỏ condensate được sản xuất trong quá trình chế biến khí đồng hành tại Nhà máy tách khí Dinh Cố (Bà Rịa - Vũng Tàu) được sử dụng làm nguyên liệu để chế biến thành naphtha và pha chế xăng thành phẩm với trị số octane thấp. Nguồn nhập khẩu xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu khác chủ yếu từ các trung tâm phân phối trong khu vực như: Singapore, Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc...

Bên cạnh việc phục vụ xuất khẩu, lượng dầu thô khai thác được còn sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất các sản phẩm xăng dầu trong nước. Việt Nam hiện đang xây dựng các nhà máy chế biến, lọc, hoá dầu để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước, giảm bớt nhập khẩu và tiến tới tham gia xuất khẩu các mặt hàng về dầu khí. Năm 2009 nhà máy lọc dầu Dung Quất đã sản xuất được những tấn xăng đầu tiên phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng trong nước; năm 2010

sản lượng xăng dầu của Việt Nam đã đạt mức 12-13 triệu tấn/năm, chủ yếu để phục vụ tiêu thụ nội địa.

Biểu đồ kế hoạch khai thác dầu thô của Việt Nam đến 2020



Nguồn: Quy hoạch mạng lưới xăng dầu toàn quốc

1.2.2. Tình hình cung ứng xăng dầu

Để đảm bảo nhu cầu phát triển ổn định và không bị các cơn sốt về cung ứng nhiên liệu chiến lược đối với các ngành kinh tế, tránh độc quyền cung cấp, Chính phủ chính thức cấp phép và hạn mức nhập khẩu xăng dầu cho khoảng 10 đơn vị dầu mỗi. Theo số liệu của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, tính đến năm 2006 cả nước có khoảng trên 9.000 cửa hàng kinh doanh xăng dầu (Tăng rất nhanh so với khoảng gần 4.000 cửa hàng năm 2000), các cửa hàng được xây dựng phụ thuộc rất nhiều vào qui mô diện tích đất, vốn đầu tư và nhiều khi là ý thích chủ quan của chủ đầu tư nên chưa theo một tiêu chuẩn cụ thể nào.

Những năm gần đây, để từng bước đáp ứng nhu cầu của quá trình CNH, HĐH đất nước và hội nhập, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong cả nước đã và đang cải tạo nâng cấp cửa hàng xăng dầu theo hướng mở rộng đường bãi, tăng số lượng cột bơm và sử dụng cột bơm điện tử thay cho cột bơm cơ... Các cửa hàng được xây mới trên các trục quốc lộ, cửa ngõ thành phố, thị xã có điều kiện thuận lợi về đất xây dựng đã được bố trí mặt bằng rộng rãi, trang thiết bị hiện đại, có tổ chức thêm các dịch vụ rửa xe, thay dầu mỡ... Sản lượng bán hàng của các cửa hàng đạt từ 2-5m³/ngày, cá biệt có cửa hàng ở cửa ngõ thành phố, thị xã có sản lượng trên 10m³/ngày.

Các doanh nghiệp cung ứng xăng dầu chính trên toàn quốc nói chung và trên địa bàn Thái Nguyên nói riêng là: Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (có khoảng 1.200 cửa hàng xăng dầu của Tổng Công ty và 400 cửa hàng của đại lý), Công ty Kỹ thuật Thương mại và đầu tư, Công ty Chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu mỡ, Công ty Dịch vụ kỹ thuật dầu khí, Công ty Thương mại dầu khí... thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam, Công ty xăng dầu Hàng không Việt

Nam (Vinapco)... đã phát triển các cửa hàng bán lẻ tuy số lượng chưa nhiều, đa số cửa hàng có quy mô vừa và nhỏ. Hiện trạng mạng lưới các cửa hàng kinh doanh xăng dầu Việt Nam được đánh giá như sau:

- Trên các trục giao thông, các cửa ngõ chính của thành phố, thị xã, do phát triển theo nhu cầu tự phát của thị trường địa phương và khả năng của từng doanh nghiệp nên ngoài các cửa hàng xăng dầu của Petrolimex đã xây dựng thống nhất về quy mô, kiểu dáng kiến trúc, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và tiêu chuẩn về an toàn cháy nổ..., các cửa hàng kinh doanh xăng dầu khác chưa được xây dựng theo hướng kết hợp với các dịch vụ thương mại như sửa chữa, bảo dưỡng xe, ăn nghỉ...

- Các cửa hàng kinh doanh xăng dầu được xây dựng không theo một quy hoạch thống nhất, mật độ cửa hàng quá dày đặc dẫn đến tình trạng lãng phí quỹ đất và lãng phí trong đầu tư cơ sở vật chất, hiệu quả kinh doanh thấp...

- Còn nhiều cửa hàng của tư nhân có quy mô nhỏ, chưa tuân thủ đúng tiêu chuẩn thiết kế cửa hàng xăng dầu, thiết bị kỹ thuật còn quá lạc hậu, công tác an toàn PCCC và vệ sinh môi trường chưa được đảm bảo;

- Những năm gần đây, do hệ thống đường giao thông được nâng cấp và cải tạo, các đô thị mới hình thành ngày càng nhiều, lưu lượng phương tiện giao thông cơ giới tăng nhanh, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của các đô thị từng bước phát triển theo hướng hiện đại nên mạng lưới các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên toàn quốc đã và đang được cải tạo và phát triển, vị trí xây dựng đang được điều chỉnh theo quy hoạch mới.

1.2.3. Dự báo nhu cầu sử dụng xăng, dầu của Việt Nam đến năm 2020

Theo Chiến lược phát triển ngành xăng dầu, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của Việt Nam đến năm 2020 được dự báo như sau:

Bảng dự báo nhu cầu sử dụng xăng dầu của Việt Nam đến năm 2020

	Đv tính	2005	2010	2015	2020
Xăng ô tô	1.000 tấn	2.830	5.589	9.337	14.508
Xăng máy bay	1.000 tấn	402	721	1.258	2.163
Dầu hỏa	1.000 tấn	248	247	246	243
Dầu diesel	1.000 tấn	4.420	7.169	11.400	17.697
Dầu FO	1.000 tấn	1.349	2.444	4.261	6.801
Tổng số		9.248	16.170	26.503	41.413

Nguồn: Quy hoạch mạng lưới xăng dầu toàn quốc

Dự báo nhu cầu sử dụng xăng dầu cả nước năm 2010 là 16.170 ngàn tấn, năm 2020 khoảng 41.413 ngàn tấn (trong đó: Dầu Diesel chiếm tỷ trọng 42-43%, xăng cho ô tô chiếm trên 35%, xăng cho máy bay chiếm khoảng 5%, dầu hỏa chiếm khoảng 0,6%).

Bảng dự báo nhu cầu sử dụng xăng dầu theo các vùng đến năm 2020

Vùng	Đv tính	2005	2010	2015	2020
Cả nước	1.000 tấn	9.248	16.170	26.503	41.413
Miền Bắc	1.000 tấn	2.918	5.020	8.124	12.519
Miền Trung	1.000 tấn	1.745	3.006	4.872	7.579
Tây Nguyên	1.000 tấn	404	721	1.186	1.869
Đông Nam bộ	1.000 tấn	2.267	4.164	7.081	11.416
ĐB S.Cửu Long	1.000 tấn	1.915	3.260	5.239	8.031

Nguồn: Quy hoạch mạng lưới xăng dầu toàn quốc

Định hướng khả năng tiêu thụ xăng dầu của vùng trong những năm tới chủ yếu là sử dụng các dạng dầu mazut cũng như Diesel cho các công trình phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, thủy điện lớn, nhỏ.

PHẦN THỨ HAI

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1. Tình hình kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm gần đây có nhiều thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, một số ngành nghề trọng điểm đều có sự tăng về năng lực sản xuất; các thành phần kinh tế đều có sự tăng trưởng, nhất là kinh tế ngoài quốc doanh đã khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế nhiều thành phần... song cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: thiên tai, dịch bệnh gia súc; giá cả đầu vào ở hầu hết các ngành sản xuất đều tăng làm cho chi phí sản xuất tăng cao đã đẩy giá thành sản phẩm tăng lên, ảnh hưởng không nhỏ tới sức cạnh tranh; kết cấu cơ sở hạ tầng, nhất là kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn miền núi tuy đã cải thiện nhưng vẫn thiếu và xuống cấp; lĩnh vực xã hội còn nhiều bức xúc, tai nạn giao thông tuy có nhiều biện pháp nhằm kiểm chế nhưng vẫn tồn tại tốc độ giảm thấp... Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết tâm và nỗ lực cố gắng các cấp, các ngành và nhân dân toàn Tỉnh nên tình hình kinh tế - xã hội đã thu được kết quả đáng kể, kinh tế tiếp tục phát triển theo chiều hướng tích cực...

2.1.1. Tăng trưởng GDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2015 ước đạt 7.475 tỷ đồng, gấp 2,74 lần so với năm 2010 và tăng bình quân 22,4%/năm; thu trong cân đối đạt 7.323 tỷ đồng, chiếm 98%; tổng hợp các loại thuế sử dụng đất, nhà đất, chuyên quyền sử dụng, cấp quyền sử dụng đất chỉ đạt 1.182 tỷ đồng, chiếm 19,92%. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong ngân sách so với năm 2010 tăng từ 15,2,51% lên 17,1% năm 2015. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội đều vượt so với kế hoạch: Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 365.628,8 tỷ đồng, gấp 2 lần (tăng 104%) so cùng kỳ 2014; giá trị xuất khẩu trên địa bàn đạt 16.165,2 triệu USD, tăng 2,2 lần so với cùng kỳ 2014 (xuất khẩu địa phương 254,1 triệu USD, giảm 0,4% so với năm 2014); vốn đầu tư đạt 82.226 tỷ đồng, tăng 55,4% so với cả năm 2014 (vốn do nhà nước quản lý thực hiện 4.984,5 tỷ đồng, tăng 1%; vốn ngoài nhà nước thực hiện 9.196,2 tỷ đồng, tăng 4,6%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 68.045,3 tỷ đồng, tăng 73,6% so 2014, chiếm khoảng 82,7%). GRDP (giá so sánh 2010) của tỉnh đạt 39.800,3 tỷ đồng, gấp 3,3 lần năm 2005 (giai đoạn 2006 - 2015 tăng bình quân 27%/năm; trong đó, giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 14,3%/ năm); GRDP tính theo giá hiện hành đạt 54.063 tỷ đồng, gấp 8,5 lần năm 2005; GRDP bình quân đầu người tính theo giá hiện hành năm 2015 đạt 43,642 triệu đồng, bằng 95% mức bình quân cả nước.

Bảng GDP tỉnh Thái Nguyên từ 2005 đến nay theo cơ cấu ngành

TT	Chỉ tiêu	Tổng sản phẩm (Tỷ đồng, giá hiện hành)			Cơ cấu %		
		2005	2010	2015	2005	2010	2015
	Chung toàn tỉnh	6.587,4	21.466,1	54.063	100	100	100
1	Công nghiệp - xây dựng	2.550,3	8.485,5	27.035,2	38,71	39,5	50
2	Dịch vụ	2.310,8	8.418,9	17.865,4	35,08	39,2	33
3	Nông, lâm nghiệp, Thủy sản	1.726,4	4.561,7	9.162,5	26,21	21,3	17

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên.

+ Ngành Công nghiệp - Xây dựng luôn được đầu tư nhiều nhất trong những năm vừa qua, cho đến nay vẫn là ngành có tỷ trọng cao trong GRDP của Tỉnh và tăng liên tục từ 38,71% năm 2005 đến năm 2010 là 39,5%, năm 2015 là 50%.

+ Ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP cũng tăng nhanh trong giai đoạn 2005 - 2014, chiếm tỷ trọng khá trong tổng sản phẩm của Tỉnh. Từ sau năm 2010, đã xuất hiện các ngành dịch vụ giá trị cao đang chiếm lĩnh thị trường của Tỉnh. Tỷ trọng khu vực này năm 2005 chiếm 35,08%, nhưng năm 2015 chỉ còn 33%.

+ Ngành nông nghiệp đã phát triển theo định hướng dài hạn của quy hoạch. Mặc dù, liên tục đối đầu với nhiều khó khăn về thời tiết bất lợi, dịch cúm gia cầm bùng phát, giá chi phí đầu vào tăng, nhưng khu vực nông nghiệp vẫn phát triển khá ổn định theo hướng thâm canh, đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi và ngày càng nâng cao tỷ suất hàng hoá. Sự chuyển dịch cơ cấu của khu vực này theo hướng giảm dần tỷ trọng khá nhanh, từ 26,21% năm 2005 xuống còn 17% năm 2015.

Bảng GDP tỉnh Thái Nguyên từ 2005 đến nay

TT	Chỉ tiêu	Tổng sản phẩm (Tỷ đồng, giá 2010)			Chỉ số phát triển (năm trước = 100%)		
		2005	2010	2015	2005	2010	2015

	Chung toàn tỉnh	12.092	21.466,1	40.626,7	109,28	110,42	125,2
1	Công nghiệp - xây dựng	4.189,7	8.485,5	22.614,9	110,69	113,11	145,5
2	Dịch vụ	4.193,3	8.418,9	12.103,2	111,92	111,16	108,4
3	Nông, lâm nghiệp, Thủy sản	3.709,0	4.561,7	5.908,6	104,98	104,65	104,8

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên

Trong giai đoạn 2006-2015, Thái Nguyên là tỉnh đạt được những thành tựu đáng kể trong phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, GDP bình quân đầu người luôn ở mức khá so với bình quân chung cả nước và cao so với vùng Trung du miền núi phía Bắc (TDMNPB). Năm 2015, GRDP (tính theo giá so sánh 2010) của Tỉnh đạt 40.626,7 tỷ đồng, gấp 3,36 lần năm 2005 (giai đoạn 2006-2015 tăng bình quân 12,8%/năm; giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 13,6%/năm).

2.1.2. Các nguồn lực tập trung cho đầu tư phát triển kinh tế

* Ngành nông, lâm nghiệp thủy sản:

Năm 2015, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 9.710,7 tỷ đồng (giá SS 2010) chiếm 93,4% GTSX khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Tốc độ tăng trung bình của ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2006-2015 khoảng 6,09%. Trong đó, Trồng trọt có giá trị cao nhưng tăng trưởng chậm, chăn nuôi có giá trị khá và tăng trưởng bình quân giai đoạn cao 9,73%, Dịch vụ có giá trị thấp nhưng tăng trưởng bình quân giai đoạn cao nhất 10,2%.

Trong giai đoạn 2006-2015, ngành lâm nghiệp có tỷ trọng giá trị sản xuất khoảng 2,8 đến 3,7% tổng GTSX khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Năm 2005 chiếm 2,8% và duy trì ở mức khoảng 3% tổng GTSX khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản trong giai đoạn 2006-2010. Tốc độ tăng trung bình của ngành lâm nghiệp trong giai đoạn 2006-2015 khoảng 9,5%. Trong đó, Khai thác gỗ và lâm sản có giá trị và tăng trưởng cao nhất 11,13%.

Tiềm năng diện tích mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh có 5.741ha mặt nước. Năm 2015, giá trị sản xuất thủy sản đạt 300,6 tỷ đồng (giá 2010) chiếm 2,89% GTSX khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Tốc độ tăng trung bình của ngành thủy sản trong giai đoạn 2006-2015 khoảng 8,66%. Trong đó, Nuôi trồng và Dịch vụ có giá trị và tăng trưởng cao nhất 8,9%.

* Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

Năm 2010, tổng GTSX ngành công nghiệp của cả tỉnh (theo giá SS 2010) là 24.902,2 tỷ đồng và năm 2015 là 365.628,8 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng

GTSXCN trong các giai đoạn như sau: 2006-2010 đạt 15,45%/năm; 2011-2015 đạt 71%/năm; Bình quân 10 năm 2006-2015 đạt 40,5%/năm. Trên địa bàn tỉnh hiện đã có một số khu vực công nghiệp tập trung hình thành ở ngoài thành phố Thái Nguyên như: Yên Bình, Sông Công, Quang Sơn – La Hiên, An Khánh.

Khu Yên Bình với ưu thế là các ngành sản xuất, lắp ráp linh kiện điện, điện tử (công nghiệp ứng dụng công nghệ cao) có giá trị sản xuất công nghiệp rất lớn (năm 2014 có GTSXCN 179.263,4 tỷ đồng, năm 2015 đạt 365.628,8 tỷ đồng), trong tương lai sẽ là một trong những khu có giá trị sản xuất lớn của Việt Nam.

Khu Sông Công vẫn duy trì là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của Tỉnh với các hoạt động sản xuất cơ khí chế tạo như động cơ diesel, hộp số, phụ tùng xe máy, ô tô, đúc chi tiết cơ khí, sản xuất dụng cụ các loại.

Khu Đồng Hỷ - Võ Nhai chủ yếu tập trung cho sản xuất Vật liệu xây dựng và khai thác mỏ.

Trong giai đoạn 2006-2015, tỷ trọng ngành sản xuất kim loại giảm dần (từ 65,4% năm 2005 xuống 4,77 năm 2015); Đa số tỷ trọng các ngành năm 2015 đều giảm so với năm 2005 do ngành chế tạo máy, điện tử, gia công KL và cơ khí lắp ráp gần đây có bước phát triển đột phá (tỷ trọng các ngành này đã tăng từ 8,0% năm 2005 lên 91,95% năm 2015)... Tính tổng 02 nhóm ngành công nghiệp truyền thống lớn của tỉnh là sản xuất kim loại và khoáng phi KL (CNVLXD) hiện đã giảm dần tỷ trọng (từ 73,6% năm 2005 xuống 6% năm 2015). Đây là xu thế chuyển dịch, tái cấu trúc theo hướng tiến bộ. Ngành công nghiệp cung cấp nước, quản lý & xử lý chất thải có tỷ trọng còn nhỏ.

2.1.3. Tình hình đầu tư

Hiện trạng đầu tư phát triển trên địa bàn Tỉnh được thể hiện trong bảng dưới đây, cho thấy lượng vốn đầu tư phát triển từng giai đoạn là khá lớn, giai đoạn 2011-2015 cao gấp 5,5 lần giai đoạn 2006-2010 và gấp 3,5 lần cả giai đoạn 2001-2011. Trong đó, khu vực kinh tế kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có giá trị và chiếm tỷ trọng cao nhất (61,9%), sau đó đến khu vực kinh tế ngoài nhà nước (25,5%). Tuy nhiên, Vốn đầu tư nhà nước luôn giữ được ổn định trong các giai đoạn, còn vốn đầu tư khu vực kinh tế ngoài nhà nước và nước ngoài có sự tăng đột biến trong giai đoạn 2011-2015.

Bảng Vốn đầu tư trên địa bàn (tỷ đồng, giá hiện hành)

	2006 -2010	2001-2011	2011-2015
Tổng số	35.185,0	56.081,0	194.229,8
Theo loại hình kinh tế			
Nhà nước	16.828,0	26.334,0	24.341,6

Ngoài nhà nước	15.512,0	26.004,0	49.601,0
Đầu tư nước ngoài	2.845,0	3.743,0	120.287,2
Theo 3 khu vực kinh tế			
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2.606,0	3.531,0	4.397,0
Công nghiệp và xây dựng	15.033,0	25.357,0	164.090
Dịch vụ	17.546,0	27.194,0	25.742,8
Cơ cấu theo loại hình kinh tế (%)	100,0	100,0	100,0
Nhà nước	47,8	47,0	12,5
Ngoài Nhà nước	44,1	46,4	25,5
Đầu tư nước ngoài	8,1	6,7	61,9
Cơ cấu theo khu vực kinh tế (%)	100,0	100,0	100,0
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	7,4	6,3	2,3
Công nghiệp và xây dựng	42,7	45,2	84,5
Dịch vụ	49,9	48,5	13,3

Thu hút đầu tư phát triển: Do công tác cải cách hành chính, đăng ký kinh doanh, chấp thuận đầu tư, cấp phép đầu tư có nhiều đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp phát triển; Công tác thu hút đầu tư được đẩy mạnh, Tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi; tổ chức nhiều chương trình xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Các thủ tục hành chính mới ban hành được kiểm soát chặt chẽ và thực hiện rà soát thường xuyên. Đã có các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số cải cách hành chính Par-Index; đồng thời tiến hành kiểm tra tình hình triển khai thực hiện đề án, kế hoạch thực hiện cụ thể tại các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án cải thiện môi trường đầu tư giai đoạn 2010-2015 và trong 5 năm, đã thu hút được trên 600 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký quy đổi đạt trên 200.000 tỷ đồng, trong đó có 40 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài. Một số dự án đầu tư lớn, trọng điểm về công nghiệp bắt đầu đi vào sản xuất: Thiết bị điện tử của Tập đoàn công nghệ cao Samsung; Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo; Cán Thái Trung; Khai thác mỏ sắt Tiến Bộ; Nhiệt điện An Khánh...chiếm trên 60% tổng vốn đầu tư toàn xã hội,

2.1.4. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ

- Trong giai đoạn vừa qua, hoạt động thương mại Thái Nguyên đã đóng góp vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh, giá trị tăng thêm của ngành (giá so sánh 2010) tăng từ 1.084 tỷ đồng năm 2005 lên 2.646 tỷ đồng

năm 2015; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006 - 2015 là 10,3%/năm; năm 2015, giá trị tăng thêm của ngành chiếm 23,6 % giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ và 8,3% GDP toàn tỉnh.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ xã hội (TMBLHH & DTDVXH) trên địa bàn tỉnh năm 2005 đạt 2.843,1 tỷ đồng (kinh tế nhà nước chiếm 7,83%; kinh tế ngoài nhà nước 92,17%); Năm 2015 đạt 19.930 tỷ đồng (kinh tế nhà nước chiếm 8,49%; kinh tế ngoài nhà nước 91,51%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 0,06%), tăng gần 7 lần so với năm 2005, tăng bình quân cả giai đoạn 2006 - 2015 là 21,5%/năm; Năm 2015 trên địa bàn tỉnh có 914 doanh nghiệp hạch toán độc lập (với 12.157 lao động) và 42.521 cơ sở kinh tế cá thể tham gia kinh doanh dịch vụ thương mại (với 56.949 lao động).

2.1.5. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá

Trong giai đoạn vừa qua, hoạt động xuất - nhập khẩu của Tỉnh đạt mức tăng trưởng cao. Kim ngạch xuất khẩu năm 2015 đạt 16.165,2 triệu USD, gấp 456 lần năm 2005 (35,416 triệu USD), đặc biệt tăng cao là năm 2014 gấp 36,5 lần 2013; trong cơ cấu sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của Tỉnh, xuất khẩu sản phẩm thiết bị điện tử có tỷ trọng lớn, chiếm 97,5% giá trị hàng xuất khẩu trực tiếp. Kim ngạch nhập khẩu năm 2015 đạt 12.200,5 triệu USD. Trong đó, chủ yếu là giá trị nhập khẩu đối với máy móc thiết bị 2.050 triệu USD, nguyên nhiên vật liệu 9.777 triệu USD.

Bảng Giá trị xuất - nhập khẩu trên địa bàn tỉnh

Nội dung xuất nhập khẩu	2005	2010	2015
	<i>(Triệu USD, giá HH)</i>		
Giá trị xuất khẩu trên địa bàn	35,4	98,854	16.165,2
Trong đó: Xuất khẩu địa phương	23,0	78,371	254,1
Xuất khẩu trực tiếp	34,7	97,4	16.165,2
Giá trị nhập khẩu trên địa bàn	135,0	301,262	12.200,5
Trong đó: Tư liệu sản xuất	132,1	301,0	12.071,8

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên.

Bảng Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu trên địa bàn tỉnh

Tổng kim ngạch XK	Đơn vị	2005	2010	2012	2013	2014	2015
	Tr.USD		98,854	136,626	245,389	7.930,5	16.165,2
Chè các loại	Tấn		6.438	8.684	7.946	10.182	4.258
S.phẩm may	1000 SP		7.730	19.444	8.096	36.777	36.223
Giấy đế	Tấn		4.908	5.400	2.415	4.983	4.819
Thiếc	Tấn		79	101	200	285	

Công cụ dụng cụ các loại	1000 USD		17.705	23.201	27.716	36.881	41.531
S.phẩm Q.đa kim	1000 USD					114.653	88.059
S.phẩm thiết bị điện tử	Triệu USD					7.524	15.755

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên và tính toán của Đề án.

2.2. Thực trạng hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

2.2.1. Hệ thống đường bộ

Đến hết tháng 5/2015, hệ thống giao thông đường bộ của Tỉnh có tổng chiều dài 4.815,4Km (không bao gồm đường thôn xóm, nội đồng). Bao gồm: 5 tuyến Quốc lộ có tổng chiều dài 238,7 Km; 14 tuyến Đường tỉnh có tổng chiều dài 310,7 Km; 140 Km đường đô thị; 894 Km đường huyện và 3.232 Km đường xã.

+ Quốc lộ: Trên địa bàn Tỉnh có 5 tuyến với tổng chiều dài là 238,7Km, bao gồm: Quốc lộ 3 mới dài 30Km, Quốc lộ 3 cũ dài 80,5Km, Quốc lộ 1B dài 44,7Km, Quốc lộ 37 dài 57,6Km, Quốc lộ 17 (ĐT.269 cũ) dài 30,3Km. Các tuyến đường trên đều đạt tiêu chuẩn từ đường cấp IV Miền núi trở lên, mặt đường thảm bê tông nhựa 100%. Ngoài ra còn các tuyến như: Đường Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Thái Nguyên dài 32Km đang được chuẩn bị đầu tư xây dựng; Tuyến Cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn) đang được thi công.

+ Đường tỉnh: Bao gồm 14 tuyến với tổng chiều dài 310,7 Km đạt tiêu chuẩn từ đường cấp VI Miền núi trở lên, nhựa hoá đạt 97,7% (307,2Km/314,2Km). Những cầu yếu, đường ngầm, đường tràn đang từng bước được nâng cấp, cải tạo đồng bộ để đảm bảo thông xe được bốn mùa. Nhìn chung, đến năm 2014, mới chỉ có một số tuyến đường tỉnh đạt tiêu chí theo quy hoạch được UBND Tỉnh phê duyệt, còn lại chưa đạt quy hoạch, hiện trạng khai thác chưa hiệu quả. Các tuyến đường huyện theo quy hoạch nâng lên đường tỉnh mới đạt 2/9 tuyến.

+ Đường Đô thị: Tổng chiều dài 140 Km, chủ yếu thuộc địa bàn thành phố Thái Nguyên và thành phố Sông Công; Nhìn chung, các tuyến đường đô thị đã được cứng hoá đảm bảo thuận lợi cho người và các loại phương tiện tham gia giao thông.

+ Đường huyện: Tổng chiều dài 894 Km, trong đó: 68 Km đường Bê tông xi măng, 15,2 Km Bê tông nhựa, 556 Km đường láng nhựa, 121 Km đường cấp phối, 79,8 Km đường đất. Toàn bộ hệ thống đường huyện cơ bản đạt tiêu chuẩn

từ đường giao thông nông thôn loại B trở lên. Hệ thống cầu, đường ngầm, tràn đã được đầu tư trên một số tuyến, nhưng số lượng không đáng kể.

+ Đường xã: Tổng chiều dài 3.232 Km, trong đó: 1.565 Km đường Bê tông xi măng, 13,4 Km đường Bê tông nhựa, 118 Km đường láng nhựa, 297 Km đường cấp phối, 1226 Km đường đất. Toàn bộ tuyến đường xã cơ bản đạt tiêu chuẩn từ đường giao thông nông thôn loại B trở lên, bên cạnh đó vẫn còn một số tuyến chưa vào cấp. Tuy nhiên, khả năng đi lại còn khó khăn, nhất là các xã miền núi.

2.2.2. Hệ thống đường sắt

Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 3 tuyến đường sắt với tổng chiều dài 136,7Km, trong đó: Tuyến Hà Nội - Thái Nguyên dài 75Km chủ yếu vận chuyển hàng hoá và hành khách, Tuyến Kép - Lưu Xá dài 57Km chủ yếu vận chuyển hàng hoá, Tuyến Quán Triều - Núi Hồng dài 39Km chủ yếu vận chuyển hàng hoá, Hệ thống đường sắt nội bộ Khu Gang Thép dài 38,2Km chủ yếu vận chuyển hàng hoá nội bộ của Công ty Gang thép Thái Nguyên. Các tuyến đường sắt chủ yếu có khổ từ 1.000mm đến 1.435mm.

2.2.3. Hệ thống đường sông

Tổng chiều dài các tuyến đường thủy có thể khai thác của Thái Nguyên vào khoảng 430 km chủ yếu là hai tuyến đường sông chính nối tỉnh với các tỉnh ngoài: tuyến Đa Phúc - Hải Phòng dài 161km và tuyến Đa Phúc - Hòn Gai dài 211km; và hai tuyến vận tải thủy nội tỉnh: tuyến Thái Nguyên - Phú Bình dài 16km và tuyến Thái Nguyên - Chợ Mới dài 40km. Mặc dù, chiều dài các tuyến giao thông thủy là khá lớn và tương đối thuận tiện trong khai thác, song vận tải thủy của Thái Nguyên còn chưa phát triển. Khối lượng hàng hóa vận chuyển giảm mạnh qua các năm (năm 2005 là 12.000 tấn, năm 2010 chỉ còn 5.000 tấn, hành khách vận chuyển chỉ chiếm 1,2% tổng hành khách). Nhìn chung, giao thông đường thủy hiện đang là một lợi thế của Thái Nguyên nhưng cho đến nay Tỉnh chưa tập trung khai thác hết tiềm năng của nó. Trong tương lai, khi quan hệ giao lưu kinh tế và thương mại giữa Thái Nguyên với các địa phương khác được mở rộng thì loại hình giao thông này cần được khai thác hiệu quả.

2.3. Thực trạng các tổ chức kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh

2.3.1. Số lượng và loại hình doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

Theo số liệu điều tra khảo sát và số liệu quản lý của sở Công Thương, đến thời điểm 31/12/2015 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện có 203 cửa hàng kinh doanh xăng dầu đang hoạt động.

* Loại hình doanh nghiệp tham gia kinh doanh xăng dầu gồm:

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

- Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty xăng dầu Bắc Thái (52 cửa hàng); Chi nhánh Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội tại Thái Nguyên; Công ty xăng dầu Quân đội KV; Công ty CP xăng dầu dầu khí Thái Nguyên...

- Công ty cổ phần; trách nhiệm hữu hạn: Cty CP phát triển TM; Cty CP XD dầu khí TN...

- Doanh nghiệp tư nhân: Doanh nghiệp thương mại Hùng Hà; Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Ngà...

- Các đơn vị hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang.

Bảng tổng hợp thông tin cơ bản về các cửa hàng XD trên địa bàn

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m³)	Số cột bơm (cột)
I	Thành phố Thái Nguyên		142	2299	169
1	Tổ 4, P.Cam Giá	Chi nhánh Công ty CPXD chất đốt Hà Nội	4	60	6
2	Số 9, Tổ 14, P.Quan Triều	Chi nhánh Công ty TNHH MTV KDTM Mi Pec	3	75	5
3	Số 404, P.Tân Thịnh	CN Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	3	60	6
4	Số 2 xã Cao Ngạn	CN Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	2	35	2
5	Số 1-Tổ 10, P.Gia Sàng	Công ty CP Gang thép Gia Sàng	3	45	3
6	Tổ 12, P.Tích Lương	Công ty CP hợp kim sắt Trung Việt	3	35	4
7	P. Tân Lập	Công ty CP Kim Khí Bắc Thái			
8	Số 1, Tổ 1, xãĐôngBầm	Công ty CP Nam Việt			
9	Số 1, Tổ 4, P.Cam Giá	Công ty CP Nam Việt	3	77	4
10	Số 335/1, Đ.Bắc cạn, P.Hoàng Văn thụ	Công ty CP phát triển TM	3	30	4
11	Số 309,Đường LNQ, P.Hoàng Văn thụ	Công ty CP phát triển TM	4	80	5
12	Tổ 28, P.Cam Giá	Công ty CP VT gang thép TN	3	75	4
13	Số 1, Tổ 13, P.Đông Quang	Công ty CP Vận tải Thái Nguyên	3	80	3

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
14	Thành Long, Tổ 28, P.Trung Thành	Công ty CP xăng dầu dầu khí (đồng sở hữu)	3	55	3
15	Số 01 , xã Cao Ngạn	Công ty CP xi măng Cao Ngạn	4	80	5
16	Số 2, Tổ 10, P.Tích Lương	Công ty CPXD Nam Việt	4	75	4
17	Tổ 9, P.Tân Lập,	Công ty TNHH Hải Nguyên	3	62	5
18	Số 586, đường CMT8, P.Gia Sàng	Công ty TNHH TM Thành Đạt (đồng sở hữu)	3	100	5
19	Tổ 8, P.Quang Vinh	Công ty TNHH XD T12 Quang Vinh	3	50	5
20	Số224,ĐườngCMT8, P. Phạm Đình Phùng,	Công ty xăng dầu Quân đội KV1(Trạm số 220)	3	75	6
21	Số 53 P.Tân Long	Công ty XD Bắc Thái	3	30	3
22	Số 6 Tổ 25, P.Gia Sàng (Bắc Nam)	Công ty XD Bắc Thái	3	75	6
23	Số 2-P.Quan Triều, TP Thái Nguyên	Công ty XD Bắc Thái	3		4
24	Số 23 Tổ 8, P.Phú Xá	Công ty XD Bắc Thái	3	60	4
25	Số 10 P.Phan Đình Phùng	Công ty XD Bắc Thái	3	45	4
26	Số 62,Tổ 8, P.Thịnh Đán	Công ty XD Bắc Thái	3	45	3
27	Số 24, Tổ 18, Tân Thịnh	Công ty XD Bắc Thái	3	45	3
28	Số 61, P.Túc Duyên	Công ty XD Bắc Thái	3	45	3
29	Số 5, Đường Bắc cạn, P.Trung Vương	Công ty XD Bắc Thái	4	45	5
30	Số 26, Tổ 2, PHoàng Văn Thụ	Công ty XD Bắc Thái	3	55	3
31	Số 7, Tổ 13,P.Trung Thành	Công ty XD Bắc Thái	4	50	4
32	Số 17, Tổ22,P.Trung Thành	Công ty XD Bắc Thái	3	35	2
33	Số 13, P.Tích Lương	Công ty XD Bắc Thái	3	45	3
34	Số 50 P.Cam Giá	Công ty XD Bắc Thái	3	45	3
35	Số 68, xóm Mỹ Hào, xã Thịnh Đức	Công ty XD Bắc Thái	3	30	2

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
36	Số 71, xã Đồng Bầm	Công ty XD Bắc Thái	3	30	2
37	Số 67, xã Quyết Thắng	Công ty XD Bắc Thái	3	30	2
38	Tổ 2, xóm Ao Voi, xã Đồng Bầm	DNTN Công Đức	3	30	2
39	DN TN Hoàng Phát P. Tân Long	DNTN Hoàng Phát	3		4
40	Số 2, xóm Nam Tân, xã Tân Cương	DNTN thương mại Bích Phương	3	45	3
41	Tổ 6, phường Thịnh Đán	DNTN thương mại Bích Phương	3	35	3
42	Xóm Cây Thị, xã Phúc Xuân, TPTN	DNTN Tuấn Huy	4	45	3
43	Tổ 8, P. Tân Thịnh (X73- QKI)	DNTN xăng dầu Mạnh Quỳnh	3	45	4
44	Tổ 15, phường Phú Xá,	DNTN xăng dầu Thu Thảo	4	100	4
45	Số 1, Tổ 11, P. Tân Lập,	Doanh nghiệp thương mại Hùng Hà	3	45	4
46	Số 2, xóm Thái sơn 1, xã Quyết Thắng	Doanh nghiệp thương mại Hùng Hà	3	65	4
47	Số 4, Tổ 7, P. Tích Lương	Doanh nghiệp XD Mạnh Hùng	3	30	3
II	Thành phố Sông Công		44	725	38
1	Xóm Bãi H, xã Bá Xuyên	CN Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	3	75	2
2	Phường Mỏ Chè	CN Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	3	75	2
3	P. Cải Đan	CN Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	3	75	3
4	Số 320, xã Bình Sơn,	Công ty XD Quân đội KV1	3	75	2
5	Na hoàng, P. Lương Sơn	Công ty CP XD Thái Nguyên	4		4
6	P. Thắng Lợi	Công ty TNHH Duy Biên	3	65	3
7	Số 14, P. Thắng lợi,	Công ty XD Bắc Thái	3	30	3
8	Số 29, Tổ 10, P. Thắng Lợi	Công ty XD Bắc Thái	3	45	3
9	Số 18, P. Cải Đan	Công ty XD Bắc Thái	3	45	3

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
10	Số 11, P.Cải Đan	Công ty XD Bắc Thái	5	50	2
11	Số 55, P.Lương Sơn	Công ty XD Bắc Thái	3	40	3
12	Số 27, P.Lương Sơn	Công ty XD Bắc Thái	4	100	4
13	Số 1, Cầu sắt, P.Bách Quang	Công ty XD Bắc Thái	4	50	4
III	Thị xã Phổ Yên		70	1184	76
1	CHXD Hồng Tiến - Xóm Thành Lập, xã Hồng Tiến	CN Công ty CP xăng dầu dầu khí HN tại Thái Nguyên	5	115	5
2	Ki ốt XD Số 4-CNTM Phổ Yên - TT Bắc sơn	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	3	29	3
3	Tiên Phong - Xóm Đồng Xuân ,Xã Tiên Phong	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	2	20	2
4	Số 1 - Tổ dân phố 2, Phường Ba Hàng	Công ty CP thương mại Đại Lâm	8	180	6
5	Số 1 - Tổ dân phố 5, Phường Ba Hàng	Công ty CP Xăng dầu dầu khí Thái Nguyên	4	45	4
6	Hồng Long - Tiểu khu 4, Phường Ba Hàng	Công ty CP XD chất đốt HN tại Thái Nguyên			
7	Thuận Thành - Xóm Đoàn kết, Xã Thuận Thành	Công ty CP XD dầu khí Thái Nguyên	5	105	4
8	Nhà máy bê tông Phổ Yên - Xã Trung thành	Công ty CP XD và SX vật liệu cầu Đa phúc	4	90	4
9	Long Thành Công - Xóm Xuân Hà 3, Thành Công	Công ty TNHH Long Thành Công	3	50	3
10	Minh Đức Thăng Long - Xã Minh Đức	Công ty TNHH thương mại Phú Đô	3		2
11	Phú Thái - Xóm Hòa Bình, xã Tiên Phong	Công ty TNHH thương mại vận tải Phú Thái	2		2
12	MATEXIM - Xóm Trại, Xã Tân Hương	Công ty TNHH TM và Xăng dầu Đức Thành	5	130	6
13	Số 1 - Xóm Vàng, Xã Tân Hương	Công ty TNHH Xăng dầu Quyết Tiến	4	75	7
14	Số 9 - Xã Thuận Thành	Công ty XD Bắc Thái	3	50	4
15	Số 8 - Tổ dân phố 2,	Công ty XD Bắc Thái	3	65	4

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
	Phường Ba Hàng				
16	Số 65 - Phường Bắc Sơn	Công ty XD Bắc Thái	3	55	2
17	Số 75 - Phường Hồng Tiến	Công ty XD Bắc Thái	3	45	3
18	Số 72 - Xóm Đắp, xã Đắc Sơn	Công ty XD Bắc Thái	2	30	3
19	Đại Lâm - Xóm Đài, Xã Đắc Sơn	DNTN Đại Lâm			4
20	Thanh Ngà - Xóm Trại, Xã Đông Cao	DNTN Thanh Ngà			
21	Văn Hiến - Xóm Đức Phú xã Phúc Thuận	DNTN văn Hiến	3	20	3
22	Trung Hà - Xóm Trung Quân, xã Tiên Phong	DNTN XD Trung Hà	2	30	2
23	Số 3 Mạnh Hùng - Xóm Thanh xuyên 4, Xã Trung Thành	Doanh nghiệp Xăng dầu Mạnh Hùng	3	50	3
IV	Huyện Phú Bình		45	558	37
1	Sơn Hải - Xã Tân Hòa	Công ty CP Dầu khí Sơn Hải	3	50	2
2	Hương Sơn - Thị trấn Hương Sơn	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	5	85	3
3	Tân Khánh - Xã Tân Khánh	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	3	58	2
4	Chợ Đồn - Xã Kha Sơn	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên			
5	Việt Anh - Xã Nhã Lộng	Công ty CP XD và TM Việt Anh			2
6	Hào Phát - Xã Bảo Lý	Công ty TNHH Hòa Phát TN	2	15	2
7	Cầu Ca - Xã Kha Sơn	Công ty TNHH XD Bắc Hà	2		2
8	Số 56 - TT Hương Sơn	Công ty XD Bắc Thái	3	40	3
9	Số 52 - Xã Diềm Thụy	Công ty XD Bắc Thái	3	55	3
10	Chiến Lan - Xóm Đồn, xã Hà Châu	DNTN Chiến Lan	3	45	3
11	Đào Xá - Xóm Tân Sơn, xã Đào Xá	DNTN Đức Lợi	4	45	2

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
12	Điềm Thụy - Xã Điềm Thụy	DNTN Hoàng Đạt	4		2
13	Khánh Công - Xóm Quán, Xã Thanh Ninh	DNTN Khánh Công	3	30	2
14	Mạnh Thường - Xóm Tiền bộ. Xã Dương Thành	DNTN Phúc Sơn Thái Nguyên	3	45	2
15	Trường Hải - Xóm Non Tranh, xã Tân Thành	DNTN Xăng dầu Trường Hải	2	25	2
16	Việt Hà - Kiều Chính, xã Xuân Phương	DNTN Xăng dầu Việt Hà	3	45	3
17	Tân Đức - Phố Cầu, xã Tân Đức	DNTN XD Đức Hoàn	2	20	2
V	Huyện Đồng Hỷ		70	1078	71
1	Số 2 - Xã Quang Sơn	Công ty CP gang thép Gia Sàng	3	45	3
2	Quang Sơn - Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn	Công ty CP khai thác đá vôi Quang Sơn	4	75	4
3	Nam Sơn - Xóm Mới, xã Nam Hòa	Công ty CP luyện kim đen Thái Nguyên	4	60	3
4	Gò Cao - Xóm Gò Cao, xã Hóa Thượng	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	5	65	4
5	Kiot XD Số 13- Xóm Na Long, xã Hóa Trung	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	2	20	4
6	Kiot XD số 19 - Xóm Phố Hích, xã Hòa Bình	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	2	12,5	2
7	SBình Minh - Xóm Ao Rôm 1, xã Khe Mo	Công ty TNHH Bình Minh Thái Nguyên	3	50	3
8	SPhượng Lập - Xóm Khánh Hòa, xã Linh Sơn	Công ty TNHH Phượng Lập	3	30	3
9	Số 12 - Tổ 15, thị trấn Chùa Hang	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	3	65	3
10	Số 51 -Xóm Tiên Phong, xã Khe Mo	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	2	30	3
11	Số 59 - Xóm Gò Cao, xã	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc	3	55	2

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
	Hóa Thượng	Thái			
12	Số 66 - Xóm Thông Nhàu, xã Linh Sơn	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	3	45	3
13	Số 57 - Tổ 12, thị trấn Trại Cau	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	3	45	3
14	Số 70 - Xóm Suối Khách, xã Hợp Tiến	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	3	40	2
15	Trạm XD số 120 Đồng Thịnh, Hóa Thượng	Công ty xăng dầu quân đội khu vực 1	3	75	4
16	Đồng Tâm - Xóm Tân Thái, xã Hóa Thượng	DNTN Đồng Tâm (Công ty TNHH Phương Lập đang thuê)	3	75	3
17	Thịnh Vượng - Xóm Quang Minh, xã Nam Hòa	DNTN Thịnh Vượng	4	60	3
18	Duy Thanh - Xóm An Thái, xã Hóa Thượng	DNTN Thương mại Duy Thanh	3	23,5	3
19	Tiếp Hiên - Xóm Ấp Thái, xã Hóa Thượng	DNTN Tiếp Hiên	3	35	4
20	Vũ Ngọc Dung - Xóm Làng Mới, xã Tân Long	DNTN Vũ Ngọc Dung	2	50	2
21	Trại Cau - Tổ 11 thị trấn Trại Cau	DNTN xăng dầu Trại Cau	3	22	3
22	Đồng Thu - Xóm Đồng Thu, xã Quang Sơn	Doanh nghiệp thương mại Hùng Hà	3	50	3
23	Trạm cấp phát XD Km7/H8, AnLong, Hóa Thượng	Đồng sở hữu Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Mạnh Quỳnh	3	50	4
24	Trạm cấp phát XD An Thái, Hóa Thượng	Trung đoàn vận tải 651, Cục hậu cần, Quân Khu 1			
VI	Huyện Võ Nhai		34	444	29
1	Số 1 - Xóm Là Dương, xã Lâu Thượng	Công ty CP dầu khí Sơn Hải	2	25	2
2	Số 19 - Xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	4	50	2
3	Kiot XD Số 14 - Phố	Công ty CP phát triển thương	3	29	2

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
	Thái Long, TT Đình Cả	mại Thái Nguyên			
4	Võ Nhài - Phố Thái Long, thị trấn Đình Cả	Công ty CP vật tư nông nghiệp Thái Nguyên	2	20	2
5	La Hiên - Xóm cây Bòng, xã La Hiên	Công ty CP xăng dầu dầu khí Thái Nguyên	3	45	4
6	Số 21 - Xóm Đồng Châu, xã Lâu Thượng	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	3	55	2
7	Số 54 - Xã La Hiên	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	3	45	2
8	Khu Bắc - Xóm Làng Đền, xã Tràng Xá	Công ty TNHH xăng dầu Khu Bắc	4	40	3
9	Nam Mát - An Long, xã Bình Long	DNTN Đỗ Văn Mát	2	25	2
10	Hằng Thoa - Xóm Trúc Mai, xã Lâu Thượng	DNTN Hằng Thoa	2	30	2
11	Minh Huỳnh - Xóm Phố, xã La Hiên	DNTN Minh Huỳnh	2	20	2
12	Ngọc Thu - Xóm Mỏ Gà, xã Phú Thượng	DNTN Ngọc Thu	2	30	2
13	Quý Toan - Xóm Đồng Chuối, xã Dân Tiến	DNTN Quý Toan	2	30	2
VII	Huyện Đại Từ		69	902	62
1	Số 1 - Phố Đình, thị trấn Hùng Sơn	Công ty CP phát triển Thương mại Thái Nguyên	6	90	6
2	CNTM Đại Từ, Đồng Giang, xã Phú Xuyên	Công ty CP phát triển Thương mại Thái Nguyên	4	55	3
3	CNTM Yên Lãng, Đại Từ	Công ty CP phát triển Thương mại Thái Nguyên	4	35	4
4	Số 19 - Thị trấn Đại Từ	Công ty XD Bắc Thái	3	40	3
5	Số 4 - TT Hùng Sơn	Công ty XD Bắc Thái	4	90	3
6	Số 60, TT. Quân Chu	Công ty XD Bắc Thái	3	35	3
7	Số 64 - Xã Cát Nê	Công ty XD Bắc Thái	3	45	2
8	Số 58, xã Hà Thượng	Công ty XD Bắc Thái	3	35	3
9	Số 74 - Xã Phú Lạc	Công ty XD Bắc Thái	3	45	3
10	Số 16 - Xã Yên Lãng	Công ty XD Bắc Thái	3	60	3

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
11	Quân Chu – Thị trấn Quân Chu	Cty CP chè Quân Chu			
12	Thiên Hương - Xóm Duyên, xã Ký Phú	Cty CP XD và TM Thiên Hương	3		3
13	Hòa Oanh - Xóm Quyết Thắng, xã Yên Lãng	Cty TNHH xăng dầu Hòa Oanh	2	40	2
14	Số 4 - Xóm 6, xã Hà Thượng	Cty TNHH xăng dầu Quyết Tiền	3	45	4
15	Số 5 - Xã Lục Ba	Cty TNHH xăng dầu Quyết Tiền	2	25	2
16	Kho KV3 - Xã Hà Thượng,	Cục Quân Khí- Tổng cục Kỹ thuật	3	30	2
17	Đa Phương - Xóm 1, xã Cù Vân	DNTN Đa Phương	3	60	2
18	Hùng Yên - Đội 4, thị trấn Hùng Sơn	DNTN Hùng Yên	4	60	3
19	Huy Hiếu - Xóm Trung tâm, xã Minh Tiến	DNTN Huy Hiếu	2	15	2
20	Minh Thích - Phố sơn tập 1, thị trấn Hùng Sơn	DNTN Minh Thích	4	27	2
21	Thăng Long - Xóm Trung nà, xã Tiên Hội	DNTN Thăng Long	3	30	3
22	Thiêm Thanh - Xóm Góc mít, xã Tân Thái	DNTN Thiêm Thanh	4	40	4
VIII	Huyện Định Hóa		50	700	50
1	Số 4 - Xóm 10 Góc Thông, xã Định Biên	Công ty CP dầu khí Sơn Hải	3	30	2
2	Kiot XD số 18- CNTM Định Hóa, - TT Chợ Chu	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	3	35	3
3	Hữu Sơn - Thôn trung tâm, xã Phú Đình	Công ty TNHH Hữu Sơn	2	30	3
4	Số 22 Định Hóa – Thị trấn Chợ Chu	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	4	40	3

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
5	Số 63 Bình Yên - Xóm Yên Thông, xã Bình Yên	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	3	65	2
6	Số 69 Điềm Mặc - Xóm Lạ Co, xã Điềm Mặc	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	3	40	2
7	Số 6 - Xóm Bãi Á, thị trấn Chợ Chu	Công ty TNHH xăng dầu Quyết Tiến (đồng sở hữu)	2	20	2
8	Số 7 - Xóm Đoàn Kết, thị trấn Chợ Chu	Công ty TNHH xăng dầu Quyết Tiến (đồng sở hữu)	2	25	2
9	Số 1 - Xóm Nhà Lài, thị trấn Chợ Chu	DNTN Hợp Hạnh	3	40	3
10	Số 2 - Xóm Đồng Vang, xã Tân Thịnh	DNTN Hợp Hạnh	2	30	2
11	Khánh Thuận - Xóm Đá Bay, xã Bình Yên	DNTN Khánh Thuận	3	30	4
12	Hoàng Anh - Xóm Làng Quyền, xã Lam Vỹ	DNTN Quang Viên	2	20	2
13	Thanh Công - Thôn Đôn, xã Bình Thành	DNTN Tâm Ước	2	30	2
14	Thơ Nga - Xóm 8, Kim Sơn	DNTN Thơ Nga	2	25	2
15	Hưng Hà - Thôn 2, xã Phú Tiến	DNTN TM xăng dầu Hưng Hà	2	25	4
16	Hồng Hăng - Quán Vuông 2, xã Trung Hội	DNTN xăng dầu Hồng Hăng	3	45	4
17	Số 11 - Thôn 2, xã Phú Tiến	Đồng sở hữu Công ty CPVT&TM Đức Anh Hoàng Kim, DNTN Tân Tuyên Bạc	3	50	2
18	Số 1 - Xóm Đoàn Kết 2, xã Trung Hội	Hợp tác xã dịch vụ vận tải Chuyên Đức	3	45	3
19	Quán Vuông - Quán Vuông 4, xã Trung Hội	Nhà máy chè Định Hóa	3	75	3
20	Tú Tuấn Ngọc - Thôn 2, xã Phú Tiến				
IX	Huyện Phú Lương		74	1405,5	79

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
1	Kiot xăng dầu số 8 - Tiểu khu Thái An, thị trấn Đu	Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên	4	90	4
2	Số 1 Vũ Tần - Xóm Phố Trào, xã Yên Đổ	Công ty TNHH Vũ Tần	5	95	4
3	Số 2 Vũ Tần - Xóm 6, xã Sơn Cẩm	Công ty TNHH Vũ Tần	5	100	6
4	Số 2 Quyết Tiến - Xóm 9, xã Cổ Lũng	Công ty TNHH xăng dầu Quyết Tiến	3	45	4
5	Yến Ngọc - Phố Giang Sơn, thị trấn Giang Tiên	Công ty TNHH Yến Ngọc	0	0	0
6	Số 3, Xóm 8, xã Sơn Cẩm	Công ty XD Bắc Thái	5	115	5
7	Số 20 - Thị trấn Đu	Công ty XD Bắc Thái	3	37	3
8	Đoàn Mạnh Cường, xóm Cây Thị, xã Tức Tranh	DNTN Đoàn Mạnh Cường	3	30	3
9	Hà Tùng, Tiểu khu Dương Tự Minh, TT Đu	DNTN Hà Tùng	2	25	4
10	Số 2 - Xóm Phố Trào, xã Yên Đổ	DNTN Hoàng Phát	3	0	3
11	Hoàng Thắng - Xóm Đồng Niên, xã Động Đạt	DNTN Hoàng Thắng	3	37	4
12	Hùng Giang - Xóm Đá Mài, xã Yên Đổ	DNTN Hùng Giang	4	60	3
13	Kim Lợi - Xóm Tân Hòa, xã Phấn Mễ	DNTN Kim Lợi	5	50	3
14	Mai Bình - Xóm Bằng Ninh, xã Yên Ninh	DNTN Mai Bình	2	40	4
15	Sinh Thanh - Thị trấn Giang Tiên	DNTN Sinh Thanh	4	50	2
16	Thuyết Phúc - Xóm Làng Hìn, Phấn Mễ	DNTN Thuyết Phúc	2	20	2
17	Tuấn Thành - Xóm Trung Tâm, Ôn Lương	DNTN Tuấn Thành	2	24	2
18	Long Tiện - Xóm Yên Phú, xã Yên Ninh	DNTN xăng dầu Long Tiện	3	45	2

TT	Tên cửa hàng, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Số bể chứa (bể)	Tổng DT bể chứa (m ³)	Số cột bơm (cột)
19	Mạnh Hùng số 1 - Xóm 9, xã Cỗ Lũng	DNTN xăng dầu Mạnh Hùng	3	30	4
20	Số 1, nhà 151, tiểu khu Cầu Trắng, TT Đu	DNTN xăng dầu Mạnh Quỳnh	4	350	7
21	Việt Hoàng - Xóm Góc Vải, xã Yên Đổ	DNTN xăng dầu Việt Hoàng	2	30	4
22	Xuân Huy - Xóm Trào, xã Yên Đổ	DNTN Xuân Huy	2	12,5	0
23	Trạm XD Quân đội SĐ 346, QK.1, xã Yên Đổ	Đồng sở hữu DNTN xăng dầu Mạnh Quỳnh	5	120	6
24	Vũ Hải Lâm - Xóm Pháng 2, Xã Phú Đô				
Tổng cộng toàn tỉnh			598	9295,5	611

2.3.2. Trình độ chuyên môn, lao động và lĩnh vực kinh doanh

Trên địa bàn tỉnh đa số là cửa hàng cấp, nên số lao động trên một cửa hàng không nhiều; có thể phân loại cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo qui mô lao động như sau: Khoảng 180 cửa hàng kinh có dưới 5 lao động, chiếm 88,7%; còn lại là các cửa hàng có trên 5 lao động chỉ khoảng 23 chiếm tỷ lệ 11,3%.

Trình độ chuyên môn của lao động kinh doanh xăng dầu trên toàn địa bàn chủ yếu là lao động trung và sơ cấp, tỷ lệ lao động có trình độ đại học còn hạn chế.

Bảng phân loại cửa hàng KDXD của tỉnh theo quy mô lao động

Số lao động	Số cửa hàng	Tỷ lệ (%)
- Dưới 5 lao động (LĐ)	180	88,7
- Từ 5 LĐ đến 20 LĐ	23	11,3
Tổng số	203	100

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu

Về lĩnh vực kinh doanh: Đa số các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Thái Nguyên kinh doanh xăng dầu thuần túy, một số rất ít cửa hàng kinh doanh thêm gas dạng bình và mở thêm dịch vụ khác.

2.4. Quy mô vốn đầu tư

Kết quả điều tra của Sở Công Thương Thái Nguyên và nhóm nghiên cứu cho thấy: Có tới 73,9% các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh có quy mô vốn đầu tư từ 1 đến 5 tỷ đồng; 11,3% số cửa hàng có vốn đầu tư dưới 1 tỷ đồng; có 14,8% số cửa hàng có vốn đầu tư trên 5 tỷ đồng.

Bảng phân loại cửa hàng KDXD theo quy mô vốn đầu tư

Quy mô vốn	Số cửa hàng	Tỉ lệ (%)
- Dưới 1 tỷ	23	11,3
- Từ 1 đến dưới 5 tỷ	150	73,9
- Từ 5 trở lên	30	14,8
Tổng số	203	100

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu

2.5. Thực trạng mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh Thái Nguyên

2.5.1. Các tiêu chí phân loại, đánh giá hiện trạng

- Các tiêu chí về pháp lý: Các thủ tục kinh doanh (đăng ký kinh doanh, giấy phép của sở Công Thương, chủ sở hữu...); Loại hình doanh nghiệp (Doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty TNHH, Doanh nghiệp tư nhân...); Phương thức kinh doanh (trực tiếp, liên doanh, liên kết, tổng đại lý, đại lý...).

- Các tiêu chí về xây dựng: Vị trí xây dựng (ven trục đường chính, tại cửa ngõ ra vào tỉnh, trên đường vành đai, khoảng cách đến cửa hàng kinh doanh xăng dầu gần nhất, khoảng cách đến các khu đông dân cư...); Loại hình kết cấu (kiên cố hay tạm thời, kết cấu mái che, nhà bán hàng...); Theo tổng dung tích chứa xăng dầu cửa hàng được phân ra: Cửa hàng xăng dầu cấp 1: Tổng dung tích chứa lớn hơn 151 đến 210 m³; Cửa hàng xăng dầu cấp 2: Tổng dung tích chứa từ 101 đến 150 m³; Cửa hàng xăng dầu cấp 3: Tổng dung tích chứa nhỏ hơn 101 m³.

- Các chỉ tiêu về công nghệ và thiết bị: Số lượng cột bơm để đánh giá loại cửa hàng theo công suất (từ 2 - 4 cột bơm là loại nhỏ; từ 4 đến 6 cột bơm là loại vừa; từ 6 cột bơm trở lên là loại lớn).

- Tiêu chí về kinh doanh: Mặt hàng và dịch vụ (ngoài bán xăng, dầu, mỡ nhờn...có thêm dịch vụ khác như rửa xe, bảo dưỡng, bán hàng ăn uống, hàng tạp hoá, nhà nghỉ...), sản lượng bán lẻ xăng dầu dưới 120 m³/tháng (4m³/ngày) là mức thấp; Từ 121 m³/tháng đến 300 m³/tháng (4 - 10 m³/ngày) là mức trung bình, Từ 300 m³/tháng trở lên (10 m³/ngày) là mức cao.

- Tiêu chí đảm bảo an toàn PCCC: Khi xây dựng cửa hàng các đơn vị phải tuân thủ theo: TCVN 2622: 1995 Phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình - yêu cầu thiết kế; TCVN 4530: 1998 trạm cấp phát xăng dầu - yêu cầu thiết kế,

phải đảm bảo tiêu chuẩn về khoảng cách từ các hạng mục của cửa hàng có nguy cơ cháy nổ đến các công trình bên ngoài, đảm bảo quy định về hệ thống thu hồi, tiếp địa và hệ thống điện động lực cho cột bơm; các trang thiết bị chữa cháy ban đầu...

- Tiêu chí đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường: Đảm bảo thoát nước, có hố thu gom, lắng cặn dầu.

- Tiêu chí điều kiện phát triển:

+ Cửa hàng cần xử lý: Cửa hàng nằm trong diện giải phóng mặt bằng của các dự án đã được đền bù để di dời; vi phạm nghiêm trọng các điều kiện an toàn PCCC, vệ sinh môi trường mà không thể khắc phục bằng các giải pháp kỹ thuật do điều kiện đất xây dựng quá hạn hẹp, không đảm bảo các khoảng cách

+ Cửa hàng cần cải tạo, nâng cấp, phát triển: Là các cửa hàng đang hoạt động nhưng có một số khiếm khuyết hoặc một số phần không đạt so với yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam.

(Hiện trạng các cửa hàng được phân loại xem trong phần phụ lục)

2.5.2. Số lượng các cơ sở cửa hàng, điểm bán lẻ xăng dầu

- Mạng lưới cửa hàng kinh doanh xăng dầu theo địa bàn: Toàn tỉnh có 203 điểm (cửa hàng) kinh doanh xăng dầu: Thành phố Thái Nguyên có nhiều cửa hàng kinh doanh xăng dầu nhất (47 cửa hàng); huyện Phú Lương có 24 cửa hàng; thị xã Phổ Yên 23 cửa hàng; huyện Đồng Hỷ 24 cửa hàng; huyện Đại Từ 22 cửa hàng; huyện Phú Bình 17 cửa hàng; huyện Định Hóa 20 cửa hàng; ít nhất là thành phố Sông Công và huyện Võ Nhai cùng có 13 cửa hàng. Như vậy, bình quân mỗi thành phố, thị xã, huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 22,5 cửa hàng và toàn tỉnh có 180 xã/ phường/ thị trấn thì bình quân mỗi xã/phường/thị trấn có 1,13 cửa hàng.

Bảng mạng lưới kinh doanh xăng dầu Thái Nguyên phân theo địa bàn 2015

Địa bàn	Số cửa hàng	D.tích mặt bằng (m²)	Dung tích bể chứa (m³)	Số cột bơm
Toàn tỉnh	203		9295,5	611
1. Thành phố Thái Nguyên	47	38.222,82	2299	169
2. Thành phố Sông Công	13	16.294,9	725	38
3. Huyện Phú Lương	24	22.935	1405,5	79
4. Huyện Phú Bình	17	9.013	558	37
5. Huyện Định Hoá	20	12.219,07	700	50
6. Huyện Võ Nhai	13	7.290	444	29

Địa bàn	Số cửa hàng	D.tích mặt bằng (m²)	Dung tích bể chứa (m³)	Số cột bơm
7. Huyện Đại Từ	22	13.003	902	62
8. Huyện Đồng Hỷ	24	14.235	1078	71
9. Thị xã Phổ Yên	23	26.201	1184	76

Nguồn: Số liệu tổng hợp của nhóm nghiên cứu

- Mạng lưới cửa hàng xăng dầu tính theo tiêu chí diện tích tự nhiên: Diện tích tự nhiên của Thái Nguyên hiện là 3.526,64 km², bình quân cứ 17,37 km² có một cửa hàng xăng dầu, hay bán kính phục vụ của một cửa hàng xăng dầu bình quân là 2,35 km. Thành phố Thái Nguyên có mật độ cửa hàng kinh doanh xăng dầu/xã, phường cao nhất (với 1,74 cửa hàng/xã, phường).

Bảng một số chỉ tiêu cơ bản về mạng lưới cửa hàng

Địa bàn	CHXD/xã, phường	Diện tích/CH (km²/CH)	Dân số/CH (người/CH)
Toàn tỉnh	1,13	17,37	6.102
1. Thành phố Thái Nguyên	1,74	3,63	6.706
2. Thành phố Sông Công	1,18	7,4	5.081
3. Huyện Phú Lương	1,5	15,3	4.475
4. Huyện Phú Bình	0,81	14,8	8.526
5. Huyện Định Hoá	0,83	25,7	4.408
6. Huyện Võ Nhai	0,87	64,6	5.129
7. Huyện Đại Từ	0,73	26,1	7.488
8. Huyện Đồng Hỷ	1,33	18,9	4.762
9. Thị xã Phổ Yên	1,28	11,3	7.448

Nguồn: Số liệu tổng hợp của nhóm nghiên cứu

- Mạng lưới cửa hàng xăng dầu theo tiêu chí dân số: Hiện nay, dự ước tổng dân số trên địa bàn Thái Nguyên là 1.238.785 người. Như vậy, trung bình một cửa hàng kinh doanh xăng dầu phục vụ 6.102 người. Đặc biệt, mức chênh lệch về số dân/cửa hàng xăng dầu giữa các thành phố, thị xã, huyện tới 1,93 lần (thấp nhất là huyện Định Hoá với 4.408 người/CH và cao nhất là huyện Phú Bình với 8.526 người/CH)

- Mạng lưới cửa hàng xăng dầu theo tiêu chí vị trí xây dựng: Theo kết quả điều tra, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện có 35% số cửa hàng được xây dựng ven các tuyến quốc lộ; 45% số cửa hàng được xây ven các tuyến tỉnh lộ và nội thị; 20% số cửa hàng xây dựng ven các tuyến huyện và liên xã. Khoảng cách trung bình thực tế giữa các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố Thái Nguyên chỉ là 0,5 - 1,5 km, còn ở các huyện, thị xã khác, khoảng cách trung bình thực tế giữa các cửa hàng xăng dầu lớn hơn.

2.5.3. Hệ thống cơ sở vật chất kho dự trữ và các điểm bán lẻ xăng dầu

Hiện nay trên địa bàn Thái Nguyên chỉ có 01 Doanh nghiệp (Công ty CP xăng dầu dầu khí Thái Nguyên) có kho chứa tại khu vực cảng Đa Phúc, dự trữ xăng dầu thường xuyên với sức chứa 3.000m³, còn lại các doanh nghiệp khác thường thuê ô tô xi-téc vận chuyển theo chuyến. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn trang bị cho các điểm kinh doanh xăng dầu các loại thiết bị như: Máy bán xăng (cột bơm), kho dự trữ lưu thông (bể chứa), thiết bị phòng chống cháy nổ... Các loại thiết bị có xuất xứ từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Italia, Hoa Kỳ... (trong đó xuất xứ từ Nhật Bản chiếm tỷ lệ lớn).

Theo kết quả điều tra, tổng số cột bơm xăng, dầu trên địa bàn Thái Nguyên là 611cột. Số cửa hàng xăng dầu có 2 cột bơm chiếm khoảng 30%, số cửa hàng có từ 3 đến 4 cột bơm chiếm khoảng 60%, số cửa hàng có trên 4 cột bơm chiếm khoảng 10%.

Tổng dung tích bể chứa của các CHXD trên địa bàn Tỉnh hiện nay là 9.295,5 m³, dung lượng bể chứa của các điểm bán phổ biến ở mức 30 - 55 m³; số CHXD có dung tích bể chứa trên 75m³ không nhiều.

2.5.4. Tình hình cung ứng và tiêu thụ xăng dầu

- Nguồn cung ứng xăng dầu trên địa bàn khá đa dạng, được các doanh nghiệp thực hiện theo cơ chế kinh doanh xăng dầu, trong đó chủ yếu là Công ty xăng dầu Bắc Thái (thuộc Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam) thực hiện.

Bảng kết quả kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh 2010 – 2016

Năm	Khối lượng xăng dầu tiêu thụ (m3)	Doanh thu (tỷ đồng)
2010	200.000	3.200
2015	320.000	5.120

2016

352.000

5.632

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu

Như vậy, trong giai đoạn từ 2010 đến 2015, Doanh thu kinh doanh xăng dầu hàng năm của các đơn vị trên toàn địa bàn Tỉnh đạt khoảng từ 3.200 tỷ đồng/năm đến 5.120 tỷ đồng/năm. Doanh thu năm 2016 ước đạt 5.632 tỷ đồng; tổng lượng xăng dầu bán ra hàng năm trong giai đoạn từ 2010 đến 2015 khoảng 200.000 đến 320.000 m³/năm; và năm 2016 ước bán được 352.000 m³.

- Tình hình tiêu thụ xăng dầu của các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh: Chủ yếu cung cấp nhiên liệu cho các phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường thủy; máy thi công công trình; đốt lò và chạy các loại máy sản xuất công nghiệp, nông nghiệp...và làm chất đốt cho các hộ gia đình...

Theo kết quả điều tra, trong số 203 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay có 5 doanh nghiệp vừa bán buôn (theo hợp đồng) vừa có các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, còn lại các doanh nghiệp khác chỉ kinh doanh bán lẻ. Trong cơ cấu các mặt hàng kinh doanh của các CHXD (lượng tiêu thụ của từng địa bàn có khác nhau) bình quân: Khối lượng xăng tiêu thụ chiếm khoảng 75 đến 85%; dầu các loại chiếm khoảng 15 đến 25%.

Khách hàng của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh có khoảng 75% là khách hàng địa phương, 25% khách vãng lai.

2.5.5. Công tác phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường

Theo kết quả điều tra, 100% số doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được trang bị các phương tiện phòng chống cháy nổ theo quy định đối với từng cửa hàng.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về an toàn cháy nổ cũng được các doanh nghiệp quan tâm: Trong số các doanh nghiệp trả lời câu hỏi này thì 95% doanh nghiệp yêu cầu cán bộ công nhân viên tự tìm hiểu, 100% doanh nghiệp thường xuyên mở lớp tập huấn về phòng chống cháy nổ và cử cán bộ đi tham gia các lớp tập huấn kiến thức về phòng chống cháy nổ (có 80% cán bộ công nhân viên của các doanh nghiệp được tập huấn định kỳ hàng năm).

Về công tác kiểm tra của cơ quan quản lý: Theo kết quả điều tra, 100% các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Thái Nguyên cho biết có sự kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước (100% các cửa hàng xăng dầu được kiểm tra từ 2 đến 4 lần/năm). Khoảng 90% số doanh nghiệp trả lời họ được tiếp cận chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thông qua văn bản từ các cơ quan quản lý.

2.6. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về kinh doanh xăng dầu

2.6.1. Cơ chế, chính sách chung của Nhà nước

Xăng dầu là mặt hàng vật tư thiết yếu và mang tính chiến lược đối với sự phát triển của đất nước, Nhà nước thực hiện độc quyền của mình đối với xuất nhập khẩu xăng dầu thông qua quản lý quyền trực tiếp xuất nhập khẩu của doanh nghiệp và quy định hạn ngạch nhập khẩu. Trên cơ sở cân đối nhu cầu xăng dầu hàng năm của nền kinh tế quốc dân, Nhà nước giao hạn ngạch nhập khẩu cho khoảng 10 doanh nghiệp đầu mối, trong đó Petrolimex được giao với khối lượng tương ứng với thị phần 55 - 60%.

Với chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của Nhà nước Việt Nam, tại thị trường nội địa đã và đang phát triển các doanh nghiệp tham gia bán buôn, bán lẻ xăng dầu dưới hình thức đại lý, tổng đại lý. Petrolimex cùng với các đại lý, tổng đại lý- các đối tác của mình - thực hiện kinh doanh bình đẳng, hai bên cùng có lợi trên cơ sở chấp hành nghiêm túc luật pháp và các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. Nhà nước chấm dứt bù lỗ đối với hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, giá cả của tất cả các mặt hàng xăng, dầu đều do thị trường điều chỉnh. Mỗi khi có điều chỉnh giá, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thực hiện chế độ đăng ký giá theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của liên Bộ Tài chính - Công Thương.

Như vậy, lộ trình thực hiện giá thị trường đối với xăng dầu đã hoàn tất, diễn biến giá xăng dầu trong nước sẽ tuân theo diễn biến chung của thị trường thế giới, Nhà nước chỉ can thiệp trong một số trường hợp cụ thể, hết sức cấp bách. Nhà nước giao sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW phối hợp với Sở Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường có trách nhiệm kiểm tra thực hiện giá bán các loại xăng dầu tại địa phương mình, gắn việc kiểm tra giá bán với kiểm tra chất lượng và đơn vị đo lường xăng dầu, kịp thời phát hiện những sai phạm và xử lý trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy định hiện hành hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2.6.2. Quản lý Nhà nước về kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh

Sở Công Thương Thái Nguyên được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở công nghiệp và Sở Thương mại - Du lịch tại quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Sở là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công thương trên địa bàn Tỉnh.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu, Sở Công Thương cùng với các lực lượng phối hợp như: Sở Khoa học & Công nghệ, Sở Tài nguyên & Môi trường, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát môi trường, các phòng Kinh tế và phòng Công Thương thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

các hộ kinh doanh xăng dầu về việc chấp hành các quy định hiện hành đối với việc lưu giữ, kinh doanh xăng dầu...

2.7. Đánh giá chung về thực hiện quy hoạch giai đoạn 2009-2020 và phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2.7.1. Đánh giá chung về thực hiện quy hoạch giai đoạn 2009-2020

Bảng biến động cửa hàng từ 2009 đến 2016 trên địa bàn tỉnh

TT	Địa bàn	QHĐT mới 2009-2020	Hiện trạng		Xây mới	Ghi chú
			2009	2016		
1	TP. Thái Nguyên	11	43	47	6 (bổ sung QH 2)	bỏ 02 CH Lê Vinh & Phú Xá - XDBT
2	TP.Sông Công	6	6	13	7 (bổ sung QH 1)	
3	TX Phố Yên	9	13	23	11 (bổ sung QH 1)	CH Mỹ Long Thành chấp thuận 2011
4	H.Phú Bình	9	14	17	5 (bổ sung QH 1)	CH Duy Phong (bỏ)
5	H.Đồng Hỷ	9	19	24	5	đã bỏ CH số 12 Chùa Hang
6	H.Võ Nhai	10	11	13	2	
7	H.Đại Từ	12	18	22	4	Chưa bỏ Thiên Hương
8	H.Phú Lương	5	19	24	6 (bổ sung QH 1)	Đã có CH Vũ Tần 3; CH Lưu Sinh
9	H.Định Hóa	8	13	20	7	Vẫn còn CH Tú Tuấn Ngọc
	Cộng	79	156	203	53	

Trong quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2009-2020 đã xác định năm 2009 trên địa bàn toàn tỉnh có 156 cửa hàng kinh doanh xăng dầu; trong giai đoạn 2009 đến 2020 hoạch định đầu tư mới 79 cửa hàng (từng địa bàn xem bản tổng hợp); đến hết năm 2015 đã đầu tư được 53 cửa hàng, đạt 67% (có 6 cửa hàng bổ sung mới, chiếm tỷ lệ 11,3%).

2.7.2. Những thuận lợi cơ bản

- Vài năm lại đây vùng Trung du miền núi Bắc Bộ được quan tâm đầu tư lớn phát triển của hệ thống giao thông nội vùng và liên vùng, với vị trí địa lý là trung tâm vùng Việt Bắc, Thái Nguyên có lưu lượng các phương tiện giao thông qua lại khá lớn. Mặt khác, với vị trí gần đồng bằng sông Hồng, có hệ thống đường giao thông thuận tiện với các tỉnh và thành phố lớn phía nam... Đây là điều kiện thuận lợi cho quá trình hình thành và phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu

trên toàn địa bàn. các địa phương trong và ngoài vùng, đến các thành phố và khu công nghiệp lớn, Thái Nguyên có nhiều thuận lợi trong việc liên kết, hợp tác đầu tư phát triển kinh tế, thương mại nói chung và phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu nói riêng.

- Dân số Thái Nguyên trên một triệu người, do Kinh tế phát triển nhanh nên thu nhập bình quân đầu người của Tỉnh cũng tăng, số gia đình sử dụng phương tiện đi lại dùng nhiên liệu là xăng dầu trở nên phổ biến, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu ngay trong nội bộ Tỉnh tăng cao. Đây là điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường tiêu thụ và gia tăng số lượng cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên toàn Tỉnh. Việc đầu tư xây mới đường cao tốc Hà nội - Thái Nguyên, cùng hàng loạt các khu đô thị mới; các khu, cụm công nghiệp (khu trung tâm hành chính của tỉnh; tổ hợp khu công nghiệp, chế xuất, đô thị và dịch vụ Yên Bình; thành phố công nghệ và giao lưu quốc tế; thành phố công nghệ sinh thái; khu công nghiệp công nghệ cao tây Phổ yên...diện tích vài chục nghìn ha) đã và đang được quy hoạch, cộng với những tiềm năng và lợi thế lớn về tài nguyên... là lợi thế lớn giúp Thái Nguyên thu hút đầu tư cho phát triển, làm cho nhu cầu sử dụng nhiên liệu xăng dầu tăng theo.

- Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ xã hội cũng như giá trị xuất nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn Tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng khá cao. Đây là những điều kiện thuận lợi đối với hoạt động của ngành giao thông vận tải, qua đó làm tăng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Thái Nguyên có nhiều cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho các ngành kinh tế trong Tỉnh và của vùng trung du miền núi Bắc Bộ. Đây là lợi thế rất quan trọng để Tỉnh đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển hoạt động kinh doanh xăng dầu trong giai đoạn quy hoạch.

2.7.3 Những kết quả đạt được:

- Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được phát triển khá nhanh về số lượng và mở rộng về thành phần, loại hình. Điều này sẽ là cơ sở quan trọng góp phần làm tăng tính hiệu quả của hệ thống kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh trong những năm tới, khi Nhà nước tiếp tục thực hiện đường lối “Đổi mới kinh tế”, đặc biệt là chính sách cải cách các doanh nghiệp Nhà nước.

- Qui mô các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh vẫn chủ yếu ở qui mô vừa và nhỏ. Thêm vào đó, số lao động chưa qua đào tạo trong các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp tư nhân vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Những vấn đề này làm hạn chế về qui mô và tính chuyên nghiệp của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn.

- Trong hoạt động kinh doanh xăng dầu hiện nay, phương thức kinh doanh chính của các doanh nghiệp xăng dầu nói chung và trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng là đại lý bán hàng dưới hình thức đại lý bao tiêu. Nếu xem xét dưới các yếu tố như: Điều kiện thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, tính chất nguồn cung, qui mô doanh nghiệp...thì đây là phương thức kinh doanh phù hợp. Tuy nhiên, khi điều kiện thị trường thay đổi, qui mô doanh nghiệp và các chủ thể cung ứng xăng dầu tăng lên cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng sẽ kéo theo sự đa dạng hoá các phương thức kinh doanh xăng dầu trên địa bàn. Như vậy, hệ thống kinh doanh xăng dầu tỉnh Thái Nguyên sẽ phải đổi mới với thách thức lớn trước xu hướng mở cửa thị trường và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong những năm tới.

- Qui mô cầu về các mặt hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện chưa ở mức cao. Hơn nữa, cầu về các mặt hàng xăng dầu trên địa bàn Thái Nguyên vẫn chủ yếu thuộc cầu cá nhân và hộ gia đình, bộ phận cầu của các cơ sở sản xuất còn khá hạn chế, mặc dầu đang có xu hướng tăng.

- Trong điều kiện cầu về các mặt hàng xăng dầu trên địa bàn còn hạn chế, sự gia tăng nhanh số lượng doanh nghiệp và cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh trong những năm vừa qua có ảnh hưởng không tốt đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến khả năng phát triển và mở rộng mạng lưới cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong những năm tới.

- Trong số các yếu tố về điều kiện tự nhiên, xã hội và điều kiện kinh tế có ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay, ảnh hưởng của các tuyến giao thông là quan trọng nhất và mức độ ảnh hưởng tăng dần từ các tuyến huyện lộ, tỉnh lộ và quốc lộ. Điều này được thể hiện qua tình hình thực tế của mạng lưới cửa hàng kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như: 1) Số lượng cửa hàng xăng dầu chủ yếu tập trung dọc các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và nội thị; 2) Các huyện có tuyến quốc lộ đi qua là các huyện có nhiều cửa hàng hơn, mức tiêu thụ bình quân và công suất phục vụ bình quân của các cửa hàng cao hơn, lưu lượng khách hàng cao hơn, khoảng cách trung bình thực tế giữa các cửa hàng thấp hơn...Tuy nhiên, trong tương lai, khi các tuyến đường quốc lộ được nâng cấp, những qui định về khoảng cách và qui mô các điểm kinh doanh xăng dầu theo tuyến quốc lộ được ban hành cũng sẽ có ảnh hưởng lớn đến mạng lưới kinh doanh xăng dầu hiện nay.

- Do chạy theo lợi nhuận, giá trị đầu tư ban đầu của các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có sự chênh lệch khá lớn giữa các cửa hàng ở khu vực thành phố, thị xã, dọc tuyến quốc lộ với các cửa hàng trên khu vực huyện, xã và tuyến huyện lộ. Đồng thời, trong giá trị đầu tư, các

cửa hàng thường chủ yếu tập trung vào công trình xây dựng và thiết bị bán hàng, trong khi các loại tài sản khác như kho dự trữ, các phương tiện vận chuyển xăng dầu, các thiết bị phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường... vẫn ở mức chưa đáng kể.

2.7.4. Những khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được, mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh Thái Nguyên vẫn còn nhiều bất cập. Cụ thể là:

- Kinh tế của Tỉnh tuy đã đạt được một số thành tựu, nhất là về công nghiệp, dịch vụ nhưng còn mất cân đối trên nhiều mặt như: Thiếu vốn đầu tư, trình độ công nghệ và khả năng cạnh tranh của nhiều ngành và sản phẩm còn thấp, mức độ phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng... Đây là những hạn chế có tác động không tốt đến nhu cầu sử dụng nhiên liệu xăng dầu.

- Với đặc điểm địa hình khá phức tạp đã làm cho khả năng thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nói chung và phát triển hệ thống giao thông nói riêng ở một số địa phương trong Tỉnh còn nhiều hạn chế như: Hệ thống cầu đường chưa đáp ứng yêu cầu của khối lượng hàng hóa vận chuyển đang tăng nhanh, giao thông trên toàn địa bàn (đặc biệt là giao thông nông thôn) chưa hoàn chỉnh... phần nào tác động đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.

- Do đặc thù là tỉnh miền núi, mức thu nhập và đời sống dân cư tăng nhanh nhưng chưa đạt mức cao, nhu cầu tiêu dùng của phần lớn dân cư vẫn tập trung vào các hàng hoá tiêu dùng thiết yếu cho đời sống hàng ngày, nhu cầu về các hàng hoá khác, trong đó có nhu cầu về các loại phương tiện đi lại, máy móc thiết bị sử dụng xăng dầu còn thấp đã làm hạn chế mức tiêu thụ xăng dầu. Và nhu cầu tiêu thụ xăng dầu thấp gây khó khăn không nhỏ cho sự phân bố, hiệu quả trong hoạt động của mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.

- Sự phân bố của các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn còn chưa hợp lý, có chỗ quá dày, có chỗ quá thưa, đặc biệt ở các xã và các tuyến giao thông mới mở dẫn đến tình trạng lãng phí quỹ đất và lãng phí trong đầu tư cơ sở vật chất, hiệu quả kinh doanh thấp.

- Đa số cửa hàng (đặc biệt các cửa hàng của tư nhân) đều có quy mô nhỏ cả về diện tích đất và quy mô xây dựng, chưa tuân thủ đúng tiêu chuẩn thiết kế cửa hàng xăng dầu, thiết bị kỹ thuật còn quá lạc hậu.

- Việc phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu chưa được thực hiện theo một quy hoạch thống nhất, có nguy cơ ảnh hưởng đến giao thông, môi trường, an toàn cháy nổ và cảnh quan chung.

- Các cửa hàng kinh doanh xăng dầu chưa được xây dựng theo hướng kết hợp với các dịch vụ thương mại như sửa chữa, bảo dưỡng xe, ăn nghỉ...

- Những năm gần đây, hệ thống đường giao thông trên địa bàn Tỉnh đang được nâng cấp và cải tạo, các đô thị mới hình thành ngày càng nhiều, lưu lượng phương tiện giao thông cơ giới tăng nhanh, nhưng mạng lưới các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh chưa kịp thời được điều chỉnh nên chưa đáp ứng được tốt nhất nhu cầu phát triển sản xuất và tiêu dùng của dân cư.

PHẦN THỨ BA

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

3.1. Mục tiêu và định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của Thái Nguyên giai đoạn đến 2020, tầm nhìn 2030

3.1.1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên

- **Mục tiêu tổng quát đến năm 2020:** Xây dựng Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, là trung tâm của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc về phát triển công nghiệp, dịch vụ, nhất là dịch vụ giáo dục - đào tạo; cơ cấu kinh tế hiện đại, tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định và bền vững với các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh cao; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao. Thực hiện tăng trưởng xanh với mức độ phát thải các-bon giảm dần, tiến tới tạo dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Là khu vực phòng thủ vững chắc, địa bàn trọng yếu góp phần giữ vững quốc phòng - an ninh cho cả vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

- **Mục tiêu cụ thể đến 2020:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) phấn đấu bình quân hàng năm tăng 10%/năm; Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Khu vực công nghiệp và xây dựng: 52-53%, khu vực dịch vụ khoảng 36 - 37% và khu vực nông - lâm - thủy sản khoảng 12 - 10%; Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15%/năm; Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4%/năm; Giá trị xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân 8-9%/năm; Thu ngân sách nhà nước trong cân đối tăng bình quân 18%/năm; GRDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 80-81 triệu đồng, tương đương 3.300 USD;

Đến năm 2020 Thái Nguyên đạt tiêu chí tỉnh nông thôn mới (*Có 70% trở lên số đơn vị cấp huyện trong tỉnh đạt nông thôn mới*); Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân hàng năm 15.000 người, trong đó xuất khẩu lao động 1.000 người. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó qua đào tạo có chứng chỉ nghề từ 26-28%....

- **Mục tiêu tổng thể đến năm 2030:** Phấn đấu Thái Nguyên là tỉnh công nghiệp phát triển, trung tâm kinh tế của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc với nền kinh tế hiện đại, hội tụ những yếu tố của nền kinh tế tri thức với các ngành định hướng phát triển mạnh về công nghiệp công nghệ tiên tiến, dịch vụ chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao và môi trường an toàn, bền vững; là trung tâm đào tạo, y tế chuyên sâu và khoa học công nghệ có uy tín lớn trong nước, có các trung tâm văn hóa, nghệ thuật tiên tiến, hiện đại và đậm đà bản sắc dân tộc vùng Việt Bắc; đời sống vật chất, tinh thần ngày càng được nâng cao. Xây dựng thành phố Thái Nguyên là thành phố sinh thái, có chức năng tổng hợp (quản lý

nhà nước, đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học - công nghệ, dịch vụ tài chính, ngân hàng và thương mại).

- **Mục tiêu cụ thể đến 2030:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 10 - 10,5%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2025 khoảng 150 triệu đồng, năm 2030 khoảng 265 triệu đồng (theo giá thực tế). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, khu vực công nghiệp, dịch vụ chiếm khoảng 90% vào năm 2030.

3.1.2. Định hướng phát triển các ngành kinh tế của Tỉnh đến 2020, tầm nhìn 2030 có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu

a. Công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp Thái Nguyên đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó, ưu tiên tập trung phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, có khả năng tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu và một số chuyên ngành có giá trị gia tăng lớn mà tỉnh có lợi thế như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử và vi mạch bán dẫn; công nghiệp vật liệu mới; công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu tập trung và gắn với xây dựng nông thôn mới; công nghiệp hạ tầng (sản xuất và phân phối điện, xử lý môi trường và chất thải).

- Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, chú trọng chất lượng tăng trưởng để đảm bảo tính bền vững, thân thiện với môi trường và năng suất lao động cao; khai thác và sử dụng có hiệu quả các lợi thế của tỉnh về tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực trình độ cao, vị trí trung tâm vùng...

- Phát huy nội lực và tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia.

Định hướng phát triển Công nghiệp:

- Tập trung phát triển theo chiều sâu, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp. Trong các khu công nghiệp: Ưu tiên thu hút đầu tư những dự án công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao. Cụm công nghiệp, Cụm TTCN công nghiệp và Làng nghề: Ưu tiên thu hút đầu tư những dự án công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu tập trung và xây dựng nông thôn mới, sử dụng nhiều lao động. Tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao trình độ công nghệ chế biến và tỷ lệ giá trị gia tăng của ngành.

- Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng nhanh các nhóm ngành, sản phẩm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn; sản xuất hàng xuất khẩu; gia tăng tỷ trọng công nghiệp ngoài quốc doanh, đặc biệt là đầu tư nước ngoài trong các ngành công nghiệp chủ lực. Thu hút các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động về khu vực nông thôn; huy động có hiệu quả các nguồn lực nội sinh, thu hút tối đa các nguồn lực bên ngoài.

- Phát triển các Khu, Cụm công nghiệp tập trung, gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hệ thống đô thị; phân bố hợp lý các loại hình sản xuất, quy mô theo địa bàn và trong các Khu, Cụm công nghiệp, Cụm tiểu thủ công nghiệp và Làng nghề; từng bước hiện đại hóa ngành công nghiệp Thái Nguyên.

- Thứ tự ưu tiên thu hút đầu tư phát triển công nghiệp: Công nghiệp hỗ trợ sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử và vi mạch điện tử bán dẫn, chế tạo máy, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp; chế biến sâu khoáng sản; chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng gắn với vùng nguyên liệu tập trung, gắn với xây dựng nông thôn mới; công nghiệp chuyên giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin (sản xuất phần cứng và gia công phần mềm); công nghiệp hạ tầng (sản xuất phân phối điện, nước và xử lý chất thải); công nghiệp hoá chất, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất kim loại và khai thác khoáng sản.

Mục tiêu phát triển công nghiệp:

- GRDP Công nghiệp (giá 2010) đến năm 2020 đạt 35.500 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 71.000 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 137.000 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 16%; giai đoạn 2021 -2025 đạt trên 15%, giai đoạn 2025 -2030 đạt trên 14%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá 2010) đến năm 2020 đạt 740.000 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 1.250.000 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 1.995.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 15%; giai đoạn 2021 -2025 đạt trên 11%; giai đoạn 2025 -2030 đạt trên 10%.

Một số nhóm ngành công nghiệp cụ thể:

- Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử và vi mạch bán dẫn; chế tạo máy, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp: là nhóm ngành chủ đạo, được xác định là một trong những khâu đột phá của Tỉnh trong thời kỳ 2016 – 2025, với tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 15,5%/năm; 2021- 2025 là 11%/năm và thời kỳ 2026- 2030 là 10%/năm; tỷ trọng trong toàn ngành công nghiệp tương ứng từng thời kỳ là 92,92%; 93,01%; và 91,87%.

- Công nghiệp nhẹ, chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng: phát triển đáp ứng những nhu cầu cơ bản thiết yếu của Tỉnh; công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới và gắn với vùng nguyên liệu tập trung; góp phần quyết định trong chuyển dịch cơ cấu lao động để đạt tiêu chí Tỉnh công nghiệp; với tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 15%/năm; 2021- 2025 là 20%/năm và thời kỳ 2026- 2030

là 20%/năm; tỷ trọng trong toàn ngành công nghiệp tương ứng từng thời kỳ là 1,36%; 2,02%; và 3,15%.

- Công nghiệp hóa chất: Đây là ngành công nghiệp mới và có nhiều tiềm năng phát triển của Tỉnh; cần sớm có những phương án triển khai đầu tư nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực hóa dược, sản xuất phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ nông, lâm nghiệp; bao bì nhựa, sơn cao cấp, chất độn công nghiệp, hóa chất tiêu dùng và các phụ liệu hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp; đặc biệt là sản xuất các loại thuốc chữa bệnh cả đông và tây dược; với tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 20%/năm; 2021- 2025 là 20%/năm và thời kỳ 2026- 2030 là 20%/năm; tỷ trọng trong toàn ngành công nghiệp tương ứng từng thời kỳ là 0,5%; 0,68%; và 1,05%.

- Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước và xử lý chất thải: Đây là ngành công nghiệp hạ tầng quan trọng, với phương án phát triển trong giai đoạn tới là chỉ duy trì hoạt động ổn định, hết công suất các cơ sở nhiệt điện hiện có (Cao Ngạn, An Khánh); sớm hoàn thiện quy hoạch hệ thống cung cấp điện trên địa bàn (đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt); ngoài ra có thể nghiên cứu phát triển các dạng năng lượng điện khác (hiện tại nguồn tiềm năng này chưa được nghiên cứu khai thác) phục vụ các xóm bản vùng sâu, nơi đưa điện lưới Quốc gia gặp khó khăn... Có phương án đầu tư chiều sâu, đảm bảo sản xuất ổn định, hết công suất các cơ sở sản xuất hiện có và hoàn thành phương án cấp nước theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 22/6/2015; coi trọng tiết kiệm năng lượng, sử dụng nước sạch để giảm thiểu những tác động xấu đối với môi trường; với tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 8%/năm; 2021- 2025 là 8%/năm và thời kỳ 2026-2030 là 9%/năm; tỷ trọng trong toàn ngành công nghiệp tương ứng từng thời kỳ là 0,3%; 0,23%; và 0,22%.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các nhà máy sản xuất VLXD lớn hiện có trên địa bàn phát huy hết công suất như: Xi măng Thái Nguyên (1,5 triệu tấn/năm), La Hiên (0,75 triệu tấn/năm), Quan Triều (0,77 triệu tấn/năm); các dây chuyền gạch-đá ốp lát, gạch không nung, gạch tuynel, tấm lợp, vật liệu trang trí... tiếp tục thu hút đầu tư dự án sản xuất các sản phẩm mới với công nghệ tiên tiến như: Đá ốp lát cao cấp, cấu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu chịu lửa, xi măng cao dolomit, các dây truyền sản xuất gạch không nung, gạch ceramic, gạchterrazzo, gạch bê tông block, tấm lợp sinh thái-chịu nhiệt và cách nhiệt, beton xốp acotec, gốm, sứ cao cấp...với tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 9%/năm; 2021- 2025 là 10%/năm và thời kỳ 2026-

2030 là 12%/năm; tỷ trọng trong toàn ngành công nghiệp tương ứng từng thời kỳ là 0,9%; 0,82%; và 0,91%.

- Công nghiệp sản xuất kim loại: Duy trì sản xuất ổn định các cơ sở công nghiệp luyện kim đen (gang, thép, fero) và luyện kim màu (Vonfram, đồng, chì, kẽm, thiếc) truyền thống hiện có của Tỉnh; tiếp tục đầu tư mới (sản xuất Thép chế tạo, hình, tấm, Đồng kim loại và một số kim loại quý khác) và đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị công nghệ các cơ sở hiện có, để phát huy hết công suất và đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; với tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 10%/năm; 2021- 2025 là 5%/năm và thời kỳ 2026- 2030 là 5%/năm; tỷ trọng trong toàn ngành công nghiệp tương ứng từng thời kỳ là 3,8%; 2,86%; và 2,31%.

- Công nghiệp khai thác và chế biến các khoáng sản: Là ngành sản xuất quan trọng đảm bảo cung cấp đủ nguyên nhiên vật liệu cho các cơ sở chế biến sâu và sản xuất VLXD hiện có của tỉnh; phát triển ngành khai thác chế biến khoáng sản phù hợp với nguồn tài nguyên hiện có và đúng quy hoạch khai thác chế biến các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt; chỉ phát triển chế biến sâu khoáng sản một số ngành trữ lượng mỏ nguyên liệu còn như: Caolanh, Đolômit...chỉ cấp phép khai thác cho những đơn vị có cơ sở chế biến sâu khoáng sản; với tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 5%/năm; 2021-2025 là 2%/năm và thời kỳ 2026- 2030 là 2%/năm; tỷ trọng trong toàn ngành công nghiệp tương ứng từng thời kỳ là 0,17%; 0,11%; và 0,08%.

b. Nông nghiệp

Thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; đưa kinh tế tư nhân trở thành một trong những yếu tố quan trọng, đóng góp ngày càng nhiều về sản lượng, giá trị sản phẩm và giá trị gia tăng của toàn ngành. Tổ chức quản lý và triển khai có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; phát triển chăn nuôi an toàn dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển giao tiên bộ kỹ thuật gắn với sản xuất, bảo quản sau thu hoạch, tạo đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm. Củng cố, tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư từ tỉnh đến cơ sở. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, đổi mới và phát triển mạnh hệ thống dịch vụ công theo chuỗi giá trị sản phẩm. Củng cố và phát triển các tổ chức dịch vụ: cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, làm đất, thu hoạch, tiêu thụ và chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản. Xây dựng các mô hình liên kết bền vững, chú trọng vai trò

của các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị hàng hóa từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư công và các nguồn hợp tác phát triển; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các loại rừng theo quy hoạch; tạo điều kiện phát triển kinh tế đồi rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng. Chú trọng trồng cây lâm nghiệp phân tán tại các đô thị, khu dân cư và khu công nghiệp.

Tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới: Chủ động, tích cực xây dựng nông thôn mới, làm cho kinh tế nông thôn phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng cao; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, có các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, giữ gìn bản sắc văn hóa vùng miền, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để nâng cao chất lượng các quy hoạch xây dựng nông thôn mới đồng thời tích cực triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất nâng cao thu nhập cho người nông dân; tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn, tập trung những công trình thiết yếu. Tranh thủ các nguồn lực Trung ương, địa phương cùng nguồn vốn của doanh nghiệp và nhân dân; sử dụng hiệu quả quỹ đất xen kẹt ở nông thôn để tạo nguồn lực cho phát triển; đẩy mạnh chương trình dạy nghề, đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất canh tác tiến bộ, các mô hình khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, các dự án, mô hình mới, hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất... làm cơ sở nhân rộng những mô hình hiệu quả, bền vững. Thực hiện tốt chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; bố trí nguồn lực phù hợp để hỗ trợ các mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, sản xuất hàng hóa ở nông thôn; ưu tiên các dự án công nghệ cao, tiên tiến trong phát triển cây trồng, vật nuôi lợi thế gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục đổi mới, phát triển các hình thức hợp tác, tăng cường liên kết trong sản xuất, nhất là liên kết 4 nhà (Nhà nông, Nhà khoa học, Nhà doanh nghiệp, Nhà nước) để nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Phần đầu đến 2020 Tỉnh có 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và đến năm 2030 có 70% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Tốc độ tăng trưởng GRDP của toàn khu vực kinh tế Nông-Lâm-Thủy sản tăng khoảng 4% trong giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020 đến 2030 duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 3,8%. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản bình quân: Giai đoạn 2016-2020 là 4,3%/năm (nông nghiệp 3,8%; Lâm nghiệp 10%; Thủy sản là 11%); Giai đoạn 2021-2030 là 4,9%/năm (nông nghiệp 4,3%; Lâm nghiệp 9%; Thủy sản là 10%). Đến năm 2020 có cơ cấu

giá trị sản xuất: Nông nghiệp 92% (trồng trọt chiếm 50%, chăn nuôi chiếm 42%, dịch vụ chiếm 8%), Lâm nghiệp 3,5% và Thủy sản là 4,5%; giá trị sản phẩm trồng trọt (giá hiện hành) 110 triệu đồng/ha đất nông nghiệp; sản lượng thóc bình quân đạt 280kg/người/năm; tỷ trọng giá trị sản xuất ứng dụng công nghệ cao ngành trồng trọt là 25% và ngành chăn nuôi là 25%. Đến 2030 có cơ cấu giá trị sản xuất: Nông nghiệp 90% (trồng trọt chiếm 42%; chăn nuôi chiếm 48%; dịch vụ chiếm 10%), Lâm nghiệp 4,5% và Thủy sản là 5,5%.

c. Định hướng phát triển ngành thương mại, dịch vụ giai đoạn đến 2020

- Phát triển ngành dịch vụ với tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng GDP của toàn Tỉnh và có chất lượng hơn hẳn các thời kỳ trước để nhanh chóng đưa Thái Nguyên trở thành trung tâm phát triển dịch vụ lớn của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, vùng Thủ đô. Tốc độ tăng GRDP khu vực Dịch vụ thời kỳ 2006 - 2015 đạt 11,2%/năm (giai đoạn 2011 – 2015 chỉ đạt 7,5%/năm); để đạt mục tiêu khu vực Dịch vụ chiếm tỷ trọng 36% trong tổng GRDP toàn tỉnh, thì Dịch vụ thời kỳ 2016 - 2020 phải có tốc độ tăng trưởng 14,1%/năm, lao động dịch vụ đạt khoảng 164.505 người (chiếm 21,8% lao động xã hội) vào năm 2015 và đạt trên 230.000 người (để đạt tiêu chí chiếm khoảng 30% lao động xã hội) vào năm 2020.

- Nâng dần thị phần và tầm ảnh hưởng của một số phân ngành dịch vụ, sản phẩm dịch vụ có thế mạnh của Thái Nguyên trên thị trường. Đảm bảo sau 2015 một số sản phẩm dịch vụ của Tỉnh có vị thế quan trọng trong vùng và cả nước (như: Du lịch, thương mại, y tế, giáo dục, giao thông vận tải...). Ưu đãi về chính sách, ưu tiên về các nguồn lực cho một số ngành, sản phẩm dịch vụ chủ lực, có lợi thế, được xác định là ngành, sản phẩm có tính đột phá trong giai đoạn đến 2020.

- Nâng cao hơn nữa vai trò của dịch vụ đối với kinh tế Tỉnh, đảm bảo nâng tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 33% GDP toàn Tỉnh vào năm 2015 và trên 36% vào năm 2020, tăng đóng góp cho ngân sách và có vai trò hỗ trợ, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác phát triển.

- Chuyển dịch cơ cấu khu vực dịch vụ theo hướng tăng nhanh các dịch vụ chủ lực, hình thành các phân ngành, các sản phẩm dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao, phù hợp với lợi thế của Tỉnh, phù hợp với yêu cầu phát triển của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, tăng dần các dịch vụ cao cấp, dịch vụ chất lượng cao, tăng tỷ trọng khu vực tư nhân trong cung cấp các loại dịch vụ trên địa bàn.

- Phát triển dịch vụ bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn và phát huy các giá trị đạo đức, truyền thống văn hoá, hài hoà lợi ích kinh tế và ổn định chính trị - xã hội và quốc phòng, an ninh toàn địa bàn.

Phát triển một số phân ngành dịch vụ quan trọng:

- Dịch vụ Du lịch: Thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 768/QĐ-TTg, ngày 06/5/2015 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, đã xác định tỉnh Thái Nguyên phát triển thành trung tâm du lịch Quốc Gia, với trọng điểm du lịch là Hồ Núi Cốc-gắn với Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa. Phần đầu đến năm 2019 hoàn thành giai đoạn I và đưa dự án xây dựng Khu du lịch Quốc gia Hồ Núi Cốc-gắn với Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (điểm di tích lịch sử văn hóa Đền Gàn, xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; với các hệ thống công trình: Xây dựng hệ thống đường vào Hồ Núi Cốc dài 21 km, hệ thống đường quanh hồ khoảng 35 km, hệ thống đường kết nối với Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa Thái Nguyên; hệ thống hồ chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp thay thế Hồ Núi Cốc; xây dựng công vào Khu du lịch; xây dựng khu đền thờ và khu Chùa Tháp cao 150m; xây dựng đền thờ Tam Thánh và các hạng mục phụ trợ; xây dựng khu trung tâm đón tiếp, bến thuyền, bến xe điện). Giai đoạn II dự kiến thực hiện trong 15 năm từ năm 2020 – 2035, gồm đầu tư các hạng mục: Khu vui chơi, giải trí, khu tiểu cảnh quang hồ; hệ thống khách sạn, khu resort cao cấp, khu nghỉ dưỡng cho mọi tầng lớp nhân dân và du khách thập phương; xây dựng khu làng văn hóa du lịch...mục tiêu chung của dự án là kết nối các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với các tỉnh trong vùng, khai thác tiềm năng, lợi thế du lịch trên địa bàn tỉnh đặc biệt là du lịch tâm linh và du lịch sinh thái Hồ Núi Cốc góp phần phát triển kinh tế, xã hội, giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nếu dự án thực hiện đúng tiến độ thì dự báo số lượt khách du lịch (cả khách quốc tế) đến Thái Nguyên từ năm 2019 sẽ tăng đột biến (từ hàng triệu lượt như hiện tại tăng lên trên hàng trăm triệu lượt), cùng với đó là sự gia tăng đột biến của hệ thống hạ tầng dịch vụ như khách sạn, nhà hàng... và đóng góp của lĩnh vực dịch vụ du lịch sẽ là chính, để đảm bảo khu vực Dịch vụ tăng trưởng trên 14,1%/năm trong giai đoạn đến năm 2020.

- Dịch vụ tài chính, ngân hàng: Dịch vụ tài chính, ngân hàng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được xây dựng theo hướng đa năng, hiệu quả, phù hợp hệ thống ngân hàng cả nước, tạo thuận lợi để các ngân hàng lớn trong và ngoài nước thành lập các chi nhánh tại Thái Nguyên, nâng cao chất lượng và đổi mới hoạt động của hệ thống ngân hàng trong Tỉnh, khuyến khích phát triển các hình thức ngân hàng cổ phần, tín dụng ngoài quốc doanh để phát triển các dịch vụ tiền tệ. Mở rộng và phát triển đa dạng các dịch vụ tiện ích ngân hàng và bảo hiểm, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển thị trường chứng khoán, đa dạng hoá các dịch vụ ngân hàng: nhận gửi, cho vay, cho thuê tài chính, thanh toán và chuyển tiền, thế chấp và cam kết, giao dịch qua tài khoản, môi giới cho vay, quản

lý tài sản... Mở rộng các loại dịch vụ bảo hiểm trong mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống. Hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật, tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng, trình độ các dịch vụ tài chính, ngân hàng đạt tới các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

- Dịch vụ bưu chính - viễn thông: Phát triển theo hướng nhanh chóng đổi mới, nâng cao trình độ thiết bị, công nghệ tốc độ cao, đa phương thức, hạ giá cước, tăng chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, đảm bảo thông tin liên tục, thông suốt, an toàn, văn minh, tiện lợi, phát triển mạng bưu cục, kiốt, điểm bưu điện một cách hợp lý, mở thêm bưu cục ở những nơi trọng yếu, tiếp tục mở rộng mạng đại lý, đặc biệt là đại lý bưu điện đa dịch vụ để rút ngắn bán kính phục vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, phát triển các dịch vụ mới, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật (phương tiện vận chuyển, tự động hoá chia chọn, đóng gói...).

Xây dựng mạng lưới viễn thông hiện đại, đồng bộ và rộng khắp, cung cấp các dịch vụ đa dạng, chất lượng cao, chú trọng phát triển mạng viễn thông nông thôn vì đây là thị trường rất có tiềm năng. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 3 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - Internet: Viễn thông Thái Nguyên, Viettel chi nhánh Thái Nguyên, FPT chi nhánh Thái Nguyên và 5 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động: Vinaphone, Mobifone, Viettel, Vietnamobile, GMobile. Mạng chuyển mạch hiện tại sử dụng hệ thống tổng đài công nghệ chuyển mạch kênh (TDM), với công nghệ và dung lượng đáp ứng tốt cho các dịch vụ thoại cơ bản nhưng bị hạn chế khi phát triển cung cấp các dịch vụ mới. Mạng truyền dẫn: Hệ thống mạng truyền dẫn đã được đầu tư hiện đại. Hầu hết các tuyến truyền dẫn trên địa bàn được xây dựng bằng cáp quang, dung lượng đảm bảo đáp ứng tốt cho các nhu cầu truyền dẫn hiện tại và trong tương lai gần, có thể cho phép ghép các kênh tín hiệu lên đến 10Gb/s tại mạng nội tỉnh và 20Gb/s trên mạng liên tỉnh. Mạng thông tin di động trên địa bàn tỉnh hiện tại đã phủ sóng tới 100% trung tâm các xã và các thôn, bản với công nghệ sử dụng GSM 2G và 3G. Mạng Internet chủ yếu sử dụng công nghệ ADSL và FTTH đáp ứng băng thông thuê bao lên đến 100Mbit/s. Hệ thống mạng cáp ngoại vi (cáp đồng) được triển khai tới 100% các trung tâm xã, đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân. Năm 2015 đã hoàn thành số chỉ tiêu dịch vụ viễn thông: 100% xã có truyền dẫn cáp quang; 100% trung tâm các xã, thôn, bản có sóng thông tin di động; 100% xã có thuê bao điện thoại cố định, mật độ 7 (thuê bao/100 dân); Số thuê bao Internet băng rộng đạt mật độ đạt 5 thuê bao/100 dân; Số thuê bao dịch vụ truyền hình (thuê bao truyền hình cáp, IPTV, Next TV, MyTv) đạt mật độ 4 thuê bao/100 dân; Số người sử dụng điện thoại di động đạt khoảng 55% dân số. Nhìn chung, hệ thống bưu chính viễn thông Thái Nguyên

phát triển nhanh và rộng khắp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin, liên lạc ngày càng cao của xã hội.

d. Phát triển Hệ thống đô thị:

- Phát triển hệ thống đô thị trên cơ sở phân bố một hệ thống đô thị trung tâm nhiều cấp, kết hợp giữa cải tạo các đô thị cũ và xây dựng các đô thị mới để tạo thế cân bằng phát triển giữa các vùng và phù hợp với đặc thù phát triển của từng vùng và là hạt nhân phát triển dân cư nông thôn.

- Phát triển hệ thống đô thị phải chú trọng xây dựng các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, phân bố cơ cấu chức năng hợp lý, bảo vệ các vùng cảnh quan thiên nhiên, các vùng sản xuất, bảo vệ môi trường và sinh thái tự nhiên. Việc quy hoạch xây dựng phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, văn hóa và sắc thái đặc thù của từng vùng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

- Khai thác có hiệu quả các thế mạnh, tiềm năng vốn có về vị trí, điều kiện tự nhiên, con người, văn hóa truyền thống... góp phần tạo động lực trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và của vùng TDMN Bắc Bộ.

- Hướng tới chất lượng đô thị, nông thôn giàu bản sắc, văn minh, hiện đại.

- Phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư tập trung hợp lý, kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng.

Mục tiêu phát triển:

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, có môi trường đô thị trong sạch, được phân bố và phát triển hợp lý trên địa bàn, đảm bảo mỗi đô thị phát triển ổn định, cân bằng và bền vững, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, vùng và cả nước.

- Nâng cấp và chỉnh trang các đô thị hiện có (hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại I thành phố Thái Nguyên, nâng cấp đô thị thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên....Phát triển các thị trấn, thị tứ mới, đặc biệt với các huyện các xã miền núi của Tỉnh.

- Tạo cơ sở pháp lý để lập, quản lý quy hoạch xây dựng đô thị và thu hút các nguồn vốn đầu tư, khuyến khích các nhà đầu tư tham gia xây dựng phát triển đô thị.

Phương hướng phát triển: Mở rộng không gian đô thị trung tâm (vùng trung tâm thành phố Thái Nguyên hiện tại). Chuỗi đô thị trung tâm gồm một số xã của huyện Đồng Hỷ, thành phố Sông Công, huyện Phú Bình, thị xã Phổ Yên, huyện Phú Lương giáp thành phố Thái Nguyên.

Thành phố Thái Nguyên tiếp tục giữ vai trò hạt nhân và đạt đầy đủ các tiêu chuẩn đô thị loại I. Thành phố Sông Công phát triển tương xứng với đô thị loại III và chuẩn bị các bước phát triển cần thiết để trở thành đô thị loại II giai đoạn đến 2020; Thị xã Phổ Yên tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các điều kiện cần thiết để trở thành đô thị loại III trước 2020. Các Khu, Cụm công nghiệp và các tuyến giao

thông được quy hoạch sẽ phát triển theo hoạch định để trở thành hạt nhân tạo đô thị. Các trung tâm hỗ trợ: TT Bãi Bông, TT Ba Hàng, TT Hương Sơn, TT Chùa Hang, TT Bắc Sơn, Thị xã Núi Cốc (dự kiến thành lập mới), Đô thị mới Yên Bình (dự kiến thành lập mới).

- Đưa TT Chùa Hang lên đô thị loại III vào năm 2020; TT Đại Từ, TT Đu, TT Sông Cầu, TT Trại Cau, lên đô thị loại IV vào trước năm 2020.

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang các đô thị: TT Bãi Bông, TT Bắc Sơn, TT Hương Sơn, TT Quân Chu, TT Giang Tiên, TT Chợ Chu, TT Đình Cả, Hóa Thượng.

- Xây dựng đô thị mới: La Hiên - Quang Sơn, Núi Cốc, Đô thị mới Yên Bình (Tổ hợp khu công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ Yên Bình).

- Xác định các điểm trung tâm cụm xã, các thị tứ mới tại những vùng tập trung dân cư có lợi thế về giao thông, đất đai, làng nghề truyền thống và vùng cây đặc sản; Phân đầu đến năm 2020 toàn Tỉnh xây dựng được 25 điểm trung tâm cụm xã, thị tứ.

Đẩy mạnh phát triển các hạt nhân đô thị gắn liền với phát triển công nghiệp và Khu công nghiệp, dịch vụ tạo nhiều việc làm mới ở khu vực đô thị, tạo điều kiện thu hút lực lượng lao động từ khu vực nông thôn đến làm việc, giảm áp lực cho khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, hướng nghiệp cho người lao động tại khu vực nông thôn, nhằm chuẩn bị tốt lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu lao động của khu vực công nghiệp, dịch vụ tại các đô thị.

Tạo điều kiện tập trung phương tiện lao động, canh tác trong khu vực nông nghiệp, nông thôn nhằm nâng cao năng suất lao động và thu nhập của người lao động nông nghiệp và khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh các hoạt động cộng đồng, có biện pháp kiểm soát tốt thị trường lao động và trật tự xã hội nhằm tạo điều kiện phân bố lại dân cư một cách tự giác có kiểm soát.

e. Phát triển giao thông:

- Mở rộng và phát triển mạng lưới đường giao thông theo hướng hiện đại và đồng bộ ở tất cả các cấp: Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường giao thông nông thôn và các loại hình giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, tạo thành mạng lưới đường giao thông hoàn chỉnh, liên hoàn, thông suốt và hợp lý với quy mô phù hợp với từng vùng, từng địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo tiêu chuẩn kỹ thuật từng loại đường đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, dân sinh và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

- Tập trung ưu tiên mở rộng, nâng cấp các tuyến trục giao thông đối ngoại chính kết nối Thái Nguyên với TP Hà Nội, các cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh, các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, với các tỉnh vùng Trung du-Miền

núi Bắc bộ và với Trung Quốc nhằm gia tăng giao lưu kinh tế-xã hội giữa Thái Nguyên với các địa phương trong nước và quốc tế. Phối kết hợp với các tỉnh trong vùng thực hiện các dự án giao thông quốc gia đảm bảo tính đồng bộ, liên thông hệ thống cầu - đường trên toàn tuyến.

- Xây dựng và mở rộng nâng cấp các tuyến giao thông nội tỉnh, liên huyện kết nối với các trục đường quốc gia, nhất là tuyến các huyện dọc trục Quốc lộ 3, Đường Hồ Chí Minh trên địa bàn Tỉnh theo tiêu chuẩn kỹ thuật và 100% thảm bê tông - nhựa, tạo thành các hành lang kinh tế mới, các không gian phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, tạo môi trường lưu thông đối ngoại.

- Phát triển nâng cấp mạng lưới đường giao thông nông thôn theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới đến các vùng cao, vùng sâu, đảm bảo thông suốt tới các điểm dân cư trong Tỉnh.

* **Đường bộ:** Xây dựng, phát triển mạng đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đồng bộ, liên hoàn gồm: hệ thống đường cao tốc, hệ thống đường quốc lộ và hệ thống đường tỉnh, hệ thống đường vành đai TP. Thái Nguyên tạo thành hệ thống các trục dọc Bắc - Nam, trục ngang Đông - Tây, hệ thống đường hướng tâm, hệ thống vành đai liên huyện với trung tâm TP. Thái Nguyên, cùng mạng lưới đường đô thị, đường giao thông nông thôn đảm bảo giao thông thông suốt gắn kết chặt chẽ với mạng giao thông quốc gia, với tuyến liên vận Quốc tế nối với cửa khẩu Hữu Nghị Quan sang Trung Quốc, nối liền các khu vực đô thị, các vùng kinh tế động lực, các vùng vành đai kinh tế của Tỉnh.

- Hình thành các tuyến trục dọc (ĐT261 - ĐT264...) và ngang (giao thông đối ngoại phía Bắc qua các huyện Định Hóa - Phú Lương - Đông Hỷ - Võ Nhai; tuyến trung tâm kết nối Thái Nguyên với các tỉnh Tuyên Quang, Lạng Sơn; tuyến Vành đai 5 Hà Nội...) của Tỉnh.

- Tiếp tục triển khai xây dựng mới và hoàn thành mở rộng, nâng cấp các tuyến đường cao tốc và quốc lộ sau đạt chuẩn tối thiểu đường cấp III: Đường cao tốc Hà Nội-Thái Nguyên-Bắc Kạn: Đoạn Hà Nội-Thái Nguyên và đoạn Thái Nguyên-Bắc Kạn. Tuyến đường vành đai 5 Hà Nội; Quốc lộ 3 (nâng cấp, mở rộng), Quốc lộ 1B; Tuyến đường Hồ Chí Minh trên địa phận Thái Nguyên; Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 37...Xây dựng các tuyến đường vành đai sau: Vành đai 1, vành đai 2...Nâng cấp các tuyến: ĐT268 thành tuyến Quốc lộ 3C; ĐT269 thành tuyến Quốc lộ 17.

- Tiếp tục triển khai nâng cấp, mở rộng các tuyến tỉnh lộ đạt tối thiểu đường cấp IV miền núi

- Giao thông đô thị: Chinh trang và nâng cấp để đến năm 2020 và sau 2020 các tuyến giao thông đô thị: TP Thái Nguyên, Sông Công, thị xã Phổ Yên và các thị trấn, khu du lịch – dịch vụ đạt theo tiêu chuẩn đường giao thông đô thị hiện đại, đồng bộ. Đảm bảo tỷ lệ quỹ đất dành cho giao thông theo quy định của Chính

phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Xây dựng thành phố Thái Nguyên thành trung tâm đầu mối giao thông của các tỉnh Việt-Bắc và của Tỉnh, làm cầu nối lưu thông, hội nhập kinh tế với TP Hà Nội, các cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Trung du-miền núi Bắc Bộ. Mở rộng và nâng cấp các tuyến hướng tâm đến thành phố và đường vành đai thành phố. Đầu tư mạng lưới giao thông (nâng cấp và nhựa hoá) và chỉnh trang đô thị (thành phố, thị xã, thị trấn), đường vào-ra các Khu công nghiệp. Đầu tư từng bước hoàn chỉnh, đồng bộ hoá các tuyến trục giao thông, các nút giao thông đô thị và tiếp tục xây dựng, hiện đại hoá mạng lưới đường phố nội thị gắn với chỉnh trang đô thị, kết hợp với các công trình hạ tầng ngầm kỹ thuật khác tại các khu phát triển mới (mạng cáp quang viễn thông, mạng điện ngầm, tuyến truyền dẫn cấp thoát nước...). Lập và triển khai quy hoạch mạng lưới giao thông nội thành, giao thông tỉnh của TP Thái Nguyên và Sông Công, thị xã Phổ Yên.

- **Giao thông nông thôn: Đường huyện:** Thay thế các cầu cống tạm, bán vĩnh cửu bằng cầu cống vĩnh cửu bê tông cốt thép đạt tải trọng H30 - Xb80 để ô tô có thể đi lại quanh năm. Nhựa hóa 100% các tuyến. Giai đoạn 2016 - 2020: nâng cấp, cải tạo toàn bộ các tuyến đường huyện tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi có nền đường rộng 6,5m; mặt đường rộng 3,5m, tỷ lệ nhựa hóa đạt 100%. Định hướng đến 2030: Nâng cấp các tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi có nền đường rộng 7,5m; mặt đường rộng 5,5m, tỷ lệ nhựa hóa đạt 100%. **Đường xã:** Xây dựng đường giao thông xã đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới đến 2020 với các xã đạt chuẩn: các trục đường thôn, xóm cơ bản cứng hóa (nhựa hóa hoặc bê tông hóa). Giai đoạn 2016 - 2020: hệ thống đường xã có 100% đạt chuẩn đường cấp VI trở lên, tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đạt 75%; Nâng cấp, cải tạo toàn bộ các đoạn đường trục xã, đường qua trung tâm xã, trung tâm cụm xã đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Nâng cấp và thay thế các cầu cống tạm, bán vĩnh cửu bằng cầu cống vĩnh cửu bê tông cốt thép đạt tải trọng H13-X60 trở lên để ô tô có thể đi lại quanh năm. Định hướng đến năm 2030: Nâng cấp, cải tạo toàn bộ đường xã đạt quy mô đường cấp V trở lên, tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%; Các đoạn đường trục xã, đường qua trung tâm xã, trung tâm cụm xã giữ nguyên quy mô đường cấp IV.

* **Đường sắt:** Nghiên cứu mở rộng nâng khổ đường sắt trên các chặng Hà Nội - Quán Triều, Núi Hồng - Yên Bái để nâng cao hiệu suất hoạt động và kéo dài sang Tuyên Quang để nối với tuyến đường sắt Hà Lào.

* **Đường thủy:** Đầu tư mở rộng Cụm Cảng Đa Phúc (trong đó có đầu tư mới cảng Moong Kiệu) theo Quy hoạch hệ thống cảng sông phía Bắc đã được Chính Phủ phê duyệt. Tiến hành nạo vét khai thông luồng lạch và lắp đặt hệ thống thông tin, tín hiệu, phao dẫn trên các tuyến đường thủy chính của Tỉnh

(tuyến Đa Phúc - Hải Phòng; tuyến Đa Phúc - Hòn Gai và hai tuyến vận tải thủy nội tỉnh: tuyến Thái Nguyên - Phú Bình và tuyến Thái Nguyên - Chợ Mới). Xây dựng hoàn thiện 11 bến tàu thủy phục vụ du lịch trên hồ Núi Cốc đảm bảo an toàn, văn minh.

* **Cảng cạn (ICD):** Tiến hành triển khai lập dự án đầu tư xây dựng cảng ICD thuộc khu vực địa bàn thành phố Sông Công và Thái Nguyên.

3.2. Mục tiêu phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh thái nguyên đến 2020

3.2.1. Những mục tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng khối lượng tiêu thụ xăng dầu qua mạng lưới đạt bình quân 10%/năm trong giai đoạn đến 2015 và duy trì tốc độ tăng trên 10,5%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Đảm bảo sức chứa xăng dầu trên địa bàn Tỉnh đến năm 2020 tăng 1,6 lần so với quy mô sức chứa hiện nay.

- Tăng diện tích bình quân của cửa hàng kinh doanh xăng dầu từ trên 600m²/CH hiện nay, lên trên 700m²/cửa hàng vào năm 2020 và đến năm 2030.

- Tăng cường công tác vệ sinh môi trường và an toàn phòng chống cháy nổ, đảm bảo 100% điểm kinh doanh đạt tiêu chuẩn về điều kiện kinh doanh xăng dầu.

3.2.2. Xu hướng phát triển các điểm kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới

Từ thực trạng phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh những năm vừa qua và căn cứ vào triển vọng phát triển các yếu tố kinh tế - xã hội có tác động đến quá trình phát triển của nó, có thể dự đoán xu hướng phát triển của mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

* **Về số lượng doanh nghiệp và điểm kinh doanh xăng dầu:** Trong thời gian tới, tổng số doanh nghiệp và điểm bán lẻ xăng dầu trên địa bàn Tỉnh sẽ tăng lên do các nguyên nhân sau:

- Quy mô nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng cao do sự gia tăng số lượng (phương tiện vận tải hàng hoá, hành khách; phương tiện giao thông cá nhân; cơ sở sản xuất, máy móc thiếu bị có sử dụng xăng dầu của các cơ sở sản xuất).

- Việc nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trong Tỉnh (đặc biệt là các tuyến cao tốc); quá trình phát triển nhanh các Khu đô thị, dân cư; Khu, Cụm công nghiệp... tạo điều kiện về hạ tầng cơ sở hình thành các điểm bán xăng dầu.

- Môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện cùng với quá trình phát triển năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp và cá nhân trong Tỉnh sẽ làm gia tăng số lượng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp, điểm kinh doanh xăng dầu nói riêng trên địa bàn. Tuy nhiên, sự gia tăng số lượng doanh nghiệp và điểm kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh thời gian tới còn chịu sự điều tiết của thị

trường (do gia tăng tính cạnh tranh) và phương diện quản lý của Nhà nước (những quy định về điều kiện kinh doanh xăng dầu).

* **Về vị trí của các điểm bán lẻ xăng dầu:** Trong mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh hiện nay, vị trí của các điểm kinh doanh có thể sẽ phải thay đổi do ảnh hưởng của những yếu tố sau:

- Yêu cầu mở rộng kinh doanh của chính các điểm/cửa hàng kinh doanh xăng dầu nhưng bị giới hạn bởi diện tích quá nhỏ hẹp sẽ không thể đáp ứng được sự gia tăng nhanh về lưu lượng người và phương tiện giao thông.

- Việc thực hiện quy hoạch giao thông, quy hoạch phát triển đô thị, công nghiệp và quy hoạch dân cư nông thôn sẽ làm nảy sinh yêu cầu di chuyển những điểm kinh doanh nằm trong hành lang an toàn của các tuyến đường giao thông, cự ly an toàn đối với các khu dân cư (*đối tượng cửa hàng không đủ điều kiện kinh doanh, buộc phải dừng và di chuyển địa điểm khá nhiều-xem phần quy hoạch*).

- Sự cải thiện về điều kiện giao thông, đặc biệt là các tuyến đường cao tốc sẽ làm thay đổi tính hợp lý về khoảng cách giữa các điểm bán lẻ xăng dầu hiện nay cũng như các điểm mới hình thành.

* **Về quy mô điểm bán xăng dầu:** Xu hướng mở rộng quy mô các điểm kinh doanh xăng dầu sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn xu hướng gia tăng số lượng các điểm bán do chịu ảnh hưởng của các yếu tố sau:

- Sự gia tăng quy mô và tính tập trung hoá của nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời kỳ quy hoạch.

- Sự gia tăng khoảng cách giữa các cửa hàng, điểm kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh do tốc độ lưu thông của các phương tiện giao thông tăng lên và yêu cầu đảm bảo an toàn giao thông.

- Yêu cầu nâng cao quy mô tiêu thụ nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh của chính các điểm kinh doanh xăng dầu.

* **Về cơ sở vật chất kỹ thuật các điểm kinh doanh xăng dầu trên địa bàn:**

- Tính cạnh tranh trong kinh doanh xăng dầu tăng lên, đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư đổi mới trang thiết bị để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao năng lực phục vụ khách hàng.

- Các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường và an toàn phòng chống cháy nổ đối với chủ thể khi tham gia vào lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

- Chính sách tự do hoá thương mại, cùng với những xu hướng chuyển giao công nghệ ngày càng nhanh hơn sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp

kinh doanh xăng dầu nhập khẩu thiết bị và công nghệ mới phục vụ quá trình kinh doanh xăng dầu.

* **Về đặc điểm kinh doanh của các điểm kinh doanh xăng dầu:** Cùng với xu hướng mở rộng quy mô, các điểm kinh doanh xăng dầu cũng sẽ có xu hướng mở rộng lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt kinh doanh dịch vụ phục vụ khách hàng; những yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng này bao gồm:

- Sự gia tăng số lượng phương tiện và khối lượng hành khách vận chuyển trên và qua địa bàn Tỉnh đòi hỏi các cửa hàng xăng dầu không chỉ chú trọng đến việc cung cấp xăng dầu cho phương tiện, mà còn chú trọng kinh doanh các mặt hàng phục vụ cho lái xe và hành khách như: Nhà nghỉ, hàng ăn, dịch vụ bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng hàng ngày...

- Với sự gia tăng số lượng và chủng loại phương tiện giao thông và các máy móc sử dụng xăng dầu, nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng và thay thế phụ tùng của các chủ phương tiện cũng gia tăng. Do đó, các cửa hàng kinh doanh xăng dầu có cơ hội để phát triển các dịch vụ tiện ích khác như: Sửa chữa, bảo dưỡng... các phương tiện giao thông và các loại máy móc khác.

3.3. Định hướng phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Thái Nguyên giai đoạn 2016 – 2020, có xét đến 2030.

3.3.1. Dự báo nhu cầu sử dụng xăng dầu các giai đoạn

3.3.1.1. Cơ sở dự báo nhu cầu sử dụng xăng dầu trên địa bàn Tỉnh

a. Dự báo về dân số và nguồn nhân lực:

Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thời kỳ đến 2020, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của Thái Nguyên đến năm 2020 được dự báo ở mức 0,8%/năm và tỷ lệ tăng cơ học dự kiến khoảng 0,1 - 0,2%/năm (hầu hết số dân tăng cơ học nằm trong độ tuổi lao động). Như vậy, dân số của Thái Nguyên năm 2015 đạt 1.238.785 người và năm 2020 là 1.306.900 người (tăng bình quân gần 1%/năm trong cả thời kỳ 2016 - 2020). Dân số trong độ tuổi lao động của Tỉnh dự kiến tăng bình quân 1,15%/năm trong cả thời kỳ 2016 - 2020, giai đoạn 2021 - 2030 tăng bình quân 1,1%/năm.

Cơ cấu dân số Thái Nguyên năm 2015 và 2020 có những đặc điểm chính như sau: Tỷ lệ dân đô thị tăng từ 18,98% năm 2015 lên 25% năm 2020 và 30% năm 2030. Cơ cấu dân số theo giới tính vào các năm 2020 và 2030 dự kiến không thay đổi nhiều so với năm 2015. Cơ cấu dân số theo độ tuổi sẽ có thay đổi theo hướng tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi giảm dần trong khi tỷ trọng nhóm dân số từ 16 đến 60 tuổi tăng lên.

Với dự báo dân số như trên, số người trong độ tuổi lao động của Thái Nguyên năm 2015 vào khoảng 754.610 người và dự kiến năm 2020 khoảng

799.132 người, năm 2025 khoảng 843.884 người, năm 2030 khoảng 891.141 người. Nguồn lao động này đủ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong những năm tới. Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động làm việc trong các ngành cũng sẽ có sự dịch chuyển: Công nghiệp - xây dựng tăng từ 27,2% năm 2015 lên trên 30% năm 2020 và gần 35% vào năm 2030; Dịch vụ tăng từ 21,8% năm 2015 lên trên 30% năm 2020 và gần 35% vào năm 2030; Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản giảm từ 51% năm 2015 xuống 40% năm 2020 và khoảng 30% vào năm 2030.

b. Dự báo quỹ mua dân cư:

Dự báo mức tiêu dùng (mua sắm hàng hoá) tăng giảm theo mức thu nhập của người Việt Nam như sau: Mức thu nhập dưới 300 USD/người/năm thì chi dùng hàng hoá chiếm 95% thu nhập; mức thu nhập từ 500 - 700 USD/người/năm thì chi dùng hàng hoá chiếm 85% thu nhập; mức thu nhập từ 700 - 1.000 USD/người/năm thì chi dùng hàng hoá chiếm 70% thu nhập; mức thu nhập từ 1.000 - 2.000 USD/người/năm thì chi dùng hàng hoá chiếm 60% thu nhập. Trên cơ sở (dân số của tỉnh đến 2020 là 1.306.900 người và bình quân mức chi dùng hàng hoá) dự kiến quỹ mua của dân cư trong toàn Tỉnh đến năm 2020 khoảng 50.100 tỷ đồng.

c. Dự báo khối lượng hàng hoá, hành khách vận chuyển, luân chuyển trên địa bàn

Theo quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thời kỳ đến năm 2020, khối lượng hàng hoá và hành khách vận chuyển trên địa bàn Thái Nguyên theo loại phương tiện như sau:

- Khối lượng hàng hoá vận chuyển đường bộ: năm 2010 đạt 14.256 ngàn tấn, năm 2015 đạt 21.397 ngàn tấn (tăng trưởng bình quân đạt 8,5%/năm), và dự báo năm 2020 là 38.514 ngàn tấn; tăng trưởng bình quân đạt 12,5%/năm.

- Khối lượng hàng hoá luân chuyển đường bộ năm 2015 đạt 772.972 ngàn tấn.km, năm 2020 là 1.159.458 ngàn tấn.km; tăng trưởng bình quân đạt 8,4%/năm.

- Số lượt hành khách vận chuyển: năm 2010 đạt 6.304 ngàn người năm 2015 đạt 10.483 ngàn người (tăng trưởng bình quân đạt 10,7%/năm.) và dự báo năm 2020 đạt khoảng 22.782 ngàn lượt người; tăng trưởng bình quân đạt 16,8%/năm.

- Số lượt hành khách luân chuyển năm 2015 đạt 749.488 ngàn người.km và năm 2020 khoảng 1.199.181 ngàn người.km; tăng trưởng bình quân đạt 9,9%/năm.

Ngoài ra, số liệu thống kê của Phòng cảnh sát giao thông Công an Tỉnh cho thấy: Tốc độ tăng của phương tiện vận tải đường bộ trung bình khoảng 10-15%/năm, số lượng phương tiện giao thông cá nhân (cả ô tô và xe gắn máy) đang

ký tăng ở mức trên 10%/năm. Việc đưa lượng phương tiện giao thông lớn như vậy tham gia giao thông sẽ làm cho nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn tăng theo nhanh chóng.

Như vậy, nhu cầu vận tải trên và qua địa bàn Tỉnh trong thời gian tới rất lớn, nên cùng với việc phát triển hệ thống giao thông, ngay trước mắt cũng như lâu dài để đáp ứng nhu cầu tăng nhanh về dịch vụ vận tải, Thái Nguyên cần xây dựng và thực hiện tốt chiến lược, quy hoạch phát triển mạng lưới cung ứng xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.

3.3.1.2. Dự báo nhu cầu xăng dầu trên địa bàn Tỉnh đến năm 2020

Theo nghiên cứu của cơ quan năng lượng quốc tế, đối với các nước đang trong thời kỳ CNH, tốc độ tăng trưởng của nhu cầu tiêu thụ xăng dầu thường cao hơn so với tốc độ tăng trưởng GRDP. Cụ thể, nếu GRDP tăng trưởng 1% thì nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng 1,1- 1,5%. Tuy nhiên, đối với nước ta trong những giai đoạn trước, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân khoảng 7,0%/năm, nhưng tốc độ tăng nhu cầu tiêu thụ xăng và dầu diezen chỉ ở mức 6,59%/năm (tức là tốc độ tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế). Nguyên nhân chính của tình trạng này do: Nước ta đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ công nghiệp hóa, các ngành cần tiêu thụ nhiều xăng dầu chưa phát triển mạnh; ta lại có nhiều nguồn năng lượng thay thế xăng dầu khá dồi dào (than và thủy điện); cộng với tình trạng giá xăng dầu không ổn định... nên xu hướng chung là sử dụng các loại máy móc thiết bị tiết kiệm năng lượng.

Theo số liệu điều tra, mức tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn Tỉnh từ 2011 - 2015 tăng bình quân 12%/năm, trong khi tốc độ tăng GRDP của Tỉnh giai đoạn này là trên 13,6%/năm. Như vậy, nếu GRDP của Tỉnh tăng bình quân 1% thì nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng 0,88%.

Từ phân tích các số liệu tổng hợp nêu trên, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, cùng khả năng phát triển mạnh cơ sở hạ tầng giao thông, tăng nhanh số lượng phương tiện tham gia giao thông, tăng nhanh số lượng hành khách và hàng hóa...có thể dự báo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn Thái Nguyên (sẽ có mức tăng nhanh hơn các giai đoạn trước) khoảng 15%/năm.

Xu hướng tiêu thụ các mặt hàng xăng dầu chủ yếu trong thời kỳ quy hoạch được xác định như sau:

- Xăng và dầu diezen sẽ có tốc độ tăng tiêu thụ cao nhất do sự phát triển nhanh các ngành công nghiệp của Tỉnh, các mặt hàng dầu hoả và dầu FO sẽ tăng với tốc độ chậm hơn;

- Tương ứng với tốc độ tăng tiêu thụ, cơ cấu các mặt hàng cũng có xu hướng thay đổi theo hướng dầu diezen có tỷ trọng tăng cao.

3.3.2. Định hướng các thành phần kinh tế tham gia lưu giữ, cung ứng, kinh doanh xăng dầu

- Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường sẽ tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế, đặc biệt khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tham gia lưu giữ, cung ứng, kinh doanh các mặt hàng xăng dầu trên địa bàn Tỉnh. Do đó, trong những năm tới cần chú trọng đến việc thu hút các nhà đầu tư lớn tham gia tạo lập mạng lưới lưu giữ, cung ứng, bán lẻ xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.

- Đảm bảo tốt việc thực hiện các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh có tính đặc thù này, nhưng cũng cần hạn chế những khó khăn khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường.

3.3.3. Định hướng phân bố mạng lưới kinh doanh xăng dầu theo không gian thị trường

- Do quá trình phát triển nhanh của các ngành công nghiệp, các Khu, Cụm công nghiệp, các Khu đô thị mới, cũng như mạng lưới giao thông nên nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sẽ tiếp tục được tăng lên về quy mô và mở rộng theo địa bàn; để đảm bảo cung ứng đủ, kịp thời cả về lượng và chất, nên khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu mở rộng quy mô, đổi mới trang thiết bị hiện có, đầu tư xây mới theo quy hoạch.

- Đưa ra khỏi quy hoạch những cửa hàng không đủ các điều kiện, yêu cầu đối với cung ứng kinh doanh mặt hàng xăng dầu (*theo tiêu chí phân loại*).

3.3.4. Định hướng phát triển các phương thức kinh doanh xăng dầu

- Phát triển loại hình cửa hàng kinh doanh xăng dầu mang tính chuyên nghiệp cao, kinh doanh đa dạng các mặt hàng xăng dầu tại các khu vực có nhu cầu phục vụ mặt hàng này.

- Phát triển các loại hình cửa hàng, đa dạng về phương thức phục vụ (cửa hàng tự phục vụ hay bán hàng tự động...) trong mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn.

3.4. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

3.4.1. Các tiêu chí để thực hiện điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện theo Thông tư số 11/2013/TT-BCT, ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu; có ký hiệu QCVN 01 : 2013/BCT; QCVN 07-6:2016/BXD các công trình hạ tầng kỹ thuật-công trình cấp xăng dầu, khí đốt và QCXDVN 01: 2008/BXD quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng trong đó có thiết kế trạm

xăng đô thị; QCVN 29:2010/BTNMT về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu; Nghị định 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3.4.1.1. Phân cấp cửa hàng

Theo TCVN 4530:1998: Căn cứ vào dung tích chứa xăng dầu để phân ra các cấp cửa hàng, cụ thể như sau:

- Cửa hàng xăng dầu cấp 1: Tổng dung tích chứa lớn hơn 151 đến 210 m³.
- Cửa hàng xăng dầu cấp 2: Tổng dung tích chứa từ 101 đến 150 m³.
- Cửa hàng xăng dầu cấp 3: Tổng dung tích chứa nhỏ hơn 101 m³.

3.4.1.2. Yêu cầu chung

- Vị trí xây dựng cửa hàng xăng dầu phải phù hợp với quy hoạch, đảm bảo yêu cầu an toàn giao thông, an toàn phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường. Kiến trúc cửa hàng xăng dầu phải phù hợp với yêu cầu kiến trúc đô thị.

- Đường và bãi đỗ xe dành cho xe ra vào mua hàng và nhập hàng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Chiều rộng một làn xe đi trong bãi đỗ xe không nhỏ hơn 3,5m. Đường hai làn xe đi không nhỏ hơn 6,5 m.

+ Bãi đỗ xe để xuất, nhập xăng dầu không được phủ bằng vật liệu có nhựa đường.

- Cửa hàng xăng dầu tiếp giáp với công trình xây dựng khác phải có tường bao kín có chiều cao không nhỏ hơn 2,2 m bằng vật liệu không cháy. Đối với các hạng mục công trình dân dụng và các công trình xây dựng khác ngoài cửa hàng (không bao gồm nơi sản xuất có phát lửa hoặc tia lửa và công trình công cộng) có bậc chịu lửa I, II, trường hợp mặt tường về phía cửa hàng xăng dầu là tường ngăn cháy thì không yêu cầu khoảng cách an toàn từ hạng mục đó đến tường rào cửa hàng xăng dầu nhưng phải tuân thủ các quy định về xây dựng hiện hành.

- Kết cấu và vật liệu cho khu bán hàng và các hạng mục xây dựng khác phải có bậc chịu lửa I, II theo quy định tại QCVN 06:2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- Khu vực đặt cột bơm xăng dầu nếu có mái che bán hàng thì kết cấu và vật liệu mái che phải có bậc chịu lửa I, II theo quy định tại QCVN 06:2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình. Chiều cao của mái che bán hàng không nhỏ hơn 4,75 m.

- Nếu có gian bán khí dầu mỏ hóa lỏng đóng chai trong khu vực cửa hàng, phải tuân thủ quy định về yêu cầu an toàn tại [TCVN 6223:2011](#) Cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) – Yêu cầu chung về an toàn.

- Khoảng cách giữa các hạng mục xây dựng trong cửa hàng xăng dầu không nhỏ hơn quy định trong Bảng sau:

Bảng khoảng cách tối thiểu giữa các hạng mục xây dựng trong cửa hàng

Đơn vị: mét

Hạng mục	Bể chứa đặt ngầm	Cột bơm	Gian bán hàng
1. Bể chứa đặt ngầm	0,5	Không quy định	2
2. Hạng nhập kín	Không quy định	Không quy định	3
3. Cột bơm	Không quy định	Không quy định	Không quy định
4. Các hạng mục xây dựng khác	2	2	2

Chú thích:

1) Không quy định khoảng cách an toàn giữa các bể chứa với gian bán hàng phía tường không có cửa sổ, cửa đi.

2) Không quy định khoảng cách an toàn giữa cột bơm với tường nhà nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho việc lắp đặt, thao tác và sửa chữa.

3.4.1.3. Bể chứa xăng dầu

(1). Vật liệu làm bể chứa xăng dầu là vật liệu chịu xăng dầu và không cháy.

(2). Lắp đặt bể chứa xăng dầu tại cửa hàng phải tuân thủ các quy định sau đây:

- Không được lắp đặt bể chứa xăng dầu nổi trên mặt đất.

- Không được lắp đặt bể chứa xăng dầu và hồ thao tác trong hoặc dưới các gian bán hàng.

- Khi lắp đặt bể chứa xăng dầu phải tính đến khả năng bị đẩy nổi và phải có biện pháp chống nổi bể.

- Xung quanh bể chứa phải phủ cát hoặc đất mịn với chiều dày không nhỏ hơn 0,3 m.

- Bể chứa lắp đặt dưới mặt đường xe chạy phải áp dụng các biện pháp bảo vệ kết cấu bể.

- Đối với bể chứa bằng vật liệu không dẫn điện phải có biện pháp triệt tiêu tĩnh điện khi xuất, nhập xăng dầu.

(3). Bề mặt ngoài của bể chứa bằng thép lắp đặt ngầm phải có lớp bọc chống ăn mòn có cấp độ không thấp hơn mức tăng cường quy định tại [TCVN 4090:1985](#) Đường ống chính dẫn dầu và sản phẩm dầu - Tiêu chuẩn thiết kế.

(4). Khoảng cách an toàn từ bể chứa xăng dầu đến các công trình bên ngoài cửa hàng được quy định trong Bảng 4.

3.4.1.4. Cột bơm xăng dầu

(1). Vị trí lắp đặt cột bơm xăng dầu trong cửa hàng xăng dầu phải phù hợp các yêu cầu sau:

- Cột bơm phải được đặt tại các vị trí thông thoáng. Nếu cột bơm đặt trong nhà, phải đặt trong gian riêng biệt, có biện pháp thông gió và có cánh cửa mở quay ra ngoài.

- Đảm bảo các phương tiện có thể dừng đỗ dễ dàng dọc theo cột bơm và không làm cản trở các phương tiện giao thông khác ra, vào cửa hàng.

(2). Cột bơm phải được đặt trên đảo bơm. Đảo bơm phải được thiết kế phù hợp với các yêu cầu sau:

- Cao độ phải cao hơn mặt bằng bãi đỗ xe ít nhất 0,2 m.

- Chiều rộng không được nhỏ hơn 1,0 m.

- Đầu đảo bơm phải cách mép cột đỡ mái che bán hàng hoặc cột bơm ít nhất 0,5 m.

(3). Khoảng cách an toàn từ cột bơm đến các công trình bên ngoài cửa hàng được quy định trong Bảng sau.

Bảng khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài cửa hàng

Đơn vị: mét

Hạng mục xây dựng

Khoảng cách an toàn

{không nhỏ hơn (2), (3)}

CHcấp1 CHcấp2 CHcấp3

Nơi sản xuất có phát lửa hoặc tia lửa 18 18 18

Công trình công cộng (4) 50 50 50

Công trình dân dụng và các công trình xây dựng khác ngoài cửa hàng (5) 5 5 5

Bậc chịu lửa (1) III 15 12 10

IV; V 20 14 14

– Đường cáp điện - Theo quy định hiện hành về hành lang an toàn lưới điện.

Đường cáp viễn thông

- Theo quy định hiện hành của ngành viễn thông.

Chú thích:

1) Bậc chịu lửa của công trình theo QCVN 06:2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình .

- 2) Khoảng cách đối với bề tính từ mép bể.
- 3) Khoảng cách đối với cột bơm tính từ tâm cột bơm.
- 4) Khoảng cách đối với công trình công cộng tính đến ranh giới công trình. Công trình công cộng bao gồm: trường học, bệnh viện, triển lãm quốc gia và trung tâm thương mại.
- 5) Khoảng cách đối với công trình dân dụng tính đến chân công trình.

- Khoảng cách an toàn trong bảng trên được phép giảm 30% khi cửa hàng có lắp hệ thống thu hồi hơi xăng dầu.

- Khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình công cộng được giảm xuống còn 25 mét (17 mét nếu có hệ thống thu hồi hơi xăng dầu) nếu cửa hàng xăng dầu được trang bị hệ thống chữa cháy cố định hoặc bán cố định.

Các yêu cầu khác về: Phân cấp vùng nguy hiểm; đường ống công nghệ; hệ thống điện; trang thiết bị phòng cháy chữa cháy; hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; hệ thống thu hồi hơi xăng dầu, xem qui định tại các điều: 7; 10; 11; 12; 13; 14 của Thông tư số 11/2013/TT-BCT, ngày 18/6 /2013 của Bộ Công Thương.

3.4.1.4. Các tiêu chí bổ sung xây dựng mới cửa hàng trong kỳ quy hoạch

Ngoài các tiêu chí nêu trên cửa hàng xăng dầu trên địa bàn Tỉnh khi xây mới phải thỏa mãn các điều kiện (các cửa hàng phải có tường ngăn cháy khi khoảng cách an toàn theo quy phạm không đảm bảo (Bảng 3.4); CHXD cấp 1 và 2 tính cho loại cột 02 họng bơm):

Cấp 1. Khu bán xăng dầu có qui mô ≥ 4 cột bơm, dung tích chứa xăng dầu vận dụng theo cửa hàng cấp 1 (từ 151 đến 210m³), chiều rộng mặt tiền ≥ 50 m, chiều sâu ≥ 40 m, tổng diện tích chiếm đất ≥ 2.000 m²; Ngoài bán các sản phẩm dầu mỏ có thêm dịch vụ rửa xe, sửa chữa nhỏ, cửa hàng tiện ích, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, bãi đỗ xe.

Cấp 2. Khu bán xăng dầu có qui mô 3 cột bơm, dung tích chứa xăng dầu vận dụng theo cửa hàng cấp 2 (từ 101 đến 150m³), chiều rộng mặt tiền từ 30 đến ≥ 40 m, chiều sâu từ 30 đến ≥ 40 m, tổng diện tích chiếm đất từ 900 đến ≥ 1.600 m²; Ngoài bán các sản phẩm dầu mỏ có thêm dịch vụ rửa xe, sửa chữa nhỏ, cửa hàng tiện ích.

Cấp 3. Cửa hàng chỉ bán các sản phẩm dầu mỏ (xăng dầu nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ, LPG) có qui mô 2 cột bơm; dung tích chứa xăng dầu vận dụng theo cửa hàng cấp 3 (nhỏ hơn hoặc bằng 100m³), chiều rộng mặt tiền từ 20 đến ≥ 30 m, chiều sâu từ 20 đến ≥ 30 m, tổng diện tích chiếm đất từ 400 đến ≥ 900 m².

Trường hợp đặc biệt trong thành phố, thị xã có thể chấp thuận chiều rộng mặt tiền cửa hàng cấp 3 là ≥ 15 m (trong 01 đô thị cũng không nên có quá 03 cửa

hàng loại này); nhưng vẫn phải đảm bảo các điều kiện qui định trong Thông tư số 11/2013/TT-BCT, ngày 18/6 /2013 của Bộ Công Thương.

3.4.2. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KDXD theo địa bàn

3.4.2.1. Đầu tư mới, xử lý nâng cấp, mở rộng mạng lưới của hàng kinh doanh xăng dầu theo địa bàn thành phố, thị xã, huyện

Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, có xét đến năm 2030 dựa trên nguyên tắc:

- Các cửa hàng thuộc diện phải xử lý (*cải tạo nâng cấp, nếu không đạt tiêu chí sẽ đình chỉ kinh doanh và buộc di chuyển đến vị trí khác (cùng địa bàn phường, xã, thị trấn nếu đạt tiêu chí), nếu khác địa bàn thì phải phù hợp quy hoạch*) là các cửa hàng có diện tích quá nhỏ, không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp với các tiêu chí phân cấp cửa hàng ở phần trên, không đảm bảo khoảng cách đầu nối an toàn và không nằm trong các điểm đầu nối được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt trong Quy hoạch tổng thể các điểm đầu nối vào Quốc lộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Hết năm 2015 các cửa hàng xăng dầu đã được phép đầu nối và sử dụng tạm thời hành lang an toàn đường bộ:

Bảng vị trí các điểm đầu nối vào Quốc lộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

STT	Lý trình	Vị trí (theo hướng Lạng Sơn – Thái Nguyên)		CHXD đã có từ trước	CHXD mới xây dựng	Ghi chú
		Bên phải	Bên trái			
Quốc lộ 1B						
01	Km 100+720	X			X	
02	Km 108+082	X	-	X	-	
03	Km 116+450	X	-	X	-	
04	Km 125+700	X	-	X	-	
	Km 128+000		X		X	ĐN bổ sung
05	Km 138+700	X	-	X	-	
	Km 144+152	X	-		X	Đã có VB của TCDB đề nghị BGT phê duyệt
Quốc lộ 3						
STT	Lý trình	Vị trí (theo hướng Hà Nội – Thái Nguyên)		CHXD đã có từ trước	CHXD mới xây dựng	Ghi chú
		Bên phải	Bên trái			
01	Km 36+300	X	-	X	-	

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

02	Km 39+350		X	X		
03	Km 44+300		X		X	
04	Km 42+350	-	X	X	-	
05	Km 47+830	-	X	X	-	
06	Km 52+450	-	X	X	-	
07	Km 56+280	X	-	X	-	
08	Km 57+050		X		X	Đã được Bộ GTVT chấp thuận và UBND tỉnh PDQH
09	Km 59+020	-	X	X	-	
10	Km 62+550	-	X	X	-	
11	Km 75+800		X	X		
12	Km 78+950	X	-	X	-	
13	Km 84+900	-	X	X	-	
14	Km 90+270	-	X	X	-	
	Km 95+800		X	X		ĐN bổ sung
15	Km 97+350	X	-	X	-	
16	Km 100+050	-	X	X	-	
17	Km 108+815	X			X	Long Tiễn
Quốc lộ 37						
STT	Lý trình	Vị trí (theo hướng Bắc Giang–Thái Nguyên–Tuyên Quang)		CHXD đã có từ trước	CHXD mới xây dựng	Ghi chú
		Bên phải	Bên trái			
01	Km 99+950	X	-	X	-	
02	Km 108+800	X	-	X	-	
03	Km 114+600		X	X		ĐN bổ sung
04	Km 117+350	-	X	X	-	
05	Km 147+350	-	X	X	-	
06	Km 151+090	-	X	X	-	
07	Km 154+600	-	X	X	-	
08	Km 160+730	X	-	X	-	
09	Km 168+510	X	-	X	-	

Các điểm có đầu nối trên các tuyến giao thông khác (cả nội thị) được tổng hợp ở phần sau:

+ Thành phố Thái Nguyên có 17/47 cửa hàng XD có đầu nối giao thông:

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

TT	Tên cửa hàng	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
1	CH bán lẻ xăng dầu Công ty cổ phần luyện cán thép Gia Sàng	Số 586, đường CMT8, phường Gia Sàng,	Công ty TNHH thương mại Thành Đạt (đồng sở hữu)
2	CHXD số 2-Quan Triều	Phường Quan Triều,	Công ty XD Bắc Thái
3	CHXD số 9	Tổ 14, Phường Quan Triều,	Chi nhánh Cty TNHH MTV KDTM xăng dầu Mi Pec tại TN
4	CHXD số 23 Phú Xá	Tổ 8, Phường Phú Xá	Công ty XD Bắc Thái
5	CHXD xăng dầu Thu Thảo	Tổ 15, phường Phú Xá,	DNTN xăng dầu Thu Thảo
6	Cửa hàng XD số 1	Tổ 13, Phường Đồng Quang,	Cty CP Vận tải Thái Nguyên
7	CHXD Thịnh Đán	Tổ 6, phường Thịnh Đán,	DNTN thương mại Bích Phương
8	CHXD số 17 Ba Cống	Tổ 22, Phường Trung Thành,	Công ty XD Bắc Thái
9	CH bán lẻ xăng dầu Thành Long	Tổ 28, phường Trung Thành,	Công ty CP xăng dầu dầu khí Thái Nguyên (đồng sở hữu)
10	Cửa hàng XD Tân lập	Tổ 9, Phường Tân Lập,	Cty TNHH Hải Nguyên
11	CHXD số 1	Tổ 11, Phường Tân Lập,	Doanh nghiệp thương mại Hùng Hà
12	CHXD số 13 Tích Lương	Phường Tích Lương,	Công ty XD Bắc Thái
13	CHXD số 2 Tân Cương	Xóm Nam Tân, xã Tân Cương,	DNTN thương mại Bích Phương
14	CHXD Công Đức	Tổ 2, Xóm Ao voi, Xã Đồng Bầm,	Doanh nghiệp tư nhân Công Đức
15	Cửa hàng XD Tuấn Huy	Xóm Cây thị xã Phúc Xuân,	Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Huy
16	CHXD số 01 - Chi nhánh TMDV Cao Ngạn	Xã Cao Ngạn	Công ty CP xi măng Cao Ngạn
17	CHXD Cao Ngạn	Số 2 Cao Ngạn	Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội

+ Thành phố Sông Công có 4/13 cửa hàng XD có đầu nối giao thông:

TT	Tên cửa hàng	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
18	CHXD số 18 Cải Đan	Phường Cải Đan	Công ty Xăng dầu Bắc Thái

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

19	CHXD số 55 Lương Sơn	Xóm Phú Thái, Phường Lương Sơn,	Công ty Xăng dầu Bắc Thái
20	CHXD số 27 Lương Sơn	Phường Lương Sơn,	Công ty Xăng dầu Bắc Thái
21	CHXD Lương Sơn	Xóm Na hoàng, Phường Lương Sơn,	Công ty CP Xăng dầu Thái Nguyên

+ Thị xã Phổ Yên có 4/23 cửa hàng xăng dầu có đầu nối giao thông:

TT	Tên cửa hàng	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
22	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 1	Tổ dân phố 2, Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên	C.ty cổ phần thương mại Đại Lâm
23	Cửa hàng XD Thanh Ngà	Xóm Trại, Xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên	Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Ngà
24	Cửa hàng XD Long thành công	Xóm Xuân Hà 3, Xã Thành công, thị xã Phổ Yên	C.ty TNHH Long Thành Công
25	Cửa hàng XD số 1	Xóm Vàng, Xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên	Cty TNHH Xăng dầu Quyết Tiến

- Huyện Phú Bình có 7/19 cửa hàng xăng dầu có đầu nối giao thông

TT	Tên cửa hàng	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
26	Cửa hàng xăng dầu số 56 Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	Công ty xăng dầu Bắc Thái
27	Cửa hàng xăng dầu Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, Huyện Phú Bình	Công ty CPPT Tmại TN
28	Cửa hàng xăng dầu Chiến Lan	Xóm Đồn, xã Hà Châu, Huyện Phú Bình	Doanh nghiệp tư nhân chiến Lan
29	Cửa hàng xăng dầu Mạnh Thưởng	Xóm Tiến bộ. Xã Dương Thành Huyện Phú Bình	Doanh nghiệp tư nhân Phúc sơn Thái Nguyên
30	Cửa hàng xăng dầu Việt Hà	Kiều chính, Xuân Phương, Phú Bình	Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Việt Hà
31	Cửa hàng xăng dầu Trường Hải	Xóm Non Tranh, xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Trường Hải
32	Cửa hàng xăng dầu Sơn Hải	Xã Tân Hòa, Huyện Phú Bình	Cty CP Dầu khí Sơn Hải

+ Huyện Đồng Hỷ có 4/24 cửa hàng xăng dầu có đầu nối giao thông

TT	Tên cửa hàng	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
33	CHXD số 59 Hóa Thượng	Xóm Gò Cao, xã Hóa Thượng,	Công ty TNHH xăng dầu Bắc Thái

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

34	Cửa hàng xăng dầu Gò Cao	Xóm Gò Cao, xã Hóa Thượng,	Công ty cổ phần phát triển thương mại Thái Nguyên
35	CHXD Công ty TNHH Bình Minh Thái Nguyên	Xóm Ao Rôm 1, xã Khe Mo	Công ty TNHH Bình Minh Thái Nguyên
36	Cửa hàng xăng dầu Nam Sơn	Xóm Mới, xã Nam Hòa	Công ty cổ phần luyện kim đen Thái Nguyên

+ Huyện Võ Nhai có 4/13 cửa hàng xăng dầu có đầu nối giao thông

TT	Tên cửa hàng	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
37	CHXD số 21 Võ Nhai	Xóm Đồng Châu xã Lâu Thượng	Công ty TNHH xăng dầu Bắc Thái
38	Cửa hàng xăng dầu Nam Mát	An Long, xã Bình Long, huyện Võ Nhai, TN	Doanh nghiệp tư nhân Đỗ Văn Mát
39	Cửa hàng xăng dầu số 19 Cúc Đường	Xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường	Công ty cổ phần phát triển thương mại Thái Nguyên
40	Cửa hàng xăng dầu DNTN Ngọc Thu	Xóm Mỏ Gà, xã Phú Thượng	Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Thu

+ Huyện Đại Từ có 5/22 cửa hàng xăng dầu có đầu nối giao thông

TT	Tên cửa hàng	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
41	Cửa hàng XD Minh Thích	Phố sơn tập 1, TT Hùng Sơn, Huyện Đại Từ	Doanh nghiệp tư nhân Minh Thích
42	Cửa hàng XD số 4 Đại Từ	TT Hùng Sơn, Huyện Đại Từ	Công ty Xăng dầu Bắc Thái
43	Cửa hàng XD số 16 Yên Lãng	Xã Yên Lãng, Huyện Đại Từ	Công ty Xăng dầu Bắc Thái
44	Cửa hàng XD Huy Hiếu	Xóm Trung tâm, Xã Minh Tiến, Huyện Đại Từ	Doanh nghiệp tư nhân Huy Hiếu
45	Cửa hàng XD Thiêm Thanh	Xóm Góc mít, xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	Doanh nghiệp tư nhân Thiêm Thanh

+ Huyện Định Hóa có 6/20 cửa hàng xăng dầu có đầu nối giao thông:

TT	Tên cửa hàng	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
46	Cửa hàng xăng dầu Khánh Thuận	Xóm Đá Bay, xã Bình Yên, huyện Định Hóa	Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thuận
47	Cửa hàng xăng dầu Thanh Công	Thôn Đồn, xã Bình Thành, huyện Định Hóa	Doanh nghiệp tư nhân Tâm Ước
48	Cửa hàng xăng dầu số 1	Xóm Đoàn Kết 2, xã Trung Hội, Định Hóa	Hợp tác xã dịch vụ vận tải Chuyên Đức

49	CHXD Hợp Hạnh số 1	Xóm Nà Lài, thị trấn Chợ Chu	Doanh nghiệp tư nhân Hợp Hạnh
50	CHXD số 11	Thôn 2, xã Phú Tiến	Đồng sở hữu Công ty CP VT&TM Đức Anh Hoàng Kim, DNTN Tân Tuyên Bạc
51	CHXD Hồng Hằng	Quán Vuông 2, xã Trung Hội	DNTN xăng dầu Hồng Hằng

+ Huyện Phú Lương có 5/23 cửa hàng xăng dầu có đầu nối giao thông:

TT	Tên cửa hàng	Địa chỉ	Đơn vị quản lý
52	CHXD DNTN Sinh Thanh	Thị trấn Giang Tiên	DNTN Sinh Thanh
53	CHXD DNTN Kim Lợi	Xóm Tân Hòa, xã Phấn Mễ	DNTN Kim Lợi
54	CHXD số 3 Sơn Cẩm	Xóm 8, xã Sơn Cẩm	Công ty XD Bắc Thái
55	CHXD DNTN Long Tiễn	Xóm Yên Phú, xã Yên Ninh	DNTN xăng dầu Long Tiễn
56	Cửa hàng xăng dầu DNTN Hùng Giang	Xóm Đá Mài, xã Yên Đổ	Doanh nghiệp tư nhân Hùng Giang

- Các cửa hàng xăng dầu không được phê duyệt đầu nối vào các đường Quốc lộ phải có lộ trình làm đường gom theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải hoặc di chuyển đến vị trí mới theo quy hoạch (từ năm 2017 sẽ không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh cho các cửa hàng vi phạm).

- Các cửa hàng phát triển thêm phải đảm bảo khoảng cách đầu nối an toàn và có các điều kiện phù hợp với quy định (tiêu chí từng loại cửa hàng), đảm bảo được các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và môi trường...

- Các cửa hàng bán lẻ vừa phải gắn với địa bàn, vừa bám sát các trục giao thông chính của Tỉnh, thành phố Thái Nguyên-Sông Công, thị xã Phổ Yên, trung tâm các huyện, thị trấn, các khu đô thị mới, các Khu, Cụm công nghiệp, Khu dân cư... Đặc biệt, chú trọng đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các cửa hàng kinh doanh xăng dầu dọc các tuyến giao thông chính như: Quốc lộ 3 cũ và mới (đoạn Hà Nội - Thái Nguyên và đoạn Thái Nguyên - Chợ Mới), quốc lộ 37, đường Hồ Chí Minh, các tuyến đường ĐT 261, ĐT 262, ĐT 263, ĐT 264...

Việc nâng cấp, mở rộng mạng lưới cửa hàng kinh doanh xăng dầu tỉnh Thái Nguyên theo địa bàn được điều chỉnh quy hoạch như sau:

Bảng vốn đầu tư nâng cấp, mở rộng, di dời các cửa hàng

TT	Tên đơn vị hành chính	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)		
		Di dời	Nâng cấp, mở rộng	Tổng
1	TP Thái Nguyên	12	24	36
2	TP Sông Công		3	3
3	TX Phổ Yên	4	12	16
4	H.Phú Bình	8	15	23
5	H. Đồng Hỷ	4	15	19
6	H.Võ Nhai	4	3	7
7	H.Phú Lương	8	9	17
8	H.Định Hóa		9	9
9	H. Đại Từ		12	12
	Cộng	40	102	142

a/ Thành phố Thái Nguyên:

Có diện tích 170,53 km², dân số khoảng 315.196 người, hiện tại có 47 cửa hàng xăng dầu với tổng diện tích đất khoảng 38.222,82 m², trong đó có:

Cửa hàng xăng dầu số 1 tại phường Tân Lập thuộc Công ty CP kim khí Bắc Thái (còn hạn cấp phép nhưng đã đóng cửa kinh doanh);

08 cửa hàng buộc phải cải tạo, nâng cấp (không đảm bảo tiêu chí cửa hàng xăng dầu) gồm: Cửa hàng số 53 Tân Long tại phường Tân Long thuộc Công ty XD Bắc Thái (chiều sâu không đảm bảo 13,5m); Cửa hàng số 1 Gia Sàng tại phường Gia Sàng thuộc Công ty CP Gang thép Gia Sàng (không đạt yêu cầu ATGT trạm xăng trong đô thị); cửa hàng số 17 Ba Cống tại phường Trung Thành thuộc Công ty XD Bắc Thái (diện tích mặt tiền không đảm bảo); Cửa hàng Công Đức, xã Đồng Bầm (không đủ mặt tiền); cửa hàng 26 Mỏ Bạch tại phường Hoàng Văn Thụ thuộc Công ty XD Bắc Thái (chiều sâu không đảm bảo 12m); cửa hàng T12 Quang Vinh tại phường Quang Vinh của Công ty TNHH xăng dầu T12 Quang Vinh (không đảm bảo chiều rộng và chiều sâu 16.5m), cửa hàng Công ty CP vận tải Gang thép Thái Nguyên tại phường Cam Giá; cửa hàng tư nhân Hoàng Phát tại phường Tân Long thuộc DN tư nhân Hoàng Phát (chiều rộng mặt tiền không đảm bảo 11,7m).

02 cửa hàng buộc phải di dời (không đảm bảo tiêu chí cửa hàng xăng dầu và khó có khả năng điều chỉnh): Cửa hàng số 71 Đồng Bầm tại xã Đồng Bầm thuộc Công ty XD Bắc Thái (Ngã ba giao lộ); Cửa hàng số 2 tại phường Hoàng Văn Thụ thuộc Công ty CP phát triển thương mại Thái Nguyên.

27 cửa hàng chưa được phép đầu nối giao thông (phương án xử lý: Đường tỉnh lộ, nội thị, xã-phường, các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 4/2017; Đường Quốc lộ các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 6/2017), sau thời gian này sẽ thu hồi và không cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; Tổng diện tích đất để cải tạo, mở rộng 8 cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch là 2.200 m²; vốn đầu tư dự kiến di dời 12 tỷ đồng/2 cửa hàng; nâng cấp, cải tạo 24 tỷ đồng/8 cửa hàng; chủ yếu là tiền đất.

b/ Thành phố Sông Công:

Thành phố Sông Công có diện tích 96,71 km², dân số khoảng 66.054 người; hiện tại có 13 cửa hàng xăng dầu, với tổng diện tích đất là 16.294,9 m², trong đó:

01 cửa hàng buộc phải cải tạo, nâng cấp (không đảm bảo tiêu chí cửa hàng xăng dầu), nếu không đạt sẽ di chuyển hoặc xóa bỏ, là Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 14 Phường Thắng lợi, TP Sông Công của Công ty XD Bắc Thái.

09 cửa hàng chưa được phép đầu nối giao thông (phương án xử lý: Đường tỉnh lộ, nội thị, xã-phường, các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 4/2017; Đường Quốc lộ các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 6/2017), sau thời gian này sẽ thu hồi và không cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; Tổng diện tích đất để cải tạo, mở rộng 01 cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch là 200 m²; vốn đầu tư dự kiến nâng cấp, cải tạo 3 tỷ đồng/1 cửa hàng; chủ yếu là tiền đất.

c/ Thị xã Phổ Yên

Thị xã Phổ Yên có diện tích 258,89 km², dân số khoảng 171.307 người, hiện tại có 23 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 26.201 m²; trong đó:

01 cửa hàng cho dừng kinh doanh (Cửa hàng Hồng Long, phường Ba Hàng của Công ty CP xây dựng chất đốt Hà Nội tại TN).

04 cửa hàng cải tạo, nâng cấp: Cửa hàng số 3, xã trung thành thuộc Doanh nghiệp xăng dầu Mạnh Hùng (do chỉ giới xây dựng không đảm bảo, chiều sâu ngắn, bể chứa không có họng nhập kín...); Cửa hàng Trung Hà, xã Tiên Phong của Doanh nghiệp tư nhân Trung Hà (mặt tiền nhỏ chỉ khoảng 11,5m); cửa hàng Tiên Phong, xã tiên Phong thuộc Công ty CP PTTM Thái Nguyên (cơ sở vật chất xuống cấp); cửa hàng số 9 Đa Phúc tại xã Thuận Thành thuộc Công ty XD Bắc Thái (chiều sâu cửa hàng ngắn chỉ khoảng 11,9m).

01 cửa hàng buộc phải di dời: cửa hàng số 4 Chi nhánh TM Phổ Yên tại phường Bắc Sơn thuộc Công ty CP PTTM Thái Nguyên (không đảm bảo sát ngã ba đường).

17 cửa hàng chưa được phép đầu nối giao thông (phương án xử lý: Đường tỉnh lộ, nội thị, xã-phường, các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 4/2017; Đường Quốc lộ các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 6/2017), sau thời gian này sẽ thu hồi và không cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; tổng diện tích đất để cải tạo, mở rộng 04 cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch là 1.200 m²; vốn đầu tư dự kiến nâng cấp, cải tạo 12 tỷ đồng/4 cửa hàng; di dời 4 tỷ đồng /1 cửa hàng, chủ yếu là tiền đất.

d/ Huyện Phú Bình

Huyện Phú Bình có diện tích 252,2 km², dân số khoảng 114.940 người, hiện tại có 17 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 9.013 m², trong đó:

01 cửa hàng dừng kinh doanh (Dung Phong, Xã Kha Sơn).

01 cửa hàng cấp phát nội bộ: Trạm cấp phát xăng dầu Quân Khu 1, xã Thượng Đình (không cấp Giấy phép).

05 cửa hàng cải tạo, nâng cấp: Cửa hàng DNTN Chiến Lan Xóm Đồn, xã Hà Châu; 02 cửa hàng xã Tân Khánh và Chợ Đồn xã Kha Sơn của Công ty CPPTTM; Cửa hàng Kiều chính, xã Xuân Phương của DNTN Việt Hà; Cửa hàng xã Bảo Lý của CT TNHH Hòa Phát.

02 cửa hàng buộc phải di dời: Cầu Ca xã Kha Sơn của Công ty TNHH Bắc Hà; Cửa hàng xã Diềm Thụy, DNTN Hoàng Đạt

12 cửa hàng chưa được phép đầu nối giao thông (phương án xử lý: Đường tỉnh lộ, nội thị, xã-phường, các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 4/2017; Đường Quốc lộ các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 6/2017), sau thời gian này sẽ thu hồi và không cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; tổng diện tích đất để cải tạo, mở rộng 05 cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch là 1.500 m²; vốn đầu tư thêm dự kiến nâng cấp, cải tạo 15 tỷ đồng/5 cửa hàng; di dời 8 tỷ đồng /2 cửa hàng, chủ yếu là tiền đất).

e/ Huyện Đông Hỷ

Huyện Đông Hỷ có diện tích 454,4 km², dân số khoảng 114.300 người, hiện tại có 24 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 14.235 m², trong đó:

Di dời 01 cửa hàng: Ki ốt xăng dầu số 19 chi nhánh TM Đông Hỷ tại xã Hòa Bình thuộc cty CPPTTM TN (mặt tiền ko đủ 11,8m, cách chợ 19,5m, nằm gần giao lộ 21m)

Cải tạo, nâng cấp 05 cửa hàng: Cửa hàng XD Đông Thu tại xã Quang Sơn thuộc DNTM Hùng Hà; cửa hàng XD Trại Cau tại TT Trại Cau thuộc DN tư nhân

XD Trại Cau (mặt tiền không đủ); cửa hàng XD DNTN Tiệp Hiên tại xã Hóa Thượng thuộc DNTN Tiệp Hiên (mặt tiền không đủ 12,6m); Cửa hàng XD Đồng Tâm (CHXD số 2 Hóa Thượng) tại xã Hóa Thượng thuộc DNTN Đồng Tâm (CTy TNHH Phương Lập đang thuê) ; Ki ốt XD số 13-CNTM Đồng Hỷ tại xã Hóa Trung thuộc cty CPPTTM TN.

20 cửa hàng chưa được phép đầu nối giao thông (phương án xử lý: Đường tỉnh lộ, nội thị, xã-phường, các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 4/2017; Đường Quốc lộ các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 6/2017), sau thời gian này sẽ thu hồi và không cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; tổng diện tích đất để cải tạo, mở rộng 05 cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch là 1.500 m²; vốn đầu tư thêm dự kiến nâng cấp, cải tạo 15 tỷ đồng/5 cửa hàng; di dời 4 tỷ đồng /1 cửa hàng, chủ yếu là tiền đất.

f/ Huyện Võ Nhai

Huyện Võ Nhai có diện tích 839,43 km², dân số khoảng 66.674 người, hiện tại có 13 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 7.290 m²; trong đó:

Di dời 01 cửa hàng tại TT Đình Cả (Cửa hàng XD CN vật tư NN Võ Nhai thuộc cty CP vật tư NN TN).

Cải tạo, nâng cấp 01 cửa hàng tại Thị trấn Đình Cả (Ki ốt XD số 14 Đình Cả thuộc cty CPPTTM TN)

9 cửa hàng chưa được phép đầu nối giao thông (phương án xử lý: Đường tỉnh lộ, nội thị, xã-phường, các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 4/2017; Đường Quốc lộ các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 6/2017), sau thời gian này sẽ thu hồi và không cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; tổng diện tích đất để cải tạo, mở rộng 01 cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch là 300 m²; vốn đầu tư thêm dự kiến nâng cấp, cải tạo 3 tỷ đồng /1 cửa hàng; di dời 4 tỷ đồng /1 cửa hàng, chủ yếu là tiền đất.

g/ Huyện Phú Lương

Huyện Phú Lương có diện tích 367,62 km², dân số khoảng 107.409 người, hiện tại có 23 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn (đến thời điểm lập quy hoạch không còn cửa hàng của Công ty TNHH Vũ Hải Lâm) với diện tích chiếm đất là 22.935 m², trong đó:

Cải tạo, nâng cấp 03 cửa hàng bao gồm: Cửa hàng xăng dầu doanh nghiệp tư nhân Sinh Thanh; cửa hàng xăng dầu doanh nghiệp tư nhân Thuyết Phúc, xã Phán Mễ; cửa hàng xăng dầu doanh nghiệp tư nhân Việt Hoàng

Di dời 02 cửa hàng bao gồm: Cửa hàng xăng dầu số 2 Quyết Tiến, xã Cỗ Lũng thuộc Cty TNHH xây dựng Quyết Tiến, cửa hàng xây dựng số 20 Phú Lương, thị trấn Đu thuộc công ty xây dựng Bắc Thái

Đưa vào Quy hoạch 02 cửa hàng đã chấp thuận địa điểm năm 2016: - Xã Sơn Cẩm cửa hàng XD Cty TNHH Vũ Tân; xã Tức Tranh, Cty CPTM Lưu Sinh

17 cửa hàng chưa được phép đầu nối giao thông (phương án xử lý: Đường tỉnh lộ, nội thị, xã-phường, các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 4/2017; Đường Quốc lộ các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 6/2017), sau thời gian này sẽ thu hồi và không cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; tổng diện tích đất để cải tạo, mở rộng 03 cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch là 900 m²; vốn đầu tư thêm dự kiến nâng cấp, cải tạo 9 tỷ đồng /3 cửa hàng; di dời 8 tỷ đồng /2 cửa hàng, chủ yếu là tiền đất.

h/Huyện Định Hoá

Huyện Định Hoá có diện tích 513,51 km², dân số khoảng 88.175 người. hiện tại có 20 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 12.219,07 m²; trong đó:

01 cửa hàng tại xã Phú Tiến của Doanh nghiệp tư nhân Tú Tuấn Ngọc dừng kinh doanh.

03 cửa hàng cần cải tạo, nâng cấp: Cửa hàng số 6 tại thị trấn Chợ Chu thuộc Công ty TNHH XD Quyết Tiến; cửa hàng Hồng Hằng tại xã Trung Hội của Doanh nghiệp TN Hồng Hằng; cửa hàng số 18- Chi nhánh TM Định Hóa tại thị trấn chợ Chu thuộc Công ty CP phát triển TM Thái Nguyên.

14 cửa hàng chưa được phép đầu nối giao thông (phương án xử lý: Đường tỉnh lộ, nội thị, xã-phường, các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 4/2017; Đường Quốc lộ các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 6/2017), sau thời gian này sẽ thu hồi và không cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; tổng diện tích đất để cải tạo, mở rộng 03 cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch là 900 m²; vốn đầu tư thêm dự kiến nâng cấp, cải tạo 9 tỷ đồng /3 cửa hàng; chủ yếu là tiền đất).

i/ Huyện Đại Từ

Huyện Đại Từ có diện tích 573,35 km², dân số khoảng 164.730 người, hiện tại có 22 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 13.003 m², trong đó có:

01 cửa hàng đóng cửa, bỏ kinh doanh (Cửa hàng XD TT Quân Chu tại TT Quân Chu).

01 cửa hàng cho dừng kinh doanh (CHXD Thiên Hương tại xã Ký Phú thuộc cty CPXD &TM Thiên Hương)

01 cửa hàng xã Tân Thái của DNTN Thiêm Thanh chưa cấp phép.

04 cửa hàng cải tạo, nâng cấp bao gồm: cửa hàng XD số 1 - Chi nhánh TM Đại Từ tại TT Hùng Sơn, Đại Từ thuộc cty CPPTTM TN; Cửa hàng XD chi nhánh TM Đại Từ tại xã Phú Xuyên thuộc Cty CPPTTM TN (mặt tiền không đảm bảo, cạnh ngã ba); cửa hàng XD Minh Thích tại TT Hùng sơn thuộc DN tư nhân Minh Thích (không đảm bảo chiều rộng 11,5, chiều sâu 14,5m); cửa hàng XD kho KV3 tại xã Hà Thượng thuộc cục Quân Khí tổng cục Kỹ thuật (chiều sâu k đảm bảo 15m).

17 cửa hàng chưa được phép đầu nối giao thông (phương án xử lý: Đường tỉnh lộ, nội thị, xã-phường, các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 4/2017; Đường Quốc lộ các cửa hàng buộc phải hoàn thiện trước tháng 6/2017), sau thời gian này sẽ thu hồi và không cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; tổng diện tích đất để cải tạo, mở rộng 04 cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch là 1.200 m²; vốn đầu tư thêm dự kiến nâng cấp, cải tạo 12tỷđồng /4cửa hàng, chủ yếu là tiền đất.

3.4.2.2. Xây mới các cửa hàng kinh doanh xăng dầu theo địa bàn thành phố, thị xã, huyện

Dự kiến trong thời kỳ đến 2020, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sẽ xây mới 75 cửa hàng với tổng diện tích mặt bằng là 54.300 m²; dung tích bể chứa 7.600 m³; khoảng 194 cột bơm và tổng số vốn đầu tư dự kiến khoảng 483 tỷ đồng. Trong đó có 01 cửa hàng cấp 1 (Khu Yên Bình), 02 cửa hàng cấp 2 và 71 cửa hàng cấp 3.

Trong giai đoạn 2021 đến 2030 số lượng cửa hàng sẽ tính toán tăng trưởng hàng năm khoảng 10% (phần này không dự báo cụ thể, vì sau 5 năm hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh sẽ có những biến động lớn, buộc phải quy hoạch lại).

Bảng hệ thống các cửa hàng dự định xây mới tỉnh Thái Nguyên

TT	Tên đơn vị hành chính	ĐT mới (CH)	Đất QH mới (m ²)	Dung tích bể chứa (m ³)	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)
I	TP Thái Nguyên	10	10.600	1000	80
II	TP Sông Công	3	3.200	300	24
III	TX Phổ Yên	13	11.700	1500	91
IV	H.Phú Bình	12	8.400	1200	72
V	H. Đồng Hỷ	6	3.600	600	36
VI	H.Võ Nhai	7	4.200	700	42

VII	H.Phú Lương	12	9.600	1200	72
VIII	H.Định Hóa	4	2.400	400	24
IX	H. Đại Từ	9	5.400	900	54
	Tổng QH đến 2020	75	54.900	7.700	489

a/ Thành phố Thái Nguyên

Có diện tích 170,53 km², dân số khoảng 315.196 người, hiện tại có 47 cửa hàng xăng dầu với tổng diện tích đất khoảng 38.222,82 m². Trong thời kỳ quy hoạch đầu tư mới 10 cửa hàng xăng dầu (P.Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, 02 cửa hàng với diện tích 1.100 m²; P.Tân Lập, TP. Thái Nguyên, 01 cửa hàng với diện tích 1.800 m²; P.Túc Duyên, TP. Thái Nguyên, 01 cửa hàng với diện tích 1.500 m²; P.Quang Trung, TP. Thái Nguyên, 01 cửa hàng với diện tích 1.200 m²; P.Cam Giá, TP. Thái Nguyên, 02 cửa hàng với diện tích 2.000 m²; P.Trung Thành, TP. Thái Nguyên, 01 cửa hàng với diện tích 1.000 m²; xã Phúc Trừu, TP. Thái Nguyên, 01 cửa hàng với diện tích 1.000 m²; xã Phúc Xuân, TP. Thái Nguyên, 01 cửa hàng với diện tích 1.000 m²). Tổng diện tích đất để xây mới 10 cửa hàng trên là 10.600 m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu thành phố đến 2020 dự kiến là 57 cửa hàng với diện tích chiếm đất khoảng 51.022,82m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3, với tổng vốn đầu tư dự kiến xây mới 10 cửa hàng là 80 tỷ đồng.

b/ Thành phố Sông Công

Thị xã Sông Công có diện tích 96,71 km², dân số khoảng 66.054 người; hiện tại có 13 cửa hàng xăng dầu, với tổng diện tích đất là 16.294,9 m². Trong thời kỳ quy hoạch đầu tư mới 03 cửa hàng cấp 3 (P.Bách Quang, TP. Sông Công, 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Vinh Sơn, TP. Sông Công, 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; P.Lương Sơn, TP. Sông Công, 01 cửa hàng với diện tích 2.000 m²). Tổng diện tích đất để xây mới 03 cửa hàng trên là 3.200 m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu thành phố đến 2020 dự kiến là 16 cửa hàng với diện tích chiếm đất khoảng 19.694,9 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3, với tổng vốn đầu tư dự kiến xây mới 3 cửa hàng là 24 tỷ đồng.

c/ Thị xã Phổ Yên

Thị xã Phổ Yên có diện tích 258,89 km², dân số khoảng 171.307 người, hiện tại có 23 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 26.201 m². Trong thời kỳ quy hoạch đầu tư mới 13 cửa hàng (xã Hồng Tiến 02 cửa hàng với diện tích 2.000 m²; TT Bãi Bông 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; P.Đông Tiến 02 cửa hàng với diện tích 1.400 m²; xã Phúc Tân 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Vạn Phái 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Thành Công 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Tân Hương 02 cửa hàng với diện tích 3.500 m²; xã Nam Tiến 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Trung Thành 01 cửa hàng với diện tích 1.200 m²; xã Tiên Phong 01 cửa hàng với diện tích 600 m²). Tổng diện

tích chiếm đất để xây mới 13 cửa hàng khoảng 11.700m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu thị xã đến 2020 dự kiến là 36 cửa hàng với diện tích chiếm đất khoảng 39.101m²; trong đó vốn đầu tư xây mới là 91 tỷ đồng (15tỷđồng/01cửa hàng cấp1; 16tỷ đồng/02 cửa hàng cấp2; và 60tỷ đồng/10 cửa hàng cấp3).

d/ Huyện Phú Bình

Huyện Phú Bình có diện tích 252,2 km², dân số khoảng 114.940 người, hiện tại có 17 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 9.013 m². Trong thời kỳ quy hoạch đầu tư mới 12 cửa hàng (xã Đồng Liên, huyện Phú Bình 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Tân Khánh, huyện Phú Bình 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Tân Kim, huyện Phú Bình 02 cửa hàng với diện tích 1.200 m²; xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình 02 cửa hàng với diện tích 2.000 m²; xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Nga My, huyện Phú Bình 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; xã Xuân Phương, huyện Phú Bình 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình 01 cửa hàng với diện tích 1.000 m²; xã Lương Phú, huyện Phú Bình 01 cửa hàng với diện tích 600 m²; (có 02 cửa hàng đã chấp thuận đầu tư của: Tân Kim - Hoàng Việt Dương và Hương Sơn - Công ty xăng dầu Bắc Thái). Tổng diện tích chiếm đất để xây mới 12 cửa hàng khoảng 8.400m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu huyện đến 2020 dự kiến là 29 cửa hàng với diện tích chiếm đất khoảng 18.913 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3 với tổng vốn đầu tư thêm dự kiến 72 tỷ đồng xây mới 12 cửa hàng cấp 3.

e/ Huyện Đồng Hỷ

Huyện Đồng Hỷ có diện tích 454,4 km², dân số khoảng 114.300 người, hiện tại có 24 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 14.235m². Trong thời kỳ quy hoạch đầu tư mới 6 cửa hàng (xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã TT Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Văn Lăng, huyện Đồng Hỷ 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m². Tổng diện tích chiếm đất để xây mới 6 cửa hàng khoảng 3.600m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu huyện đến 2020 dự kiến là 30 cửa hàng với diện tích chiếm đất khoảng 19.335 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3, với tổng vốn đầu tư dự kiến là 36 tỷ đồng xây mới 6 cửa hàng cấp 3.

f/ Huyện Võ Nhai

Huyện Võ Nhai có diện tích 839,43 km², dân số khoảng 66.674 người, hiện tại có 13 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 7.290 m². Trong thời kỳ quy hoạch đầu tư mới 7 cửa hàng (xã Thượng Nung, huyện Võ

Nhai 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Liên Minh, huyện Võ Nhai 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Phương Giao, huyện Võ Nhai 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Thần Sa, huyện Võ Nhai 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m². Tổng diện tích chiếm đất để xây mới 7 cửa hàng khoảng 4.200m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu huyện đến 2020 dự kiến là 20 cửa hàng với diện tích chiếm đất khoảng 11.790 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3, với tổng vốn đầu tư dự kiến là 42 tỷ đồng xây mới 7 cửa hàng cấp 3.

g/ Huyện Phú Lương

Huyện Phú Lương có diện tích 367,62 km², dân số khoảng 107.409 người, hiện tại có 24 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 22.935m². Trong thời kỳ quy hoạch đầu tư mới 12 cửa hàng (xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương 03 cửa hàng cấp 3 với diện tích 3.000 m²; xã Vô Tranh, huyện Phú Lương 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Tứ Tranh, huyện Phú Lương 03 cửa hàng cấp 3 với diện tích 3.000 m²; xã Phú Đô, huyện Phú Lương 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Yên Lạc, huyện Phú Lương 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Động Đạt, huyện Phú Lương 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Yên Trạch, huyện Phú Lương 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; (có 02 cửa hàng đã chấp thuận đầu tư: Cửa hàng số 3 Sơn Cẩm của Công ty Vũ Tàn và Cửa hàng xã Tứ Tranh của Công ty Lưu Sinh). Tổng diện tích chiếm đất để xây mới 12 cửa hàng khoảng 9.600m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu huyện đến 2020 dự kiến là 36 cửa hàng với diện tích chiếm đất khoảng 33.435 m²; (01 cửa hàng cấp 2 và 37 cửa hàng cấp 3) với tổng vốn đầu tư thêm dự kiến là 72 tỷ đồng xây mới 12 cửa hàng cấp 3.

h/ Huyện Định Hóa

Huyện Định Hóa có diện tích 513,51 km², dân số khoảng 88.175 người. hiện tại có 20 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 12.219,07 m². Trong thời kỳ quy hoạch đầu tư mới 4 cửa hàng (xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Thanh Định, huyện Định Hóa 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Bảo Linh, huyện Định Hóa 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²). Tổng diện tích chiếm đất để xây mới 4 cửa hàng khoảng 2.400m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu huyện đến 2020 dự kiến là 24 cửa hàng với diện tích chiếm đất khoảng 13.519,07 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3, với tổng vốn đầu tư dự kiến là 24 tỷ đồng xây mới 4 cửa hàng cấp 3.

i/ Huyện Đại Từ

Huyện Đại Từ có diện tích 573,35 km², dân số khoảng 164.730 người, hiện tại có 22 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 13.003 m². Trong thời kỳ quy hoạch đầu tư mới 10 cửa hàng (**xã Phú Cường 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²**; xã Phúc Lương 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Phú Cường 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Tân Linh 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã La Bằng 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Phục Linh 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Cù Vân 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Tân Thái 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Mỹ Yên 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²; xã Ký Phú 01 cửa hàng cấp 3 với diện tích 600 m²). Tổng diện tích chiếm đất để xây mới 10 cửa hàng khoảng 6.000m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu huyện đến 2020 dự kiến là 32 cửa hàng với diện tích chiếm đất khoảng 14.491 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3, với tổng vốn đầu tư dự kiến là 60 tỷ đồng xây mới 10 cửa hàng cấp 3.

3.4.3. Quy hoạch phát triển mạng lưới xăng dầu theo tuyến quốc lộ và tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Việc phát triển các cửa hàng kinh doanh xăng dầu theo tuyến quốc lộ và tỉnh lộ trên địa bàn Thái Nguyên được thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và hành khách trên và qua địa bàn Tỉnh.

Dự kiến trong thời kỳ đến 2020, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sẽ xây mới 74 cửa hàng với tổng diện tích mặt bằng là 54.300 m²; dung tích bể chứa 7.600 m³; khoảng 194 cột bơm và tổng số vốn đầu tư dự kiến khoảng 483 tỷ đồng. Trong đó có 01 cửa hàng cấp 1 (Khu Yên Bình), 02 cửa hàng cấp 2 và 71 cửa hàng cấp 3; được phân bố trên một số tuyến đường chính:

- Đường Quốc lộ: Dọc tuyến đường Hồ Chí Minh; Dọc tuyến đường Quốc lộ 3 cũ; Dọc tuyến đường Quốc lộ 3 mới (đoạn Hà Nội-Thái Nguyên); Dọc tuyến đường Quốc lộ 3 mới (đoạn Thái Nguyên-Chợ Mới); Dọc tuyến đường Quốc lộ 1b;

- Đường tỉnh lộ: Dọc tuyến ĐT 261; Dọc tuyến ĐT 262; Dọc tuyến ĐT 263; Dọc tuyến ĐT 264; Dọc tuyến ĐT 265; Dọc tuyến ĐT 266; Dọc tuyến ĐT 267; Dọc tuyến ĐT 268; Dọc tuyến ĐT 269; Dọc tuyến ĐT 270;

- Đường vành đai: Dọc tuyến đường vành đai 1; Dọc tuyến đường vành đai 2; Còn lại là cửa hàng được xây mới tại các trục đường nội thị, đường liên xã.

(xem bản đồ vị trí hệ thống cửa hàng trên các tuyến đường)

3.5. Quy hoạch hệ thống kho dự trữ xăng dầu và hệ thống vận tải xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

3.5.1. Định hướng quy hoạch hệ thống kho dự trữ xăng dầu

Kho dầu mỗi tiếp nhận xăng dầu là kho có sức chứa lớn, có khả năng tiếp nhận xăng dầu từ nguồn nhập khẩu hoặc từ nhà máy lọc dầu để cung ứng cho tiêu dùng của một vùng hoặc điều chuyển đến tiêu dùng ở các khu vực khác trên phạm vi cả nước. Trong thời kỳ quy hoạch, trên địa bàn Tỉnh cần tiếp tục xây dựng thêm hoặc mở rộng kho dầu mỗi để cung cấp xăng dầu cho các tỉnh thuộc khu vực Trung du miền núi Bắc Bộ. Song song với xây dựng mới kho dầu mỗi, cần củng cố kho (tăng về số lượng và dung tích) của các công ty hiện đang cung cấp xăng dầu cho mạng lưới bán lẻ, để đảm bảo lưu thông và an ninh năng lượng trên địa bàn Tỉnh. Tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu đều có kho dự trữ bán lẻ (dưới dạng các bể chứa, xitec) nhưng phổ biến ở quy mô nhỏ, nên với những cửa hàng có thể nâng cấp ở những khu vực có cơ sở sản xuất lớn, Khu đô thị, Khu công nghiệp tập trung... cần có phương án mở rộng ngay hoặc xây dựng thêm các kho chứa mới (tổng dung lượng chứa các kho tại cửa hàng hiện tại là 9.295,5 m³/203 cửa hàng; và 7.600 m³/74 cửa hàng đầu tư mới).

Trên địa bàn tỉnh hiện đã có 01 kho chứa 3.000 m³ của Công ty xăng dầu dầu khí Thái Nguyên tại cảng Đa Phúc; để tăng khả năng và chủ động phục vụ cần đầu tư mới 01 khu vực kho xăng dầu có sức chứa khoảng 10.000m³ tại cảng đường sông Moong Kiêu Đa Phúc, xã Thuận Thành, Phổ Yên; tổng vốn đầu tư khoảng 100 tỷ.

Điều kiện về địa điểm xây dựng kho:

- Địa điểm xây dựng kho phải phù hợp với nhu cầu phát triển, bổ sung sức chứa của hệ thống kho xăng dầu ở khu vực và trên phạm vi toàn Tỉnh trong từng giai đoạn, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, giao thông đến năm 2020 của từng khu vực và toàn Tỉnh.

- Địa điểm kho phải thuận tiện trong tiếp nhận và cung ứng, có khả năng dự trữ, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu thường xuyên.

- Địa điểm kho phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và quy định về xây dựng kho xăng dầu hiện hành, các tiêu chuẩn quốc gia về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.

3.5.2. Định hướng quy hoạch hệ thống vận tải xăng dầu của Tỉnh

Hệ thống vận tải xăng dầu bao gồm các loại hình: Đường ống, đường thủy, đường sắt, đường bộ... Trên địa bàn Tỉnh chủ yếu tập trung ở loại hình vận tải

bằng đường bộ, đường ống và đường thủy, đến 2020 hệ thống vận tải xăng dầu của Tỉnh được định hướng:

- *Vận tải bằng đường ống*: Đây là loại hình vận tải có vị trí quan trọng ở nước ta hiện nay và có hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, việc phát triển loại hình vận tải này đòi hỏi vốn đầu tư lớn và chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cao đối với các tuyến chính từ kho đầu mối đến các kho trung chuyển hay kho cấp phát lớn; vận tải xăng dầu bằng đường ống của Tỉnh được xác định: Duy trì hệ thống đường ống vận tải B12 hiện có trên địa bàn; Có thể nghiên cứu phát triển hệ thống đường ống vận tải xăng dầu liên hoàn giữa các cơ sở bán lẻ trên cùng một tuyến giao thông khi đảm bảo các điều kiện sau:

+ Số lượng cửa hàng trên tuyến giao thông khá lớn (từ 5 điểm trở lên) và mật độ tương đối dày (khoảng 2 đến 5km/điểm bán);

+ Quy mô tiêu thụ của các cửa hàng lớn;

+ Phần lớn các cửa hàng bị hạn chế về điều kiện mở rộng kho chứa xăng dầu dự trữ lưu thông;

+ Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên tuyến do một doanh nghiệp quản lý.

Trên địa bàn Tỉnh dự kiến đầu tư xây dựng mới 01 hệ thống đường ống dẫn xăng dầu từ cảng đường sông Đa Phúc về phục vụ Khu Yên Bình hoặc một số khu công nghiệp phía nam Phổ Yên.

- *Vận tải bằng đường bộ*: Đây là loại hình có hạn chế về năng suất và hiệu quả vận tải; nhưng lại phù hợp với điều kiện kinh doanh xăng dầu từ kho cấp phát đến các cơ sở tiêu thụ trên địa bàn Tỉnh. Từ nay đến 2020, căn cứ vào điều kiện phát triển giao thông đường bộ, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu từng địa bàn, khả năng phát triển năng lực kinh doanh xăng dầu của các doanh nghiệp gắn liền với những ưu điểm vận tải đường bộ...Nên việc quy hoạch phát triển hệ thống vận tải xăng dầu đường bộ trên địa bàn Tỉnh vẫn được xác định là quan trọng và sẽ tập trung phát triển loại hình này.

3.6. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư cho mạng lưới kinh doanh xăng dầu

3.6.1. Nội dung đầu tư phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu

Một là, đầu tư phát triển mạng lưới xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 do các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thực hiện và phụ thuộc vào sự phát triển về số lượng, quy mô, năng lực kinh doanh của từng doanh nghiệp: Giá trị thực hiện đầu tư sẽ trở thành tài sản chính của doanh nghiệp. Việc tính toán nhu cầu vốn đầu tư chung phát triển mạng lưới xăng dầu trên địa bàn chỉ có ý nghĩa trong việc xem xét mức độ phân bổ nguồn vốn đầu tư trong xã hội của Tỉnh vào phát triển lĩnh vực kinh doanh này, trên cơ sở đó cơ quan quản lý đưa ra

chính sách thu hút và phân bổ một cách hợp lý vốn đầu tư cho các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh khác.

Hai là, các hạng mục đầu tư phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Thái Nguyên bao gồm:

Đầu tư vào diện tích đất sử dụng cho mục đích kinh doanh xăng dầu;

Đầu tư xây dựng các hạng mục kiến trúc trình bày trong quy hoạch;

Đầu tư trang thiết bị phục vụ kinh doanh xăng dầu (máy bán hàng, bể chứa, xe chở xăng dầu và các trang thiết bị khác);

Đầu tư vào hệ thống cấp nước sinh hoạt và sản xuất;

Đầu tư vào hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường;

Đầu tư các thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại các kho, CHKD xăng dầu.

Ba là, các nguồn vốn đầu tư phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Thái Nguyên trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2020, bao gồm:

Nguồn vốn tự có của các doanh nghiệp;

Nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng trong nước, các nguồn vay hỗ trợ phát triển ODA và các nguồn vốn huy động hợp tác của Việt Nam;

Nguồn vốn liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu và các đơn vị kinh doanh khác;

Các nguồn vốn xã hội khác nhau tham gia dưới hình thức góp vốn cổ phần, tín dụng không chính thức ...

3.6.2. Nhu cầu vốn đầu tư của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020

a/ Cơ sở tính toán vốn đầu tư:

Nhu cầu vốn đầu tư đối với các cửa hàng kinh doanh xăng dầu sẽ được hình thành trong thời kỳ quy hoạch: Quy mô diện tích kinh doanh được xác định căn cứ vào yêu cầu về địa điểm, vị trí kinh doanh, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu hiện tại và trong kỳ quy hoạch ...Để xác định loại cửa hàng cho phù hợp; chi phí đầu tư được xác định theo giá trị đầu tư mới và phần đầu tư nâng cấp sửa chữa thực tế đối với từng loại cửa hàng cụ thể: Cửa hàng cấp 1 vốn đầu tư toàn bộ khoảng 15 tỷ đồng/1 cửa hàng; đối với vị trí xây dựng trạm dừng chân (Sơn Cẩm huyện Phú Lương và Đồng Tiến thị xã Phổ yên) diện tích là 20.000m²/vị trí, vốn đầu tư khoảng 120 tỷ đồng/vị trí; Cửa hàng cấp 2 vốn đầu tư toàn bộ khoảng 8 tỷ đồng/1 cửa hàng; Cửa hàng cấp 3 trong thành phố đầu tư mới toàn bộ khoảng 8 tỷ đồng/1 cửa hàng; di dời khoảng 6 tỷ đồng/1 cửa hàng; nâng cấp, cải tạo khoảng 3 tỷ đồng/1 cửa hàng. Cửa hàng cấp 3 ngoài thành phố đầu tư mới toàn bộ khoảng 6 tỷ

đồng/1 cửa hàng; di dời khoảng 4 tỷ đồng/1 cửa hàng; nâng cấp, cải tạo khoảng 3 tỷ đồng/1 cửa hàng.

b/ Tổng hợp vốn đầu tư mạng lưới kinh doanh xăng dầu đến 2020

- Thành phố Thái Nguyên: Có diện tích 170,53 km², dân số khoảng 315.196 người, hiện tại có 47 cửa hàng xăng dầu với tổng diện tích đất khoảng 38.222,82 m², hệ thống cửa hàng xăng dầu đến 2020 dự kiến là 57 cửa hàng, diện tích chiếm đất khoảng 51.022,82m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3. Tổng vốn đầu tư dự kiến 116 tỷ đồng (xây mới 80 tỷđồng/10cửa hàng; di dời 12tỷđồng/2cửa hàng; nâng cấp, cải tạo 24tỷđồng/8cửa hàng; chủ yếu là tiền đất).

- Thành phố Sông Công: Có diện tích 96,71 km², dân số khoảng 66.054 người; hiện tại có 13 cửa hàng xăng dầu, với tổng diện tích đất là 16.294,9 m²,

hệ thống cửa hàng xăng dầu đến 2020 dự kiến là 16 cửa hàng, diện tích chiếm đất khoảng 19.694,9 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3. Tổng vốn đầu tư dự kiến 27 tỷ đồng (xây mới 24 tỷđồng/3cửa hàng; nâng cấp, cải tạo 3tỷđồng/1cửa hàng; chủ yếu là tiền đất).

- Thị xã Phổ Yên: Có diện tích 258,89 km², dân số khoảng 171.307 người, hiện tại có 23 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 26.201 m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu đến 2020 dự kiến là 36 cửa hàng, diện tích chiếm đất khoảng 39.101m². Tổng vốn đầu tư dự kiến 107 tỷ đồng (xây mới 91 tỷ đồng/13cửa hàng (15tỷđồng/01cửa hàng cấp1; 16tỷ đồng/02 cửa hàng cấp2; và 60tỷ đồng/10 cửa hàng cấp3); nâng cấp, cải tạo 12tỷ đồng/4cửa hàng; di dời 4tỷ đồng/1 cửa hàng, chủ yếu là tiền đất).

- Huyện Phú Bình: Có diện tích 252,2 km², dân số khoảng 114.940 người, hiện tại có 17 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 9.013 m², hệ thống cửa hàng xăng dầu đến 2020 dự kiến là 29 cửa hàng, diện tích chiếm đất khoảng 18.913 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3. Tổng vốn đầu tư dự kiến 95 tỷ đồng (xây mới 72 tỷđồng/12 cửa hàng; nâng cấp, cải tạo 15tỷđồng/5cửa hàng; di dời 8tỷđồng/2 cửa hàng, chủ yếu là tiền đất).

- Huyện Đồng Hỷ: Có diện tích 454,4 km², dân số khoảng 114.300 người, hiện tại có 24 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 14.235m², hệ thống cửa hàng xăng dầu đến 2020 dự kiến là 30 cửa hàng, diện tích chiếm đất khoảng 19.335 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3. Tổng vốn đầu tư dự kiến 55 tỷ đồng (xây mới 36 tỷđồng/6 cửa hàng; nâng cấp, cải tạo 15tỷđồng/5cửa hàng; di dời 4tỷđồng/1cửa hàng, chủ yếu là tiền đất).

- Huyện Võ Nhai: Có diện tích 839,43 km², dân số khoảng 66.674 người, hiện tại có 13 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 7.290 m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu đến 2020 dự kiến là 20 cửa hàng, diện tích chiếm đất

khoảng 11.790 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3. Tổng vốn đầu tư dự kiến 49 tỷ đồng (xây mới 42 tỷđồng/7 cửa hàng; nâng cấp, cải tạo 3tỷđồng /1cửa hàng; di dời 4tỷđồng/1cửa hàng, chủ yếu là tiền đất).

- Huyện Phú Lương: Có diện tích 367,62 km², dân số khoảng 107.409 người, hiện tại có 23 cửa hàng xăng dầu, diện tích chiếm đất là 22.935 m², hệ thống cửa hàng xăng dầu đến 2020 dự kiến là 35, diện tích chiếm đất khoảng 33.435 m²; (01 cửa hàng cấp 2 và 34 cửa hàng cấp 3). Tổng vốn đầu tư dự kiến 89 tỷ đồng (xây mới 72 tỷđồng/12 cửa hàng; nâng cấp, cải tạo 9tỷđồng/3cửa hàng; di dời 8tỷđồng/2 cửa hàng, chủ yếu là tiền đất).

- Huyện Định Hoá: Có diện tích 513,51 km², dân số khoảng 88.175 người. hiện tại có 20 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 12.219,07 m²; hệ thống cửa hàng xăng dầu huyện đến 2020 dự kiến là 24 cửa hàng, diện tích chiếm đất khoảng 13.519,07 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3. Tổng vốn đầu tư dự kiến 33 tỷ đồng (xây mới 24 tỷđồng/4 cửa hàng; nâng cấp, cải tạo 9tỷđồng/3cửa hàng; chủ yếu là tiền đất).

- Huyện Đại Từ: Có diện tích 573,35 km², dân số khoảng 164.730 người, hiện tại có 22 cửa hàng xăng dầu trên địa bàn với diện tích chiếm đất là 13.003 m², hệ thống cửa hàng xăng dầu đến 2020 dự kiến là 32 cửa hàng, diện tích chiếm đất khoảng 14.491 m²; toàn bộ là cửa hàng cấp 3. Tổng vốn đầu tư dự kiến 72 tỷ đồng (xây mới 60 tỷđồng/10 cửa hàng; nâng cấp, cải tạo 12tỷđồng/4cửa hàng; chủ yếu là tiền đất).

Dự kiến tổng số vốn đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, cải tạo mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thời kỳ đến 2020 khoảng 825 tỷ đồng (vốn doanh nghiệp huy động từ các nguồn). Trong đó, số vốn đầu tư vào việc nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới khoảng 625 tỷ đồng; vốn đầu tư xây dựng kho xăng dầu vào khoảng 100 tỷ đồng; vốn đầu tư xây dựng cảng và đường ống dẫn xăng dầu (hoặc làm mới đường bộ từ cảng về kho) 100 tỷ đồng.

Bảng tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư mạng lưới CHKD xăng dầu

TT	Tên đơn vị hành chính	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)			
		Cộng	Di dời	Nâng cấp, cải tạo	Xây mới
1	TP Thái Nguyên	116	12	24	80
2	TP Sông Công	27		3	24
3	TX Phổ Yên	107	4	12	91
4	H.Phú Bình	95	8	15	72
5	H. Đông Hỷ	55	4	15	36

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới KD xăng dầu tỉnh Thái Nguyên 2016-2020

6	H.Võ Nhai	49	4	3	42
7	H.Phú Lương	89	8	9	72
8	H.Định Hóa	33		9	24
9	H. Đại Từ	72		12	60
	Xây dựng kho	100			100
	Cảng và đường ống	100			100
	Tổng đến 2020	843	40	102	701

PHẦN THỨ TƯ

CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

4.1. Các giải pháp chung

4.1.1. Đa dạng hoá các tổ chức, các thành phần kinh tế tham gia phân phối, kinh doanh xăng dầu:

* Đối với các doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh xăng dầu: Cùng với quá trình đổi mới kinh tế của cả nước, trong thời gian tới, lĩnh vực kinh doanh xăng dầu cũng sẽ có nhiều thay đổi theo hướng giảm dần tính độc quyền của các doanh nghiệp Nhà nước, gia tăng tính cạnh tranh giữa các chủ thể kinh doanh xăng dầu trên thị trường. Tuy nhiên, do vị trí quan trọng của mặt hàng xăng dầu đối với nền kinh tế, đây sẽ vẫn là lĩnh vực kinh doanh chịu sự điều tiết của Nhà nước bằng các loại công cụ khác nhau. Các doanh nghiệp Nhà nước vẫn giữ vị trí quan trọng nhằm đảm bảo việc cung cấp đầy đủ các mặt hàng xăng dầu cho nhu cầu của hoạt động sản xuất và kinh doanh với giá cả ổn định và có lợi. Để đảm nhận được vai trò quan trọng này, các doanh nghiệp nhà nước (Công ty xăng dầu Bắc Thái; Công ty xăng dầu đầu khí Thái Nguyên...) cần tăng cường củng cố mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh một cách có hiệu quả hơn thông qua việc:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh đáp ứng cả hai mục tiêu: Nâng cao hiệu quả kinh doanh và đảm bảo ổn định giá cả trước những biến động của thị trường xăng dầu trong và ngoài nước.

- Tiếp tục phát triển mạng lưới các cửa hàng bán lẻ trên toàn địa bàn Tỉnh, ở cả khu vực có nhu cầu tiêu thụ xăng dầu lớn và nhỏ.

- Đồng thời với việc phát triển các cửa hàng bán lẻ, doanh nghiệp cần phát triển mạng lưới các đại lý bán lẻ xăng dầu trên cơ sở đảm bảo các đại lý có đủ độ tin cậy trong quan hệ kinh doanh.

- Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại và đồng bộ trong kinh doanh xăng dầu (từ hệ thống kho chứa, bến xuất, nhập đến hệ thống bán lẻ và vận chuyển xăng dầu)... nhằm nâng cao trình độ phục vụ khách hàng và đáp ứng các quy định về phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường...

- Tăng cường công tác đào tạo cán bộ, công nhân trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu nhằm ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

* Đối với doanh nghiệp tư nhân: Chủ yếu là các đại lý hay tổng đại lý sẽ góp phần phát triển khá nhanh mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh: Khuyến khích doanh nghiệp tăng cường hợp tác với nhau hoặc sáp nhập, mua lại để nâng quy mô và mở rộng mạng lưới, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, tăng khả

năng tích lũy và tái đầu tư của doanh nghiệp; tăng cường đầu tư mở rộng quy mô cửa hàng kinh doanh xăng dầu (diện tích mặt bằng, số lượng cột bơm xăng dầu, dung tích bể chứa đảm bảo lưu thông ...), nhưng phải đảm bảo điều kiện kinh doanh xăng dầu đúng các quy định hiện hành; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo đội ngũ lao động có đủ kiến thức kinh doanh, đặc biệt là kiến thức về an toàn phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe người lao động...

** Đối với các thành phần kinh tế khác:* Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tập đoàn kinh tế lớn sẽ tham gia hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh, đây cũng là sự bổ sung cần thiết đối với hệ thống kinh doanh xăng dầu cả về thiết bị, công nghệ và trình độ tổ chức, quản lý kinh doanh: Khuyến khích các doanh nghiệp FDI, các tập đoàn kinh tế lớn tiếp cận thị trường và đầu tư phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu; khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thuộc mọi thành phần kinh tế tìm kiếm các đối tác liên doanh để nhanh chóng hiện đại hoá cơ sở kinh doanh.

4.1.2. Các chính sách, giải pháp về đầu tư, phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thời kỳ đến 2020

Vấn đề đầu tư phát triển hoàn thiện mạng lưới kinh doanh xăng dầu có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với quá trình thực hiện CNH và phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh. Cùng với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, Nhà nước không trực tiếp thực hiện việc đầu tư phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu mà chỉ can thiệp thông qua các chính sách khuyến khích và hạn chế đầu tư như điều kiện tham gia kinh doanh xăng dầu thuộc mọi thành phần kinh tế (về lao động, trang thiết bị PCCC, bảo vệ môi trường..., quy mô tối thiểu về mặt bằng của các cửa hàng xăng dầu, số lượng máy bán, dung tích bể chứa...)

a- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp mở rộng mặt bằng kinh doanh phù hợp với xu hướng gia tăng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu, đáp ứng yêu cầu đảm bảo hiệu quả kinh doanh và các điều kiện về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường... Đây là chính sách hết sức cần thiết nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp có mặt bằng để thực hiện việc di chuyển và mở rộng cửa hàng xăng dầu (do mở đường hoặc không đảm bảo các điều kiện kinh doanh do sự gia tăng lượng khách ...). Cụ thể là:

- Trên cơ sở định hướng quy hoạch, các cấp, ngành liên quan có phương án cụ thể dành quỹ đất cho yêu cầu di chuyển, mở rộng, đầu tư xây mới các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn Tỉnh theo từng phân kỳ quy hoạch;

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu làm thủ tục thuê đất xây dựng kho dự trữ, cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

- Có thể xem xét áp dụng chính sách miễn, giảm tiền thuê sử dụng đất, thuê đất cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đối với đầu tư mới các cửa hàng ở vùng sâu, vùng xa.

b- Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp các cửa hàng, kho chứa và mua sắm các thiết bị, phương tiện vận tải xăng dầu phù hợp với xu hướng gia tăng quy mô kinh doanh, nâng cao trình độ phục vụ khách hàng, đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ...

- Không áp dụng lãi suất tín dụng ưu đãi đối với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, nhưng cần tạo ra nguồn vốn tín dụng đủ đáp ứng nhu cầu vay vốn của các chủ thể kinh doanh xăng dầu.

- Quy định thời hạn cho vay hợp lý theo tính chất nhu cầu vay vốn đầu tư vào tài sản cố định hay dùng làm vốn lưu động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. Đối với vốn vay lưu động, thời hạn vay vốn ngắn hạn (trên dưới 1 năm). Đối với vốn vay đầu tư sửa chữa hay đầu tư mới vào tài sản cố định của doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, thời hạn vay vốn ở tầm trung và dài hạn (thường từ 2-5 năm).

- Quy định về tài sản thế chấp: Vì đa phần các doanh nghiệp này phải đi thuê đất để lấy mặt bằng kinh doanh. Vì vậy, cần cải tiến các quy định về tài sản thế chấp để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp này tiếp cận với nguồn vốn kinh doanh.

- Quy định về mức vay tối thiểu đối với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, cần được quy định ở mức 50 đến 70% nhu cầu vốn đầu tư cho một cửa hàng, tương đương khoảng 4 đến 6 tỷ đồng.

- Cần có sự đối xử bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng: Tăng cường quan hệ giữa ngân hàng và doanh nghiệp, ngân hàng phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để tìm hiểu và giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn.

- Cần áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ phục vụ khách hàng, đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ...

c- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp tăng khả năng tích lũy và huy động vốn cổ phần để đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh xăng dầu

Việc huy động vốn đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh thường được thực hiện từ 3 nguồn cơ bản: Vốn tự có của chủ thể sản xuất kinh doanh, Vốn vay từ các tổ chức tín dụng, Vốn nhân rồi huy động trong dân chúng. Hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh sử dụng vốn tín

dụng nên bị hạn chế về quy mô đầu tư; vì vậy, cần thực hiện chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tăng khả năng tích lũy và huy động vốn cổ phần để đầu tư vào lĩnh vực xăng dầu theo hướng sau:

- Việc xác định tỷ lệ khấu hao tài sản của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu có liên quan đến mức thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và khả năng tái đầu tư tài sản hợp lý để các doanh nghiệp tăng khả năng tái đầu tư.

- Tăng cường tính thừa nhận và bảo lãnh của pháp luật đối với quan hệ vay vốn giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh doanh với dân chúng;

- Tỉnh tạo điều kiện để các doanh nghiệp có thể huy động trực tiếp vốn trong dân bằng các biện pháp như: Giới thiệu các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả và có nhu cầu huy động vốn, tổ chức tiếp xúc giữa các doanh nghiệp với người có vốn...

4.1.3. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu

Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không chỉ nhằm đảm bảo các doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh nói chung và điều kiện kinh doanh xăng dầu nói riêng mà còn nhằm phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trong thời kỳ quy hoạch đến 2020 theo yêu cầu quy hoạch đề ra.

➤ *Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh*

Cần tăng cường công tác quản lý nhà nước của các Sở: Công Thương, Khoa học & Công nghệ, Tài Nguyên & Môi trường, Giao thông vận tải, Công an ... tập trung vào các vấn đề:

- Phổ biến, hướng dẫn kịp thời các văn bản pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu và tăng cường chỉ đạo, giám sát việc chấp hành của các doanh nghiệp. Đồng thời, yêu cầu doanh nghiệp phải thông tin đến khách hàng về các quy định có liên quan đến hình thức, chất lượng xăng dầu và các quy định khác có liên quan đến lợi ích của người tiêu dùng (Chẳng hạn như thông tin về màu của xăng để tránh nhầm lẫn cho người tiêu dùng...).

- Tập trung thực hiện một cách có hiệu quả Chương trình “ Quản lý đo lường và chất lượng xăng dầu”.

- Thực hiện việc xây dựng, rà soát các TCVN về xăng, dầu, khí. Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực kiểm định/hiệu chuẩn, thử nghiệm, thanh tra,

kiểm tra chất lượng xăng, dầu khí đốt của các tổ chức, cá nhân nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu.

- Thường xuyên thực hiện công tác chống gian lận trong kinh doanh xăng dầu như phá niêm phong, kẹp chì để điều chỉnh làm sai lệch đồng hồ đo, sử dụng cột bơm không qua kiểm định hoặc quá thời hạn kiểm định; gắn con chip điện tử vào các bơm và điều khiển từ xa; pha trộn lẫn xăng có cấp chất lượng thấp vào xăng chất lượng cao và bán theo giá chất lượng cao... Để khắc phục tình trạng này, cần áp dụng các biện pháp như: (1) Quy định trách nhiệm liên đới của các chủ thể kinh doanh trong cả hệ thống từ doanh nghiệp đầu mối - tổng đại lý - các đại lý bán lẻ; (2) Các lực lượng chức năng (quản lý thị trường, thanh tra khoa học công nghệ, công an môi trường...) tăng cường hoạt động kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm, kể cả việc rút *Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh* hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đưa ra đề xuất, kiến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh hơn hệ thống cơ chế, pháp luật về kinh doanh xăng dầu như các chế định về thiết lập tổng đại lý, đại lý hoa hồng, cước vận tải, chế tài xử lý vi phạm...hiện đang còn bất cập, chưa đủ sức răn đe...

- Nâng cao năng lực các cơ quan chức năng trong kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật nhằm thiết lập trật tự, kỷ cương và tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh...

➤ *Đối với yêu cầu nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh*

Để thực hiện yêu cầu của quy hoạch mạng lưới xăng dầu trên địa bàn Thái Nguyên trong thời kỳ từ nay đến 2020, một số biện pháp cần áp dụng là:

- Đảm bảo sự thống nhất giữa chức năng giám sát thực hiện, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu với việc cấp và thu hồi giấy phép kinh doanh: Không cấp phép các điểm kinh doanh xăng dầu trái với quy hoạch, đình chỉ kinh doanh và cương quyết xử lý theo quy định hiện hành các cửa hàng không đảm bảo các tiêu chuẩn về: An toàn Giao thông đường bộ, an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, Môi trường...Đến năm 2018 không còn các cửa hàng vi phạm điều kiện, tiêu chí của cửa hàng kinh doanh xăng dầu; di dời các cửa hàng không nằm trong quy hoạch đầu nội (năm 2017).

- Đơn giản hoá các thủ tục về thẩm định hồ sơ xây mới, cấp phép xây dựng, cấp phép kinh doanh; nhưng vẫn đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các thủ tục theo quy định của nhà nước về đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu;

- Tăng cường hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ kinh doanh, ATVS lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, đặc biệt là doanh nghiệp mới tham gia kinh doanh.

- Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh về các chỉ tiêu kinh doanh, những vướng mắc khó khăn cần đề xuất, việc di chuyển, mở rộng cửa hàng

4.2. Các giải pháp từ phía doanh nghiệp

4.2.1. Từng bước thực hiện hiện đại hoá, đổi mới công nghệ và thiết bị hệ thống kho xăng dầu

Căn cứ vào thực tế nhiệm vụ, quy định cụ thể của kho chứa sản phẩm dầu mỏ, doanh nghiệp cần tiến hành tính toán các bước đầu tư xây dựng phù hợp:

- Phân cụm công nghệ theo chức năng làm việc (nhập, bảo quản, xuất) để từng bước đầu tư nâng cấp hoàn thiện.

- Nâng cấp, cải tiến hệ thống công nghệ bảo quản, lắp đặt các thiết bị hiện đại, có độ chính xác cao để bảo vệ bể chứa và chống hao hụt do tác động bên ngoài.

- Ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ dịch vụ bán hàng (quy trình xuất hàng), bảo đảm thao tác nhanh chóng, chính xác.

- Hoàn thiện quy trình công nghệ, lắp đặt thiết bị đo lường chính xác để phục vụ khâu kiểm soát lượng hàng nhập vào kho.

- Tiến hành nghiên cứu thiết kế, sử dụng các bồn chứa có dung tích lớn nhằm mục đích giảm diện tích đất xây dựng và suất đầu tư cho việc xây dựng kho.

- Phối hợp đầu tư xây dựng hệ thống thiết bị tự động hoá trong kho như: Tự động hoá đóng mở van và tự động đo đếm..., tiến tới quản lý từng kho bằng máy tính và tổ chức nối mạng toàn hệ thống.

- Trong kho xăng dầu, cần tự động hoá (TĐH) các quá trình công nghệ nhằm bảo đảm an toàn trong lao động, nâng cao năng suất lao động và bảo đảm chất lượng sản phẩm, thao tác kịp thời và chính xác các quy trình công nghệ theo yêu cầu...

- Lắp đặt hệ thống camera quan sát ở các kho đầu mối và kho xăng dầu lớn để tăng cường công tác bảo đảm an toàn.

4.2.2. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng bể chứa xăng dầu

Định hướng xây dựng các bể chứa xăng dầu trên địa bàn thời gian tới:

- Xây dựng bể chứa dung tích lớn
- Sử dụng bể mái nón, mái vòm không có hoặc có cột trung tâm
- Lắp đặt mái bên trong để chống tổn thất bay hơi

4.2.3. Tăng cường bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu

4.2.3.1. Thực hiện đầy đủ các nguyên tắc bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu: Tổ chức giám sát và xử lý lượng chất thải, rò rỉ xăng dầu vào môi trường:

- Giao trách nhiệm bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu tới từng doanh nghiệp, doanh nghiệp phải cam kết rõ ràng thông qua các biện pháp về tiếp tục giảm lượng chất thải vào đất, nước, không khí ...có phương án, cách thức tối ưu để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của mình.

- Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu phải kê khai các chất thải, hoá chất rò rỉ với số lượng xác định, phương án cắt giảm, xử lý lượng thoát thải đó.

- Tổ chức quan trắc và định kỳ đánh giá những tác động do hoạt động kinh doanh xăng dầu gây ra đối với môi trường, sự an toàn sức khoẻ của công nhân và cộng đồng để xác định được những trọng điểm cần ưu tiên xử lý.

- Tổ chức giáo dục giúp nâng cao nhận thức của công nhân và quần chúng về vấn đề bảo vệ môi trường, giúp họ hiểu được các thuật ngữ khái niệm kỹ thuật được sử dụng để mô tả hoạt động của doanh nghiệp, được sử dụng trong danh mục chất thải, rò rỉ cũng như để đánh giá những tác động và rủi ro có thể xảy ra.

- Thiết lập những kế hoạch và mục tiêu ưu tiên để thực hiện cắt giảm chất thải độc hại gây ra đối với môi trường và triển khai kế hoạch cắt giảm chất thải nhằm bảo vệ môi trường nhất là khi phát triển các cửa hàng kinh doanh xăng dầu mới.

- Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu cần tiến hành theo dõi, kiểm soát hoạt động kỹ thuật để cải thiện khả năng phòng chống và phát hiện sớm các sự cố rò rỉ có thể gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

4.3.2.2. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường khi xây dựng kho xăng dầu

a) Các biện pháp công nghệ

- Xử lý nước thải chứa dầu tại các kho xăng dầu thông qua việc làm sạch bằng phương pháp cơ học, phương pháp hoá lý hoặc làm sạch bằng phương pháp sinh học.

- Xử lý bùn thải, bùn nạo vét tại các bể xăng dầu qua quá trình tách các chất gây ô nhiễm ở dạng keo tụ, tạo bông, kết tủa, dùng các quá trình sinh học để phân huỷ các chất hữu cơ gây ô nhiễm...

b) Biện pháp quản lý và vận hành sản xuất: Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành, định mức chính xác nguyên vật liệu, chấp hành đúng quy trình công nghệ sẽ làm cho lượng chất thải giảm xuống và có điều kiện quản lý chặt chẽ nguồn thải và lượng chất thải.

c) Sử dụng cây xanh: Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như thu hút bụi, lọc sạch không khí, giảm tiếng ồn và che chắn tiếng ồn, giảm nhiệt độ không khí... Một số loại cây xanh rất nhạy cảm với ô nhiễm không khí, cho nên có thể dùng cây xanh làm vật chỉ thị để phát hiện ô nhiễm, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên và xung quanh các kho xăng dầu.

d) Các biện pháp quản lý: Hỗ trợ về giáo dục, quản lý và giám sát môi trường đóng một vai trò quan trọng trong việc hạn chế ô nhiễm và cải tạo môi trường.

- *Quản lý các chất gây ô nhiễm:* Một số biện pháp có hiệu quả làm giảm ô nhiễm môi trường như sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên, nhiên liệu, giảm sản phẩm phế phẩm Đối với bụi và khí thải là nguồn gây ô nhiễm chủ yếu tại kho xăng dầu; Vì vậy, cần áp dụng các biện pháp quản lý chặt chẽ ngay từ các nguồn phát sinh bụi và khí thải, tránh sự lan truyền khí thải và bụi ra các khu vực lân cận.

- *Kiểm tra, giám sát môi trường:* Doanh nghiệp cần kết hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng về quản lý môi trường địa phương để thường xuyên kiểm soát ô nhiễm tại kho xăng dầu và khu vực xung quanh; có như vậy mới đảm bảo quá trình hoạt động bình thường của kho không gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh như: Chất lượng nguồn nước, chất lượng không khí...

PHẦN THỨ NĂM

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Công bố và triển khai quy hoạch

Điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 do UBND tỉnh phê duyệt, công bố và triển khai đến các cấp chính quyền, cơ quan quản lý, doanh nghiệp, cơ sở đang hoạt động trong lĩnh vực cung ứng và kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh; các khu vực quy hoạch kho lưu giữ, cửa hàng kinh doanh xăng dầu được công bố công khai. Mọi hoạt động đầu tư: Kho lưu giữ, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh phải xuất phát từ quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

5.2. Cụ thể hoá quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm

Quy hoạch là cơ sở để lập kế hoạch hàng năm về phát triển kho lưu giữ, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trong kế hoạch phát triển ngành Công Thương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

5.3. Trách nhiệm các ngành, các cấp trong Tỉnh

a) Sở Công Thương

- Báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh, Bộ Công Thương các giải pháp triển khai thực hiện quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan và Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo, giám sát thực hiện, tham mưu điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch hàng năm triển khai thực hiện quy hoạch; Phối hợp xây dựng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.

- Theo dõi, quản lý, thẩm định TKCS đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa, cửa hàng kinh doanh xăng dầu; đảm bảo phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu phù hợp theo quy hoạch chung và các quy hoạch phát triển giao thông, đô thị... trên địa bàn.

- Thực hiện việc xem xét, thẩm định các điều kiện để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho các kho chứa, cửa hàng kinh doanh xăng dầu theo quy hoạch được UBND Tỉnh phê duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật.

- Làm đầu mối tổ chức kiểm tra liên ngành đối với các hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mở rộng kho chứa xăng dầu... theo quy

định của pháp luật, tổng hợp báo cáo định kỳ, hàng năm với UBND Tỉnh và bộ Công Thương.

- Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, Sở Công Thương trình UBND Tỉnh quy định rõ thời gian để buộc những kho chứa, các cửa hàng kinh doanh xăng dầu có nhiều vi phạm như: Không nằm trong quy hoạch phát triển mạng lưới cửa hàng kinh doanh xăng dầu, không đủ điều kiện về địa điểm kinh doanh xăng dầu, có nguy cơ cháy nổ cao, làm mất trật tự cảnh quan đô thị, vi phạm nghiêm trọng lộ giới an toàn giao thông, xây dựng trái phép... phải di dời đúng với quy hoạch hoặc tháo dỡ, đình chỉ hoạt động.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Hướng dẫn thẩm định các thủ tục cấp giấy đăng ký kinh doanh xăng dầu cho các doanh nghiệp dựa trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ di rời và tổ chức mạng lưới kinh doanh xăng dầu, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển mạng lưới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c) Sở Tài chính

- Theo dõi, đề xuất các chính sách hỗ trợ nhằm tăng khả năng tái đầu tư của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu;

- Nghiên cứu sửa đổi và áp dụng tỷ lệ khấu hao tài sản của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu một cách chính xác.

Phối hợp với sở Công Thương, sở Kế hoạch và Đầu tư... xây dựng cơ chế ưu tiên, tạo nguồn vốn cho các dự án phát triển mạng lưới xăng dầu trên địa bàn Tỉnh .

d) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với chính quyền thành phố, thị xã, các huyện và các ngành có liên quan dành một phần diện tích đất để xây dựng mạng lưới kho chứa, cửa hàng kinh doanh xăng dầu phù hợp với quy hoạch phát triển chung của từng giai đoạn, thực hiện các trình tự, thủ tục giao đất đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì phối hợp các đơn vị lập kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu (nếu có);

- Thẩm định, đánh giá tác động môi trường trước khi cho phép xây dựng.

- Phối hợp với các ngành liên quan xây dựng cơ chế chính sách nhằm phát triển bền vững mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh .

đ) Sở Xây dựng

- Cấp (hoặc uỷ quyền cấp) Giấy phép cho xây dựng mới các kho chứa, cửa hàng kinh doanh xăng dầu hoặc sửa chữa, nâng cấp mở rộng các cơ sở hiện có

đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, đúng địa điểm được UBND Tỉnh phê duyệt và phù hợp với quy hoạch này.

- Xem xét, thẩm định những vấn đề thuộc thẩm quyền về quy hoạch, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

e) Sở Giao thông vận tải

- Xác định rõ chỉ số giới hạn lộ giới, hành lang an toàn giao thông đối với những tuyến giao thông đường bộ, đường thủy trên địa bàn được phân cấp (cả các tuyến đường do Trung ương quản lý) theo quy định làm cơ sở cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng dự án phù hợp và thực hiện công tác nghiên cứu, thẩm định thống nhất.

- Chủ trì, phối hợp với sở Công Thương và các ngành liên quan đề xuất bổ sung các điểm đầu nối, tạo điều kiện để các công trình đầu nối với các tuyến giao thông trên địa bàn tỉnh, cấp phép đầu nối với các tuyến đường do Sở quản lý.

i) Sở Khoa học và Công nghệ

- Thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về đo lường, chất lượng cho các tổ chức, cá nhân liên quan trong kinh doanh xăng dầu.

- Thẩm định chất lượng thiết bị, máy móc, phương tiện đo (cột đo xăng dầu) được sử dụng để xác định chính xác lượng xăng dầu trong mua bán, thanh toán giữa các tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng, đủ và phù hợp các tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan thường xuyên kiểm tra chất lượng xăng dầu, hệ thống đo lường, các thiết bị phục vụ, chống sự cố, gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu.

g/ Công an Tỉnh

- Thoả thuận thiết kế kỹ thuật xây dựng, nghiệm thu an toàn hệ thống PCCC với cửa hàng kinh doanh xăng dầu đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng.

- Tiến hành thẩm định các điều kiện để cấp giấy phép chứng nhận đủ điều kiện về PCCC của các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn. Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn PCCC.

- Lập Ban chỉ huy thống nhất cùng với các đơn vị có liên quan phòng và chữa cháy đối với các công trình xăng dầu (đặc biệt ở những kho dầu mỡ).

h/ UBND các thành phố, thị xã, huyện

Là cấp quản lý trực tiếp quỹ đất dành cho xây dựng các cửa hàng kinh doanh xăng dầu và giải quyết những vấn đề liên quan đến hậu quả môi trường, an toàn cháy nổ do các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn gây ra, vì

vậy, trong quá trình thực hiện quy hoạch và quản lý mạng lưới kinh doanh xăng dầu cần:

- Chịu trách nhiệm phổ biến quy hoạch chi tiết phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn theo quy hoạch đã được phê duyệt đến các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu và mọi tầng lớp dân cư.

- Theo dõi tình hình phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn để phối hợp cùng sở Công Thương và các Sở, Ngành chức năng đề xuất với UBND Tỉnh xử lý có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong thực tế và điều chỉnh bổ sung quy hoạch cho phù hợp với sự phát triển chung.

- UBND thành phố, thị xã, huyện có trách nhiệm quản lý kiểm tra chặt chẽ việc đầu tư xây dựng cơ bản mạng lưới cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn và chỉ được cấp phép xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu (theo phân cấp) đúng địa điểm quy hoạch, 6 tháng và hàng năm báo cáo về UBND Tỉnh (thông qua Sở Công Thương) về việc thực hiện quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn mình quản lý.

k/ Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh

- Nghiêm chỉnh chấp hành “Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030” của UBND Tỉnh và các quy định có liên quan của Nhà nước.

- Chủ động xây dựng kế hoạch di dời các cơ sở kinh doanh xăng dầu không phù hợp với quy hoạch, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mở rộng hoặc đầu tư phát triển cơ sở kinh doanh xăng dầu của đơn vị một cách kịp thời theo yêu cầu mới, đúng tiến độ của quy hoạch.

- Trước khi tổ chức và trong quá trình lưu giữ, kinh doanh xăng dầu phải chấp hành nghiêm và làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật.

l/ Các cơ quan thông tin, tuyên truyền

- Tuyên truyền phổ biến nội dung quy hoạch đến mọi tầng lớp dân cư, các đối tượng kinh doanh xăng dầu và đối tượng tiêu thụ xăng dầu để thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Thông tin kịp thời các trường hợp sai phạm bị cấp có thẩm quyền xử lý;

- Phổ biến các chủ trương, chính sách, các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu và tiêu dùng xăng dầu đến các đối tượng kinh doanh và nhân dân biết để thực hiện.

PHẦN THỨ SÁU

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

6.1. Kết luận

Trong thời kỳ đến 2020, triển vọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên cùng với tác động của những yếu tố mới trong và ngoài nước khi nước ta hội nhập sâu rộng hơn, đầy đủ hơn với kinh tế quốc tế; những tuyến giao thông hiện đại đang được đầu tư xây mới, nâng cấp (đường cao tốc Hà nội - Thái Nguyên, Thái Nguyên – Chợ Mới, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 37...); cùng hàng loạt các Khu đô thị mới; các Khu, Cụm công nghiệp (Khu trung tâm hành chính của tỉnh; tổ hợp Khu công nghiệp, chế xuất, đô thị và dịch vụ Yên Bình...diện tích vài chục nghìn ha) chắc chắn sẽ mang lại nhiều yêu cầu lớn, những thay đổi, cơ hội phát triển đối với hệ thống lưu giữ, cung ứng và kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trên cơ sở phân tích những vấn đề trên, Dự án đã đưa ra những quan điểm, mục tiêu, cơ sở, đề xuất phương án điều chỉnh quy hoạch và các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển các cụm kho, cửa hàng trong mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong thời gian tới.

6.2. Kiến nghị

“Điều chỉnh Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 – 2020, có xét đến năm 2030” là căn cứ chủ yếu để điều chỉnh toàn bộ hoạt động đầu tư xây dựng các cụm kho chứa, các cửa hàng và tổ chức mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh. Đề nghị các Bộ, Ngành Trung ương phối hợp, ủng hộ tỉnh Thái Nguyên thực hiện tốt quy hoạch điều chỉnh này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN